

# MỤC LỤC

---

Chương 1: GIỚI THIỆU .....	1
1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU .....	1
1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU.....	2
1.2.1 Mục tiêu chung .....	2
1.2.2 Mục tiêu cụ thể.....	2
1.3. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU .....	2
1.4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU .....	3
1.4.1 Không gian.....	3
1.4.2 Thời gian.....	3
1.4.3 Đối tượng nghiên cứu.....	3
1.5. LƯỢC KHẢO TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN .....	3
Chương 2: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU .....	4
2.1. PHƯƠNG PHÁP LUẬN.....	4
2.1.1. Lý thuyết về hành vi.....	4
2.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng.....	4
2.1.3 Quá trình ra quyết định mua hàng .....	8
2.1.4 Công tác hướng nghiệp ở trường THPT .....	10
2.1.5 Quá trình ra quyết định chọn ngành nghề của học sinh PTTH .....	12
2.2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU .....	13
2.2.1 Phương pháp thu thập số liệu .....	13
2.2.2 Phương pháp phân tích số liệu.....	14
Chương 3: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH PTTH VÙNG ĐBSCL .....	16
3.1. GIỚI THIỆU ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG .....	16
3.1.1 Đặc điểm tự nhiên.....	16
3.1.2 Dân số .....	16
3.1.3 Tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa.....	17
3.2. VÀI NÉT VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC Ở ĐBSCL .....	18
3.2.1 Ở bậc THPT .....	18

3.2.2 Ở bậc Cao Đẳng, Đại học.....	22
3.3. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CÁC TRƯỜNG THPT Ở ĐBSCL HIỆN NAY .....	23
3.4 CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH THPT KHU VỰC ĐBSCL .....	24
3.5. THỰC TRẠNG CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH THPT TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC .....	25
3.5.1. Thực trạng chọn trường.....	25
3.5.2. Thực trạng chọn ngành.....	26
Chương 4: PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH PTTH VÙNG ĐBSCL.....	30
4.1. NHẬN THỨC VỀ VIỆC THI VÀO ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH .....	30
4.1.1. Quan điểm của học sinh về việc thi đại học .....	30
4.1.2 Đại học là phương án được lựa chọn nhiều nhất .....	31
4.1.3 Thời điểm định hướng chọn ngành và chọn trường thi vào đại học.....	31
4.1.4 Số ngành mà học sinh lựa chọn khi thi đại học .....	32
4.2. TÌM KIẾM THÔNG TIN VỀ NGÀNH VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....	33
4.3. ĐÁNH GIÁ, LỰA CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC .....	35
4.3.1. Xu hướng chọn ngành của học sinh THPT vùng ĐBSCL .....	35
4.3.2. Các tiêu chí học sinh quan tâm khi chọn ngành.....	37
4.3.3. Xu hướng chọn trường của học sinh THPT vùng ĐBSCL.....	39
4.3.4. Các tiêu chí học sinh quan tâm khi chọn trường.....	40
4.4. QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG.....	41
4.4.1. Đối tượng ảnh hưởng đến quyết định.....	41
4.4.2. Thái độ khi đưa ra quyết định chọn ngành nghề.....	42
4.5. CÂN NHẮC SAU KHI QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH NGHỀ.....	43
4.5.1. Trường hợp trúng tuyển đối với ngành nghề đã chọn.....	43
4.5.2. Trường hợp trúng tuyển đối với ngành nghề đã chọn.....	44
4.6. PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH PTTH VÙNG ĐBSCL.....	45
4.6.1 Yếu tố văn hóa .....	45

4.6.2 Yếu tố xã hội.....	47
4.6.3 Yếu tố cá nhân.....	52
4.6.4 Yếu tố tâm lý.....	55
Chương 5: GIẢI PHÁP ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH, TRƯỜNG	
CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG VÙNG ĐBSCL.....	58
5.1. TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN.....	
5.1.1 <i>Tồn tại</i> .....	58
5.1.2 <i>Nguyên nhân</i> .....	59
5.2 GIẢI PHÁP .....	
Chương 6: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....	63
6.1. KẾT LUẬN.....	
6.2 KIẾN NGHỊ.....	65
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	68
PHỤ LỤC: BẢNG CÂU HỎI PHÒNG VẤN .....	69

## **DANH MỤC BIỂU BẢNG**

---

	Trang
BẢNG 1: KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CỦA 13 TỈNH ĐBSCL(2006-2008)	19
BẢNG 2: MỨC ĐỘ TIN CẬY, HỮU ÍCH, DỄ TÌM CỦA NGUỒN THÔNG TIN.....	33
BẢNG 3: CÁC TIÊU CHÍ HỌC SINH QUAN TÂM KHI CHỌN NGÀNH ...	37
BẢNG 4: CÁC TIÊU CHÍ HỌC SINH QUAN TÂM KHI CHỌN TRƯỜNG .	40
BẢNG 5: ĐIỂM TRUNG BÌNH CỦA CÁC NHÓM THAM VẤN ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH VÀ TRƯỜNG ĐH .....	47
BẢNG 6: HÌNH THỨC ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC .....	48
BẢNG 7: TỶ LỆ CHỌN NGÀNH HỌC THEO NGHỀ NGHIỆP GIA ĐÌNH.	50

## DANH MỤC HÌNH

---

	Trang
Hình 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng.....	4
Hình 2: Thang bậc nhu cầu của Maslow .....	8
Hình 3: Mô hình quá trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng .....	9
Hình 4: Quá trình ra quyết định chọn ngành, trường đại học của học sinh THPT	13
Hình 5: Tỷ lệ mẫu giữa các tỉnh .....	14
Hình 6: Quan điểm của học sinh về việc thi đại học.....	30
Hình 7: Thời điểm định hướng chọn ngành và chọn trường thi vào đại học ....	31
Hình 8: Số ngành mà học sinh lựa chọn khi thi đại học .....	32
Hình 9: Xu hướng chọn ngành của học sinh THPT vùng ĐBSCL.....	35
Hình 10: Xu hướng chọn trường của học sinh THPT vùng ĐBSCL .....	39
Hình 11: Quyết định chính trong việc chọn ngành, trường ĐH .....	41
Hình 12: Thái độ chọn ngành và trường ĐH của học sinh THPT .....	42
Hình 13: Sự hài lòng với ngành học đã chọn.....	43
Hình 14: Giải pháp đối với trường hợp không hài lòng về ngành học.....	43
Hình 15: Phương án lựa chọn sau khi tốt nghiệp phổ thông .....	44
Hình 16: Mối quan hệ giữa khu vực và quyết định chọn ngành.....	45
Hình 17: Mối quan hệ giữa giới tính và quyết định chọn ngành .....	46
Hình 18: Cơ cấu nghề nghiệp của gia đình học sinh.....	49
Hình 19: Mối quan hệ giữa hoàn cảnh kinh tế gia đình và quyết định chọn ngành	
52	
Hình 20: Ảnh hưởng của kết quả học tập đến việc chọn ngành .....	53
Hình 21: Mức độ quan trọng của yếu tố sở thích, sở trường cá nhân .....	54
Hình 22: Cá tính của học sinh trong đối tượng nghiên cứu.....	55
Hình 23: Mức độ hiểu biết thông tin về ngành .....	56
Hình 24: Mức độ hiểu biết thông tin về trường ĐH.....	56

## DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

---

THPT	:	trung học phổ thông
ĐBSCL	:	đồng bằng sông Cửu Long
Bộ GD & ĐT	:	Bộ giáo dục và đào tạo
TS	:	thí sinh
CĐ	:	cao đẳng
THCN	:	trung học chuyên nghiệp
KT – XH	:	kinh tế - xã hội
ĐH	:	đại học
SV	:	sinh viên
QTKD	:	quản trị kinh doanh

# **Chương 1**

## **GIỚI THIỆU**

### **1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

Học sinh THPT nói chung và học sinh lớp 12 nói riêng đang ở lứa tuổi bắt đầu bước vào ngưỡng cửa cuộc đời. Một cuộc sống tương lai đầy hấp dẫn, lý thú song cũng đầy bí ẩn và khó khăn đang chờ đợi các em. Khác với thiếu niên, thanh niên học sinh có sự chuẩn bị về tâm thế nên suy nghĩ của các em chín chắn hơn khi quyết định kế hoạch đường đời của mình. Tuy nhiên trong thực tế, việc chọn nghề, quyết định đường đời của học sinh THPT không đơn giản chút nào bởi vì ngành nghề trong xã hội rất phong phú, mỗi ngành nghề đều có những yêu cầu riêng... Vì vậy, câu hỏi “làm gì sau khi tốt nghiệp THPT” khiến nhiều em lúng túng, không tìm được câu trả lời.

Hầu hết các em có mơ ước vào các trường đại học nổi tiếng với ngành nghề mang tính thời thượng. Nhưng có bao nhiêu người thực hiện được ước mơ đó. Nếu không vào được đại học thì họ sẽ phải làm sao... Trong khi nếu chọn một ngành phù hợp hơn ở trường đại học vừa sức mình hơn thì cơ hội đậu đại học là rất cao. Còn đối với những em may mắn hơn là có thể trở thành những cô cậu sinh viên, sau một thời gian học mới vỡ lẽ ra: đây không phải là ngành nghề phù hợp với mình, và nhu cầu xã hội hiện nay. Khát vọng của ước mơ đã đặt ra cho họ những suy nghĩ: nếu được lựa chọn lại từ đầu thì chắc hẳn mình sẽ không chọn ngành này mà là... Ước mơ của các em đôi khi còn rất xa với thực tế lao động, chưa thấy được giá trị đích thực của các nghề. Các em có kỳ vọng quá cao vào một số nghề nhưng khi tiếp xúc với nghề nghiệp trong thực tế thường làm các em thất vọng. Chọn nghề mà hiểu biết quá ít, thậm chí không hiểu nghề định chọn thì sớm muộn sẽ gặp trở ngại lớn trong hoạt động nghề nghiệp của cá nhân, tạo sự hẫng hụt, gây ra tâm lý miễn cưỡng trong lao động, nhiều khi lơ dờ cả cuộc đời. Tất cả những điều đó các em có thể tránh khỏi nếu có một chương trình hướng nghiệp sâu rộng. Vì hướng nghiệp sẽ giúp cho cá nhân nhận ra chân giá trị của nghề và tìm thấy hạnh phúc khi tận tâm cống hiến tinh thần và sức lực cho nghề đó. Hiểu được tính chất nghiêm trọng của việc chọn nhầm ngành, em nhận thấy việc phân tích những nhân tố đã ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành và trường

đại học của học sinh PTTH vùng ĐBSCL hiện nay là vô cùng cần thiết để biết được xu hướng chọn ngành và trường đại học của các em, từ đó đưa ra giải pháp hoặc kiến nghị với các nhà làm công tác giáo dục giúp cho những học sinh cuối cấp có thể đưa ra quyết định lựa chọn ngành nghề, cũng như chọn trường đại học phù hợp với năng lực và sở thích của bản thân. Đó là lý do em chọn đề tài **“Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành, trường đại học của học sinh PTTH vùng ĐBSCL”** làm đề tài luận văn cuối khóa của mình.

## **1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

### *1.2.1 Mục tiêu chung*

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành và trường đại học của học sinh PTTH vùng ĐBSCL, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao công tác hướng nghiệp nhằm giúp cho học sinh PTTH chọn lựa đúng ngành và trường đại học cho chính mình.

### *1.2.2 Mục tiêu cụ thể*

Dựa vào mục tiêu chung, đề tài sẽ phân tích một số vấn đề cụ thể như sau:

- Phân tích xu hướng chọn ngành, trường đại học của học sinh PTTH vùng ĐBSCL hiện nay.
- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành và trường đại học của học sinh PTTH vùng ĐBSCL.
- Đề xuất giải pháp nâng cao công tác hướng nghiệp nhằm giúp cho học sinh PTTH chọn lựa đúng ngành nghề phù hợp với bản thân.

## **1.3. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU**

- Hiện nay các học sinh PTTH vùng ĐBSCL đang lựa chọn trường Đại học theo xu hướng nào ?
- Hiện nay các học sinh PTTH vùng ĐBSCL đang lựa chọn ngành học cho tương lai mình theo xu hướng nào ?
- Các nhân tố nào ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành và trường đại học của học sinh PTTH ĐBSCL ?
- Giải pháp nào có thể giúp các em học sinh PTTH lựa chọn đúng ngành cho tương lai mình ?



## **1.4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

### *1.4.1 Không gian*

Không gian nghiên cứu của đề tài là khu vực ĐBCSL, nhưng do hạn chế về thời gian nên em chỉ tập trung nghiên cứu đối tượng học sinh PTTH tại 4 tỉnh Tiền Giang, An Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu.

### *1.4.2 Thời gian*

- Thời gian thực hiện đề tài từ ngày 02/02/2009 đến 26/4/2009.
- Số liệu sơ cấp được thu thập vào tháng 03 năm 2009.
- Số liệu thứ cấp của đề tài sử dụng trong thời gian từ năm 2006 – 2008.

### *1.4.3 Đối tượng nghiên cứu*

Các học sinh PTTH ở vùng ĐBSCL, cụ thể là học sinh PTTH ở các tỉnh Tiền Giang, An Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu.

## **1.5. LƯỢC KHẢO TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN**

1.5.1 Nguyễn Anh Việt, 2008, “*Cẩm nang hướng nghiệp*”. Nghiên cứu nhằm giúp các bạn học sinh PTTH định hướng và lựa chọn nghề nghiệp cho mình. Có sự lựa chọn thông minh và sáng suốt nhất. "Không có trường nào sang, không có ngành nào hèn. Quan trọng là bạn có yêu, có thích ngành nghề bạn đã lựa chọn hay không". Nội dung chủ yếu tập trung vào những vấn đề sau: Thế giới nghề nghiệp; Những lưu ý khi chọn nghề; Tư vấn hướng nghiệp; Hướng nghiệp - Hỏi & trả lời.

1.5.2 La Hồng Huy, 2001, “*Thực trạng và giải pháp về công tác hướng nghiệp*”, nghiên cứu của đề tài cho thấy một bức tranh chung về thực trạng hướng nghiệp, sự phân luồng học sinh PTTH và các nhân tố chi phối nó, tìm ra giải pháp hợp lý cho công tác hướng nghiệp, góp phần vào chiến lược phát triển tỉnh An Giang.

1.5.3 Nguyễn Minh Ngọc, 2008, “*Nhận thức nghề và lựa chọn nghề của học sinh THPT Dân tộc nội trú tỉnh Bắc Giang*”. Nội dung của đề tài đi sâu vào tìm hiểu những đặc trưng riêng của ngành nghề và đối chiếu những yêu cầu đó với năng lực, thể chất, tâm lí của các em học sinh PTTH. Bên cạnh đó còn nghiên cứu về xu hướng lựa chọn ngành nghề của các em. Đề tài có thể cung cấp cơ sở khoa học cho sự phân luồng giáo dục cho Ủy ban dân tộc miền núi của tỉnh, của Sở giáo dục và sẽ góp phần đổi mới nội dung, phương pháp sử dụng trong các trường dân tộc nội

trú như lồng ghép các kiến thức về hướng nghề, hướng ngành, hướng nghiệp cho học sinh.

## Chương 2

# PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## 2.1. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

### 2.1.1. Lý thuyết về hành vi

Các lý thuyết về hành vi người tiêu dùng sẽ được dùng làm phương pháp luận cho hành vi chọn ngành và trường đại học của học sinh THPT. Bởi vì trong trường hợp này học sinh cũng chính là những khách hàng mà ngành hay trường đại học là những sản phẩm mà học sinh sẽ chọn lựa.

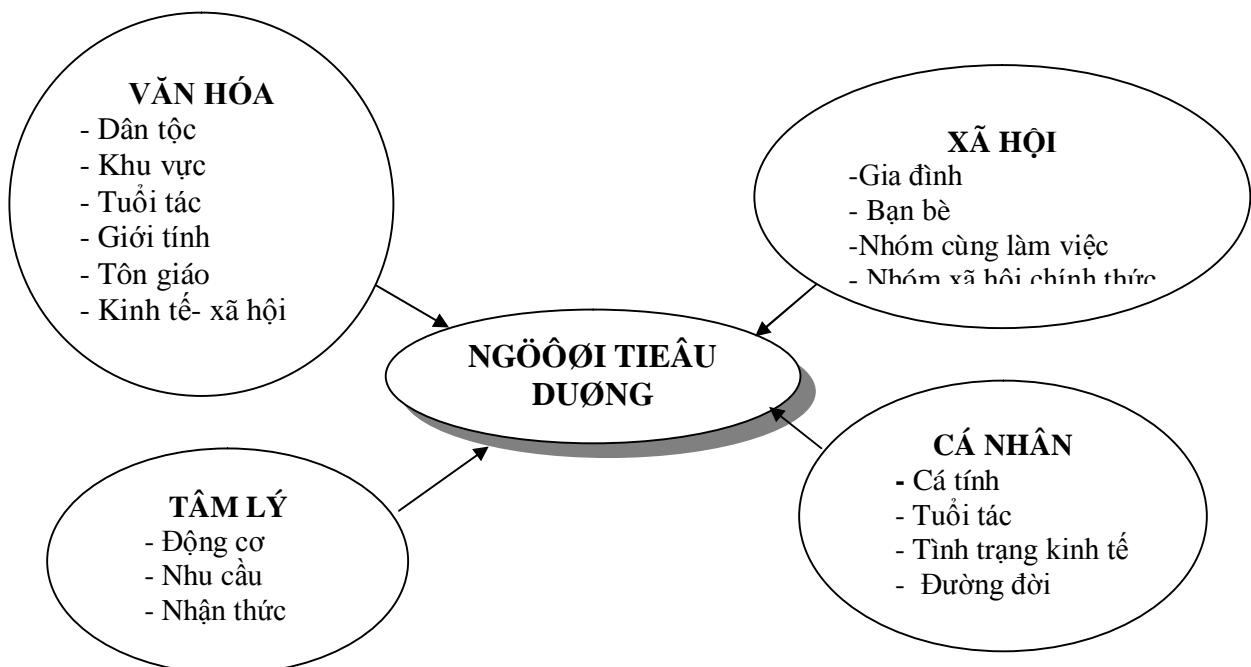
♦ Hành vi người tiêu dùng được hiểu là những phản ứng mà các cá nhân biểu lộ trong quá trình ra quyết định mua hàng hóa, dịch vụ.

⇒ Nhà tiếp thị của doanh nghiệp nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng với mục đích nhận biết nhu cầu, sở thích thói quen của họ.

♦ Nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng là nghiên cứu những phản ứng của các cá nhân khi nghe, nhìn, tiếp xúc, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ và những phản ứng của họ đối với các phương thức tiếp thị sản phẩm, dịch vụ đó.

⇒ Những phản ứng phải được nghiên cứu trong bối cảnh có sự tác động của tâm lý bên trong cùng với ảnh hưởng của đặc điểm bản thân và môi trường xã hội bên ngoài.

### 2.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng



## **Hình 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng**

### *2.1.2.1 Yếu tố văn hoá*

❖ Khái niệm: Văn hóa nên được xem là tập hợp các đặc trưng tâm linh, vật chất, trí tuệ và cảm xúc riêng biệt của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội, và ngoài văn học và nghệ thuật, nó bao gồm lối sống, cách chung sống, hệ giá trị, truyền thống và đức tin. *[Định nghĩa của UNESCO, năm 2002]*

#### ❖ Các nhánh văn hóa

##### ♦ Nhánh văn hóa dân tộc

Mỗi một quốc gia thường có nhiều dân tộc, mỗi dân tộc có ngôn ngữ, phong tục, tập quán khác nhau dẫn đến quan điểm và lối sống khác biệt.

Nhánh văn hóa dân tộc được xác định qua các đặc điểm về nhân khẩu học, tôn giáo, giáo dục, các mẫu gia đình, các lứa tuổi, các công việc làm, thu nhập, địa vị xã hội.

##### ♦ Nhánh văn hóa khu vực

Mỗi vùng dân cư của một quốc gia thường có khí hậu, thổ nhưỡng khác nhau và điều kiện xã hội như: điện nước, giáo dục giao thông, phương tiện thông tin đại chúng, giải trí khác nhau, dẫn đến điều kiện kinh tế khác nhau.

Điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội ở mỗi vùng khác nhau sẽ tạo nên sự khác biệt về văn hóa và hành vi của con người.

##### ♦ Nhánh văn hóa tuổi tác

Con người ở những độ tuổi khác nhau sẽ có cách nhìn nhận khác nhau về văn hóa có thể chia thành nhánh văn hóa những người trẻ tuổi, những người trung niên, nhánh văn hóa người cao tuổi.

##### ♦ Nhánh văn hóa giới tính

Ngày nay vai trò của người phụ nữ đã được đề cao, vì thế họ cũng tham gia vào các lĩnh vực trong xã hội. Họ có quyền chọn những ngành nghề mà họ thích để tạo ra thu nhập cho bản thân và góp phần vào việc xây dựng đất nước.

##### ♦ Nhánh văn hóa tôn giáo

- Mỗi tôn giáo có triết lý riêng, góp phần vào việc hình thành và củng cố niềm tin trong hành vi của con người.

- Những nhóm tôn giáo như: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Hòa hảo là những nhánh văn hóa ở Việt Nam với những điều cấm kỵ và những ước muốn riêng biệt.

♦ Nhánh văn hóa liên quan đến kinh tế xã hội

- Nhánh văn hóa này được sắp xếp thành các tầng lớp xã hội. các tầng lớp xã hội có sự khác biệt về giá trị, niềm tin, quan điểm, hành vi lựa chọn các sản phẩm.

- Các nhà tiếp thị có thể phân khúc thị trường theo nhánh văn hóa này và triển khai các chiến lược marketing thích hợp.

2.1.2.2 *Yếu tố xã hội*

❖ *Khái niệm*

Là do một tập thể gồm hai hay nhiều người trở lên ảnh hưởng tác động lẫn nhau để hoàn thành mục tiêu cá nhân hay mục tiêu chung.

Trong bất cứ nhóm nào thì mỗi cá nhân đều đảm đương một địa vị và một vai trò trong mối quan hệ với những thành viên khác.

❖ *Phân loại nhóm yếu tố xã hội*

<b>Phân loại nhóm</b>	<b>Đặc tính</b>
Nhóm sơ cấp	Quan hệ thường xuyên, mật thiết, ý kiến, quan điểm của cá nhân được quan tâm.
Nhóm thứ cấp	Quan hệ có thể thường xuyên, thiếu sự mật thiết, không quan tâm đến ý kiến người khác.
Nhóm chính thức	Có cơ cấu tổ chức rõ ràng, có nguyên tắc chung, có mục đích riêng, một số cá nhân có vai trò điều hành nhóm
Nhóm không chính thức	Tổ chức lỏng lẻo, thiếu mục đích, những nguyên tắc không được viết thành văn.
Nhóm thành viên	Cá nhân là thành viên của nhóm.
Nhóm biểu tượng	Cá nhân không thể gia nhập nhóm bất chước giá trị, thái độ, hành vi của nhóm.

❖ *Ảnh hưởng của nhóm yếu tố xã hội*

⇒ Gia đình: là một nhóm xã hội giữ vai trò quan trọng trong các quyết định tiêu dùng của một cá nhân.

⇒ Nhóm bạn bè: Là nhóm có ảnh hưởng khá quan trọng đến hành vi của người tiêu dùng sau gia đình. Tình bạn là dấu hiệu của sự trưởng thành và độc lập. Những suy nghĩ, ý kiến của những người bạn có thể tác động mạnh đến sự lựa chọn sản phẩm mà nhãn hiệu sản phẩm của một người nhất là ở lứa tuổi thanh thiếu niên. Người tiêu dùng thường tìm kiếm thông tin về sản phẩm từ những người bạn mà họ cảm thấy có những quan điểm tương tự như họ.

⇒ Nhóm cùng làm việc: Thành viên của nhóm cùng làm việc gặp gỡ nhau hằng ngày. Vì gặp nhau thường xuyên họ trao đổi nhau về sở thích, thị hiếu, nhu cầu, thông tin cho nhau về các sản phẩm, các nhãn hiệu sản phẩm mà họ biết. Ảnh hưởng của nhóm này đến hành vi lựa chọn của người tiêu dùng không kém phần quan trọng.

⇒ Nhóm xã hội chính thức: Nhóm xã hội chính thức có tác động đến việc lựa chọn sản phẩm của các thành viên trong nhóm vì họ muốn thích nghi với nhóm.

#### 2.1.2.3 *Yếu tố cá nhân*

Ta xem xét ảnh hưởng của yếu tố cá nhân bao gồm: Ảnh hưởng của tuổi tác, đường đời, nghề nghiệp, tình trạng kinh tế, phong cách sống, cá tính đối với hành vi tiêu dùng của họ.

#### 2.1.2.4 *Yếu tố tâm lý*

✱ Những yếu tố tâm lý bên trong con người như: động cơ, nhu cầu, nhận thức, khả năng hiểu biết, niềm tin, thái độ có ảnh hưởng quan trọng đến quyết định mua hàng của một người.

→ Vì thế có thể nói hành vi của người tiêu dùng là hành vi của cá nhân có động cơ, có nhận thức, có sự hiểu biết.

→ Các quyết định mua sắm hay tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ của người này không thể giống quyết định mua sắm tiêu dùng của người khác.

✱ Lý thuyết về động cơ

Một trong những lý thuyết về động cơ được khá nhiều nhà tiếp thị ứng dụng để xác định nhu cầu của người tiêu dùng là Lý thuyết về thang nhu cầu của Maslow. Trong lý thuyết này, thang nhu cầu gồm có năm bậc:

(1) Nhu cầu sinh học

Những nhu cầu này được yêu cầu trước tiên để duy trì cuộc sống con người về mặt sinh học.

Ví dụ: Nhu cầu về nơi ăn chốn ở, thức ăn nước uống, quần áo... Những nhu cầu này thống trị chúng ta khi chúng chưa được thỏa mãn.

(2) Nhu cầu an toàn

Sau khi bậc thứ nhất của nhu cầu được thỏa mãn, những nhu cầu an toàn và yên ổn được nổi lên bao gồm những nhu cầu được che chở, bảo vệ khỏi những tổn thương vật chất

Ví dụ: tiết kiệm tiền để dành, mua bảo hiểm nhân thọ, ăn uống hợp vệ sinh, môi trường sống lý tưởng...

(3) Nhu cầu xã hội

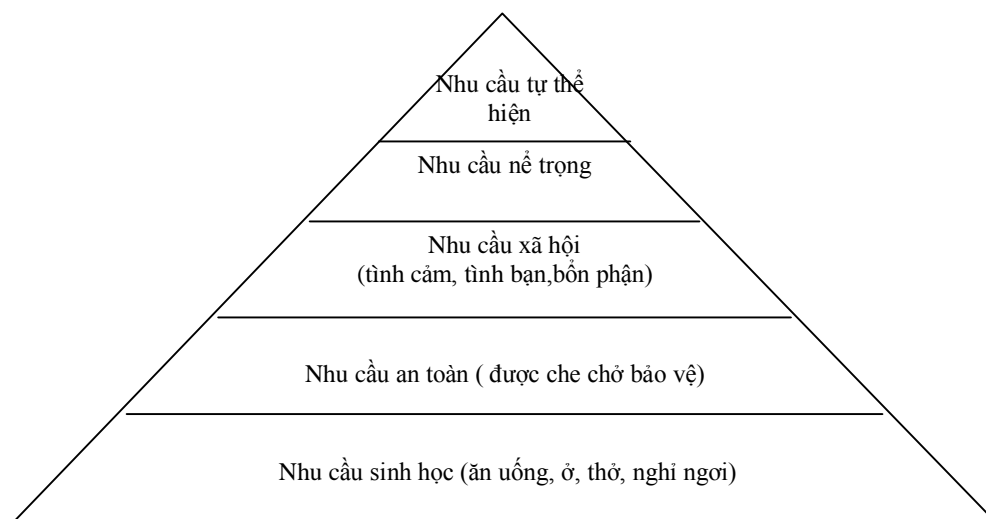
Cấp bậc thứ ba bao gồm những nhu cầu như tình cảm, thiện y, bổn phận, đức tin. Con người tìm kiếm những mối quan hệ ấm áp của đồng loại và sự hài lòng đối với người khác và được thúc đẩy bởi tình yêu đối với gia đình họ

(4) Nhu cầu được quý trọng

Khi những nhu cầu xã hội được thỏa mãn ít nhiều, thì nhu cầu ở cấp tư sẽ tiếp tục nổi lên. Nhu cầu được quý trọng (Nhu cầu cái tôi) bao gồm những nhu cầu về sự tự trọng, tự tin, thành đạt, uy tín, danh tiếng, địa vị...

(5) Nhu cầu tự thể hiện

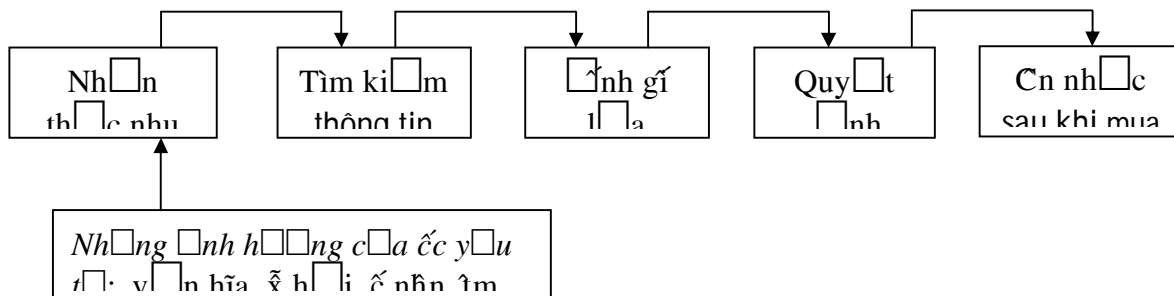
Theo Maslow, phần lớn con người không thỏa mãn nhu cầu cái tôi của họ do đó chuyển sang cấp bậc thứ năm – nhu cầu tự thể hiện hay nhu cầu tự hoàn thành – để thực hiện tiềm năng của mình.



## Hình 2: Thang bậc nhu cầu của Maslow

### 2.1.3 Quá trình ra quyết định mua hàng

Hàng hóa dịch vụ được các nhà doanh nghiệp cung cấp ngày càng nhiều trên thị trường nhưng việc mua sắm hàng hóa là phụ thuộc vào người tiêu dùng. Khuyến khích để nhận ra nhu cầu cũng là một việc làm cần thiết của nhà kinh doanh để thúc đẩy người tiêu dùng tham gia vào một quá trình mua hàng.



**Hình 3: Mô hình quá trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng**

#### 2.1.3.1 Nhận thức về nhu cầu sản phẩm

➤ Quá trình quyết định xảy ra khi người tiêu dùng nhận biết một nhu cầu của chính họ. Khi trạng thái mong muốn gặp trạng thái thực tế thì nhu cầu được nhận dạng.

➤ Ở giai đoạn này, nhà tiếp thị phải biết dự đoán được người tiêu dùng sẽ phát sinh những loại nhu cầu nào? Và họ sẽ muốn thỏa mãn nhu cầu của họ như thế nào? Thỏa mãn với loại sản phẩm nào, với những đặc tính gì?

#### 2.1.3.2 Tìm kiếm thông tin

➤ Khi sự thôi thúc của nhu cầu đủ mạnh sẽ người tiêu dùng bắt đầu tìm kiếm thông tin để hiểu biết về sản phẩm và lựa chọn, quyết định. Tìm kiếm thông tin là giai đoạn thứ hai của quá trình ra quyết định.

➤ Quá trình tìm kiếm là có thể ở dạng “bên trong” hoặc “bên ngoài”. Nếu việc tìm kiếm bên trong thành công thì sẽ không xảy ra việc tìm kiếm thông tin bên ngoài.

↪ Tìm kiếm thông tin bên trong: Bao gồm việc phục hồi hay lục lọi những kiến thức, hay những hiểu biết trong trí nhớ.

↪ Tìm kiếm thông tin bên ngoài: Là việc thu thập thông tin bên ngoài. Người tiêu dùng có thể tìm kiếm thông tin bên ngoài từ các thành viên trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, xem xét sản phẩm trưng bày ở cửa hàng, tiếp xúc với người bán hàng,

xem quảng cáo. Sự tìm kiếm bên ngoài xảy ra khi sự tìm kiếm bên trong không đầy đủ và thiếu hiệu quả, người tiêu dùng sẽ đi đến quyết định thu thập thông tin từ môi trường bên ngoài.

#### **2.1.3.3 Đánh giá, lựa chọn**

➤ Sau khi tìm kiếm thông tin để lựa chọn một số nhãn hiệu, người tiêu dùng sẽ thực hiện bước tiếp theo là đánh giá để đi đến việc lựa chọn cuối cùng.

➤ Trong giai đoạn này, nhà tiếp thị phải lưu ý đến niềm tin và thái độ của người mua trong việc đánh giá các nhãn hiệu. Vì chúng ta biết rằng cùng một sự vật hiện tượng nhưng người tiêu dùng nhận thức khác nhau, phán đoán khác nhau, tạo ra niềm tin và thái độ khác nhau. Vì vậy nhà tiếp thị cần phải biết được người tiêu dùng đánh giá những nhãn hiệu đó như thế nào với mục đích:

- ✧ Thiết kế lại nhãn hiệu để người tiêu dùng ưa chuộng
- ✧ Hoặc thuyết phục quan tâm đến đặc tính của sản phẩm hơn là nhãn hiệu.
- ✧ Hoặc thay đổi những suy nghĩ sai của người tiêu dùng về đặc tính quan trọng của sản phẩm.

#### **2.1.3.4 Quyết định mua hàng**

Sau khi đánh giá người tiêu dùng hình thành định mua và đi đến quyết định mua nhãn hiệu đã lựa chọn. tuy nhiên ý định mua hàng có thể thay đổi do kết quả của các hoạt động marketing. Các nhà tiếp thị nên tác động mạnh đến người tiêu dùng để thúc đẩy quyết định mua hàng.

#### **2.1.4 Công tác hướng nghiệp ở trường THPT**

❖ Phân loại các ngành học hiện nay

- Theo quyết định số 70/2007/QĐ- BGDĐT ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Kỹ thuật trình độ đại học có một số ngành cụ thể.

- Theo thông tư số 03/2009/TT- BGDĐT ban hành bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Văn hóa - Nghệ thuật, trình độ đại học bổ sung một số ngành.

- Theo quyết định số 24/2007/QĐ-BGDĐT đã căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Nông - Lâm - Thủy sản ngày 10 tháng 3 năm 2007.



- Theo quyết định số 23/2004/QĐ-BGDĐT ban hành bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành kinh tế- quản trị kinh doanh trình độ đại học, cao đẳng.

- Theo quyết định số 01/2005/QĐ-BGD&ĐT ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Nhân văn trình độ đại học.

- Theo quyết định số 29/2005/QĐ-BGD&ĐT ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Xã hội trình độ đại học.

- Theo quyết định số 10/2006/QĐ-BGDĐT Ban hành Bộ Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học An ninh trình độ đại học.

- Theo quyết định số 28/2006/QĐ-BGDĐT Ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Sư phạm trình độ đại học.

- Theo quyết định số 45/2002/QĐ-BGDĐT ban hành Chương trình các môn học dùng cho các khối ngành khoa học xã hội.

➤ Dựa vào các quyết định và thông tư của Bộ giáo dục và đào tạo, các ngành học tại các trường đại học hiện tại thuộc các khối ngành sau:

- ✓ Khối ngành khoa học tự nhiên
- ✓ Khối ngành khoa học xã hội và nhân văn
- ✓ Khối ngành Kinh tế- Quản trị kinh doanh
- ✓ Khối ngành Kỹ thuật- công nghệ
- ✓ Khối ngành Sư phạm
- ✓ Khối ngành Y dược
- ✓ Khối ngành Nông - Lâm - Thủy sản
- ✓ Khối ngành Nghệ thuật –Thể dục thể thao
- ✓ Khối ngành Khoa học an ninh

❖ Sự cần thiết của công tác hướng nghiệp

Hiện nay, do nhu cầu xã hội, dịch vụ “Tư vấn hướng nghiệp” đang được chú ý phát triển dưới nhiều hình thức khác nhau (tư vấn trực tiếp tại các trung tâm, tư vấn thông qua các bài trắc nghiệm, tư vấn qua tổng đài điện thoại, tư vấn trực tuyến trên mạng Internet v.v...).

Hướng nghiệp cho học sinh phổ thông là một vấn đề rất quan trọng. Mặc dù trong những năm gần đây, các ban ngành đoàn thể có sự quan tâm đến công tác hướng nghiệp nhưng chưa thật sự đúng mức. Vấn đề cốt lõi là học sinh các vùng sâu vùng xa

có quá ít thông tin về tuyển sinh. Trong khi đó các giáo viên dạy môn "hướng nghiệp - dạy nghề" chỉ dạy nghề chứ chưa thật sự hướng nghiệp.

Các giáo viên dạy môn này chưa được trang bị những kỹ năng để hướng nghiệp mà chủ yếu truyền cho học sinh bằng kinh nghiệm của mình.

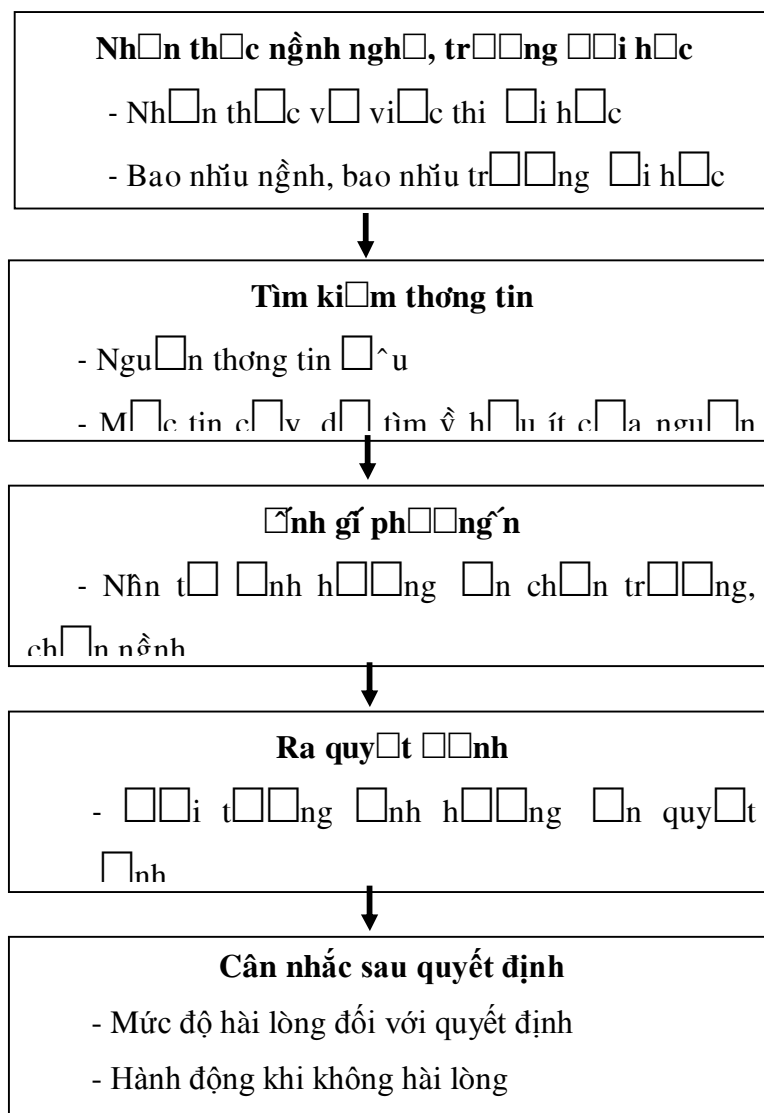
Vì vậy Bộ GD-ĐT cần thường xuyên mở các lớp tập huấn cho giáo viên về các hoạt động hướng nghiệp, thông tin đến các trường một cách nhanh nhất. Mỗi trường nên thành lập một ban tư vấn. Ban này chịu trách nhiệm cập nhật những thông tin về tuyển sinh để giới thiệu cho học sinh. Bên cạnh đó, phải kết hợp với Đoàn, hội phụ huynh... tổ chức những diễn đàn, hội nghị trong nhà trường về vấn đề hướng nghiệp. Những buổi như vậy, phụ huynh sẽ biết được nguyện vọng của các em, từ đó giúp các em trong việc chọn ngành nghề.

Một số ngành cầu đang rất lớn, rất cao nhưng cung lại quá thấp. Chẳng hạn như ngành chế biến lâm sản thời gian vừa qua đang thiếu trầm trọng đội ngũ khoa học kỹ thuật, có công ty tìm không ra kỹ sư chế biến lâm sản, thủy sản... mặc dù họ trả mức lương rất cao. Họ đặt hàng với các trường để đào tạo thêm kỹ sư ngành này theo hình thức đào tạo theo địa chỉ nhưng các thí sinh lại thiếu thông tin..

Xuất phát điểm của TS khi chuẩn bị vào ngưỡng cửa đại học, CĐ, THCN... phải là sở thích, sở trường, năng khiếu. Đó mới là điều quan trọng và cốt lõi! Tiếp theo là phải cân nhắc nhu cầu việc làm của ngành này. Nên xác định được điều quan trọng này sẽ có ý nghĩa lâu dài, thậm chí gắn bó với cả cuộc đời... hơn là tìm câu trả lời cho câu hỏi "Thi trường nào, ngành nào dễ đậu?". các bạn học sinh chưa được cung cấp những thông tin cơ bản về các loại hình nghề nghiệp trong xã hội hiện nay; có những em chưa nhận thức được việc định hướng nghề nghiệp, tầm quan trọng của việc tìm hiểu về các ngành - nghề cho bản thân, từ đó dẫn đến lúng túng và mơ hồ trong việc lựa chọn ngành học, cấp học phù hợp. Hầu như những chọn lựa của các em còn cảm tính, chưa có sự suy nghĩ thấu đáo. Bên cạnh việc thông tin về các ngành nghề đào tạo, các hoạt động hướng nghiệp cần cung cấp cái nhìn đúng về tầm quan trọng của việc học đại học - cao đẳng - trung học chuyên nghiệp; ý thức sự khác biệt giữa ba bậc học ấy và xác định cấp học nào phù hợp với mình.

### **2.1.3 Quá trình ra quyết định chọn ngành nghề của học sinh PTTH**

Vì vấn đề nghiên cứu của đề tài là “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành và trường đại học của học sinh THPT” nên ta có thể xem học sinh lớp 12 là người tiêu dùng, các trường đại học là nơi cung cấp dịch vụ cho học sinh, nên hành vi chọn ngành và chọn trường thi đại học được xem như hành vi người tiêu dùng. Vì vậy, quá trình ra quyết định chọn ngành và trường đại học của học sinh cũng trải qua các bước như quá trình ra quyết định mua hàng của người tiêu dùng. Do thời gian làm luận văn có giới hạn nên đề tài chỉ nghiên cứu đến bước thứ tư là “Quyết định mua hàng” chứ không nghiên cứu hành vi sau khi mua hàng. Do đó quá trình ra quyết định chọn ngành và trường đại học của học sinh chỉ trải qua 4 bước:



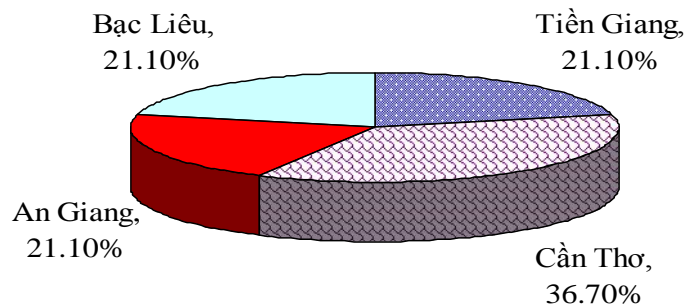
**Hình 4: Quá trình ra quyết định chọn ngành, trường đại học của học sinh THPT**

## 2.2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.2.1 Phương pháp thu thập số liệu

- Thu thập các số liệu thứ cấp về đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục thông qua những nguồn sau: Báo tuổi trẻ, Báo thanh niên Báo Cần Thơ.

- Thu thập số liệu sơ cấp: Mẫu được thu thập theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Việc thu thập số liệu được tiến hành bằng cách phỏng vấn trực tiếp 160 học sinh cuối cấp tại các trường PTTH ở 4 tỉnh: Tiền Giang, An Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu thông qua bảng câu hỏi đã chuẩn bị trước với tỷ lệ mẫu như sau:



Hình 5: Tỷ lệ mẫu các tỉnh

### 2.2.2 Phương pháp phân tích số liệu

#### 2.2.2.1 Phương pháp thống kê mô tả

##### ♦ Khái niệm

Phân tích thống kê mô tả là quá trình chuyển dịch dữ liệu thô thành dạng thích hợp hơn cho việc hiểu và giải thích chúng. Phân tích mô tả được thực hiện qua hai giai đoạn. Một là, mô tả các câu trả lời hay các quan sát cụ thể bằng các kỹ thuật lập bảng, sắp xếp thứ tự các dữ liệu đã được thu thập. Hai là, tính toán các chỉ tiêu thống kê như số trung bình, phân phối tần số, phân phối tỷ lệ... Ngoài ra có thể sử dụng đồ thị, biểu đồ để phân tích dữ liệu ở giai đoạn này.

Việc lập biểu và tính toán các chỉ tiêu có thể được thực hiện bằng tay hoặc sử dụng các chương trình phần mềm máy tính được thiết kế cho mục đích này.

Các bảng được lập thông thường gồm có bảng tần suất, bảng so sánh chéo khi có sự so sánh hai hoặc nhiều hơn các biến số được sử dụng trong thiết kế hàng và cột các bảng.

#### ♦ Nội dung của phương pháp phân tích thống kê mô tả

→ Lập bảng tần suất và tính tỷ lệ phần trăm

Lập bảng thể hiện việc sắp xếp dữ liệu theo một trật tự trong bảng dữ liệu hoặc các dạng tóm tắt khác. Một bảng tần suất đơn giản là bảng ghi số lần xuất hiện những câu trả lời giống nhau do cùng một câu hỏi. Bảng thống kê những câu trả lời hoặc những quan sát theo từng câu hỏi hoặc theo từng mục, cung cấp những thông tin cơ bản bổ ích nhất cho nhà nghiên cứu. Những số liệu thống kê này cho các nhà nghiên cứu biết các câu trả lời xuất hiện với một tần số như thế nào.

Để bắt đầu lập bảng, người nghiên cứu phải đếm các câu trả lời hoặc các quan sát cho mỗi vấn đề loại hạng ở mỗi biến. Trong trường hợp mẫu nghiên cứu tương đối nhỏ, việc lập bảng có thể thực hiện bằng phương pháp thủ công. Tuy nhiên, trong những trường hợp mẫu nghiên cứu có kích thước lớn, người nghiên cứu phải thực hiện rất nhiều công việc. các kỹ thuật phân tích bằng máy tính với các phần mềm chuyên dụng sẽ giúp tiết kiệm thời gian và công sức khi lập bảng.

Đánh giá xu hướng hội tụ

Những chỉ tiêu thống kê được sử dụng phổ biến để miêu tả khuynh hướng hội tụ của một phân phối là số trung bình, trung vị và mode.

Số trung bình là trung bình số học của một tổng thể hoặc một mẫu được xác định theo công thức:

$$\mu = \sum X_i / N$$

Trong đó:  $\mu$  là trung bình số học

$X_i$  là giá trị của quan sát thứ  $i$

$N$  là số lượng  $c$  quan sát trong tổng thể

#### 2.2.2.2 Phương pháp bảng chéo

*α) Định nghĩa:* Cross-Tabulation là một kỹ thuật thống kê mô tả hai hay ba biến cùng một lúc bằng bảng kết quả phản ánh sự kết hợp hai hay ba biến có số lượng hạn chế trong phân loại hoặc trong giá trị phân biệt.

Mô tả dữ liệu bằng Cross-Tabulation được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu marketing bởi vì:

- + Kết quả của nó có thể được giải thích và hiểu được một cách dễ dàng đối với các nhà quản lý không có chuyên môn thống kê.

- + Sự rõ ràng trong việc giải thích cung cấp sự kết hợp chặt chẽ giữa kết quả nghiên cứu và quyết định trong quản lý.

- + Chuỗi phân tích Cross-Tab cung cấp những kết luận sâu hơn trong những trường hợp phức tạp

- + Làm giảm bớt các vấn đề của các ô (cells)

- + Tiến hành đơn giản

*β) Phân tích Cross-Tab hai biến*

Bảng phân tích Cross-Tabulation hai biến còn gọi là bảng tiếp liên (Contingency table), mỗi ô trong bảng chứa đựng sự kết hợp phân loại của hai biến.

Việc phân tích các biến theo cột hay theo hàng là tùy thuộc vào việc biến đó là biến phụ thuộc hay biến độc lập. Thông thường khi xử lý biến xếp cột là biến độc lập, biến hàng là biến phụ thuộc.

## **Chương 3**

### **PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH PTTH VÙNG ĐBSCL**

#### **3.1. GIỚI THIỆU ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

##### **3.1.1 Đặc điểm tự nhiên**

ĐBSCL có diện tích gần 4 triệu ha, chiếm khoảng 12% diện tích cả nước. Khí hậu ổn định, nhiệt độ trung bình 28°C. Việc vùng ĐBSCL hàng năm bị ngập lũ gần 50% diện tích từ 3-4 tháng tạo nên một đặc điểm nổi bật của vùng, một mặt làm hạn chế lớn đối với canh tác, trồng trọt và gây nhiều khó khăn cho đời sống của dân cư, nhưng mặt khác cũng tạo nên những điều kiện thuận lợi cho việc đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và bổ sung độ phì nhiêu cho đất trồng trọt. ĐBSCL có bờ biển dài trên 700 km, khoảng 360.000 km<sup>2</sup> khu vực đặc quyền kinh tế, phía Đông giáp biển Đông, phía Nam giáp Thái Bình Dương và phía Tây - Nam giáp vịnh Thái Lan, tạo điều kiện rất

thuận lợi trong việc phát triển kinh tế biển, khai thác và nuôi trồng thủy sản phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

### **3.1.2 Dân số**

Năm 2008, dân số ĐBSCL hơn 18 triệu người tăng 1,1% so với năm 2007 Tỷ lệ dân số 15 tuổi làm công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong 12 tháng trong lĩnh vực nông – lâm – ngư ở ĐBSCL chiếm đến 62,32% - đứng hàng thứ 4, sau Tây Nguyên (78,4%), Tây Bắc (86,12%) và Đông Bắc (74,07%)

Tuy hao phí thời gian lao động rất lớn nhưng mức thu nhập của người dân trong vùng bình quân chỉ đạt 371 ngàn đồng / người / tháng – chỉ bằng mức bình quân chung của cả nước. Mức đóng góp từ hoạt động nông – lâm – ngư chiếm 62,6% thu nhập của các hộ trong vùng. Các phân tích trên cho thấy năng suất lao động trong nông nghiệp của vùng còn rất thấp. Chất lượng lao động thấp và thu nhập kém là cản ngại lớn để nông nghiệp nông thôn vùng ĐBSCL tăng tính cạnh tranh và hội nhập vào kinh tế nông nghiệp ASEAN, thế giới..

### **3.1.3 Tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa**

#### **➤ Kinh tế**

Toàn vùng gồm thành phố Cần Thơ và 12 tỉnh, là vùng kinh tế sản xuất nông nghiệp (50% sản lượng lúa, 70% lượng trái cây), thủy sản (52%) lớn nhất nước, đóng góp 90% số lượng gạo xuất khẩu và 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước.

Trong cơ cấu kinh tế của ĐBSCL hiện nay, khu vực nông-lâm-ngư chiếm 48%, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 22%; khu vực dịch vụ chiếm 30%. Theo Ban chỉ đạo Tây Nam bộ, để phát triển bền vững và nâng cao mức sống của nhân dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong thời kỳ hội nhập, Bộ Chính trị đề ra mục tiêu cho ĐBSCL đến năm 2010 là: GDP tăng bình quân hàng

năm 11 – 12%/ năm trở lên; GDP bình quân đầu người đạt 900 – 950 USD/ năm 2010; cơ cấu trong GDP: nông nghiệp dưới 40%, công nghiệp gần 30%, dịch vụ trên 30%; kim ngạch xuất khẩu tăng hàng năm trên 20%; giải quyết việc làm cho 2,5 – 3 triệu lao động; giảm tỉ lệ hộ nghèo còn 11 – 12%.

### Văn hóa

Đồng bằng sông Cửu Long hơn 18 triệu dân và lực lượng lao động trên 9 triệu người (chiếm 21% của cả nước), nhưng được đánh giá có trình độ học vấn và chuyên môn qua đào tạo thấp. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế của vùng trong các năm qua và nó sẽ tiếp tục gây ra ảnh hưởng không tốt trong những năm tới, đặc biệt khi đất nước tham gia sâu vào quá trình hội nhập kinh tế thế giới.

Kết quả điều tra cho thấy có 45,1% người từ 15 tuổi trở lên ở địa bàn nông thôn không hoàn thành cấp học nào; 32,87% tốt nghiệp tiểu học; 13,51% có bằng trung học cơ sở và có 5,43% có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học. Sinh viên đại học và sau đại học của đồng bằng sông Cửu Long chỉ chiếm... hơn 4% dân số ở độ tuổi 20 – 24. Trong lúc bình quân cả nước gần 1 triệu dân có 1 trường đại học thì ở đồng bằng sông Cửu Long 3,3 triệu dân mới có 1 trường đại học. Và, không ai nghĩ rằng, dân miền sông nước chỉ tiêu cho giáo dục lại "khiêm tốn" tới mức chỉ hơn 130.000 đ/người/năm. Do mảng giáo dục kém phát triển nên nguồn nhân lực ở đồng bằng sông Cửu Long "đói" tri thức, chất lượng còn ở mức rất thấp so với các vùng trong nước. Lực lượng lao động chưa qua đào tạo hiện còn chiếm tới 89,28%. Đại đa số nông dân hầu như chưa được huấn luyện, đào tạo. Tỷ lệ người qua trường lớp đào tạo chỉ có 3,17%, như vậy có gần 97% lao động tham gia các hoạt động kinh tế nông thôn chưa được đào tạo. Các chỉ số này đều thấp hơn mức bình quân chung của cả nước, và chỉ cao hơn Tây Bắc và Tây Nguyên.

## **3.2. VÀI NÉT VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC Ở ĐBSCL**

### **3.2.1 Ở bậc THPT**

#### **3.2.1.1 Thành tựu**

Năm qua đã có những chuyển biến tích cực trong hệ thống giáo dục THPT ở ĐBSCL. Đó là đánh giá đúng năng lực của học sinh, tuyệt đối không để tình trạng học



sinh ngồi nhầm lớp, tạo sự chuyển biến về nhận thức trong học sinh, giáo viên và các tầng lớp nhân dân về kiểm tra, đánh giá, thi cử. Nâng chất lượng học sinh vào lớp 10. Ở các trường THPT, mặc dù chỉ tiêu tuyển vào lớp 10 còn thiếu, nhưng nhà trường không nhận những học sinh bị điểm không khi thi tuyển vào học lớp 10. Rà soát, phân loại học sinh để có biện pháp giúp đỡ học sinh yếu- kém; không để học sinh không đạt chuẩn vẫn được lên lớp. Bồi dưỡng giáo viên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, ý thức tự giác học tập, tự bồi dưỡng; đổi mới phương pháp dạy và học. Thực hiện việc đánh giá, xếp loại giáo viên nghiêm túc, đúng thực chất.

Thành tựu đáng kể nhất của năm 2008 ở bậc giáo dục THPT cuối cấp là tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp tăng đáng kể hơn 9% so với năm 2007, đạt 75,96%. Tỷ lệ đỗ tăng hơn năm trước nhưng tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp loại khá giỏi tăng khoảng 1%, từ 10,62% năm 2007 lên 11,46% năm 2008. Trong bảng tổng sắp xếp hạng kết quả thi tốt nghiệp lần 1 cũng có nhiều thay đổi bất ngờ. Đặc biệt ở ĐBSCL, phần lớn các tỉnh thành đều có tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp cao hơn năm ngoái, chỉ tỉnh Tiền Giang tỷ lệ này giảm nhẹ tương đối ở mức 2,55%. Dưới đây là thống kê tỷ lệ tốt nghiệp THPT từ năm 2006 - 2008 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT:

**BẢNG 1: KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CỦA 13 TỈNH ĐBSCL 2006-2008**

TT	Đơn vị	Năm 2008 (lần 1)					Năm 2007 (lần 1)			Năm 2006		
		Xếp hạng	Số dự thi	Số tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Tỷ lệ khá giỏi (%)	Xếp hạng	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Tỷ lệ khá giỏi (%)	Xếp hạng	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Tỷ lệ khá giỏi (%)
1	Cần Thơ	11	8,276	7,151	86.41	12.03	12	79.60	13.25	28	94.90	17.60
2	Bến Tre	13	13,659	11,382	83.33	14.29	11	79.78	17.72	53	86.37	22.32
3	Vĩnh Long	16	11,957	9,891	82.72	14.34	30	70.63	11.25	58	82.79	18.77

4	Tiền Giang	19	13,942	11,356	81.45	19.30	5	84.00	25.47	36	91.49	27.87
5	Trà Vinh	21	7,429	6,033	81.21	11.45	19	74.16	9.93	39	90.79	18.38
6	An Giang	23	13,488	10,779	79.92	12.68	24	71.70	13.88	63	77.76	15.97
7	Đồng Tháp	34	13,933	10,298	73.91	8.76	26	71.45	11.71	35	91.86	13.49
8	Cà Mau	36	8,800	6,399	72.72	6.95	37	63.49	7.28	59	82.42	5.48
9	Hậu Giang	43	5,629	3,871	68.77	13.64	41	61.31	16.09	43	89.36	6.37
10	Bạc Liêu	48	6,074	3,959	65.18	9.19	53	48.81	6.65	62	79.18	4.57
11	Kiên Giang	50	11,858	7,447	62.80	6.54	39	62.58	7.12	57	85.54	9.49
12	Sóc Trăng	57	9,514	5,552	58.36	8.30	50	51.35	8.57	64	74.74	6.00
13	Hậu Giang	61	6,243	3,407	54.57	4.99	58	34.78	3.60	48	87.64	3.78

(Nguồn: [www.moet.gov.vn](http://www.moet.gov.vn))

Có thể nói đạt được kết quả này là nhờ sự nỗ lực lớn của ngành giáo dục trong suốt năm học 2007-2008 vừa qua. Công tác kiểm tra thanh tra ở các tỉnh đều được tăng cường, số lượng thí sinh vi phạm quy chế thi giảm đáng kể. Vì vậy, kết quả thi đã phản ánh đúng chất lượng giáo dục ở bậc học cuối cấp này.

### 3.1.2.2 Khó khăn

✎ Tình trạng bỏ học: Trong những năm gần đây, nhiều trường học ở khu vực ĐBSCL, nhất là những trường thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn - tình trạng học sinh bỏ học ngày càng tăng, vượt qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm học 2007-2008, ĐBSCL có 10.269 học sinh THPT bỏ học. Cụ thể tỉnh An Giang, cuối năm học 2006-2007 toàn tỉnh ở hai cấp học THCS và THPT, tỉnh An Giang cũng có đến 4.728 học sinh phải đi học lại vì không đủ chuẩn lên lớp, trong đó cấp học THCS học sinh lưu ban tăng 217% và THPT tăng 65,9%. Ở Sóc Trăng số liệu thống kê vào cuối học kỳ 1 năm học 2007-2008 cho thấy toàn tỉnh ở bậc THPT giảm đến là 1.015 em. Còn tại tỉnh Bến Tre, mặc dù ngành giáo dục rất nỗ lực vận động học sinh trở lại lớp nhưng cũng có gần 1.300 học sinh bỏ học. Tại thành phố Cần Thơ, kết thúc năm học 2006-2007 có nhiều trường học sinh bỏ học với con số khá cao. Nguyên nhân của hiện tượng này là do học lực quá yếu, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn và phương tiện đi lại của học sinh ở những vùng nông thôn sâu, vùng xa, vùng dân tộc còn nhiều gian nan vất vả, có nơi đường sá chưa có hoặc chưa đảm bảo nên học sinh phải đi học bằng đường thủy khiến cho phụ huynh không mấy yên tâm, nếu không các em phải thuê nhà trọ để ở thì gia đình khó kham nổi các khoản chi này.

Trong công cuộc công nghiệp hoá-hiện đại hoá hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu của cả nước nói chung, của khu vực ĐBSCL nói riêng. Số lượng học sinh THPT bỏ học ngày càng nhiều sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực. Thực trạng trên đòi hỏi ngành giáo dục, các ban, ngành chính quyền, đoàn thể các địa phương cần tiếp tục có những giải pháp chủ động và quyết liệt hơn... để hạ thấp tỷ lệ học sinh bỏ học.

➤ Hiện tượng thiếu giáo viên: Bên cạnh đó giáo dục ở bậc THPT còn một khó khăn khác là hầu như tỉnh nào của khu vực ĐBSCL cũng đang thiếu giáo viên cho năm học mới đặc biệt là đội ngũ giáo viên ở bậc THPT. Theo số liệu của Sở GD&ĐT, toàn tỉnh Kiên Giang thiếu 220 giáo viên. Tại Hậu Giang, số giáo viên thiếu là 150 giáo viên, còn ở tỉnh An Giang cũng đang thiếu khoảng 100 giáo viên. Có khoảng 2.300 giáo viên chưa đạt chuẩn, cần được bồi dưỡng. Cả khu vực vẫn còn thiếu khoảng 3.000 giáo viên, nhất là giáo viên giỏi. Hiện ĐBSCL vẫn còn trường hợp giáo viên tốt nghiệp cao đẳng được đôn lên dạy THPT. Do trình độ giáo viên không đáp ứng được yêu cầu nên không thể truyền tải đầy đủ nội dung chương trình cho học sinh. Thêm vào đó, quá trình đào tạo giáo viên hiện nay cũng còn nhiều bất cập, nhất là loại hình đào tạo giáo viên THPT từ xa, tại chức ở các trung tâm giáo dục thường xuyên. Điều bất hợp lý là sinh viên theo học các chương trình này chính là những học sinh... thi không đậu vào trường CDSP. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng nguồn nhân lực của ĐBSCL.

➤ Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ dạy và học ở ĐBSCL còn thiếu thốn: Hầu hết các trường vùng sâu, vùng xa xôi hẻo lánh, vùng bùng, vùng cơ sở kháng chiến cũ thuộc loại bán kiên cố, tranh tre lá tạm bợ. Việc đầu tư cơ sở vật chất trường lớp ở bậc THPT cao hơn bậc tiểu học và THCS nhưng tỷ lệ phòng học cấp IV trở lên chỉ chiếm 51,70% dù đã được tập trung đầu tư. Với đà tăng trưởng nhanh số học sinh THPT như hiện nay, việc tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất vẫn hết sức cấp bách đối với bậc học này.

☒ Nguyên nhân của những yếu kém, bất cập của giáo dục-đào tạo ĐBSCL

✓ Về khách quan:

- Khí hậu, thời tiết gây nhiều khó khăn cho tổ chức hoạt động của trường học.
- Xuất phát điểm thấp hơn các vùng và khu vực khác

- Mức sống và thu nhập thấp, hộ gia đình lại lớn, tỷ lệ hộ nghèo cao.
- Dân cư phân tán; thường thay đổi chỗ ở trong khi giao thông chưa phát triển, việc đi lại còn khó khăn.

✓ Về chủ quan:

- Công tác tuyên truyền, vận động trong nhân dân về vai trò, tác dụng của giáo dục-đào tạo làm chưa tốt.

- Chỉ đạo chưa thật sát sao và kịp thời, thiếu sự kiểm tra đôn đốc và giám sát thường xuyên.

- Các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương còn thiếu chủ động.

- Công tác quản lý giáo dục-đào tạo còn nhiều bất cập

- Trình độ, năng lực cán bộ quản lý GD&ĐT còn thấp

- NSNN đầu tư hàng năm cho giáo dục-đào tạo ĐBSCL thấp hơn các vùng khác và chưa tạo được bước phát triển đột phá

- Một số chỉ tiêu phát triển xác định chưa dựa trên cơ sở khoa học và căn cứ thực tiễn vững chắc

✓ Về phía ngành giáo dục và đào tạo :

- + Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp quận, huyện và cấp trường còn nhiều bất cập;

- + Lãnh đạo, quản lý và điều hành vẫn mang nặng tính hành chính, quan liêu;

- + Thiếu những cơ chế, chính sách linh hoạt và phù hợp với trình độ phát triển kinh tế-xã hội, đặc điểm địa lý, tự nhiên và những tập quán, văn hoá của vùng;

- + Sự liên kết, phối hợp giữa Trường Đại học Cần Thơ và các trường đại học khác, với các tỉnh trong vùng và với thành phố Hồ Chí Minh chưa rõ nét.

### **3.1.2.3 Mục tiêu Giáo dục phổ thông đến năm 2010**

- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 99%;
- Đạt chuẩn phổ cập THCS vào năm 2010;
- Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học trong độ tuổi đạt 87-90%
- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi vào trung học phổ thông lên 50%.

### **3.2.2 Ở bậc Cao Đẳng, Đại học**

➤ Thành tựu:

Đến nay, ĐBSCL đã có 10 trường ĐH, 1 phân hiệu ĐH gồm 4 trường thuộc các Bộ ngành T.U' (ĐH Cần Thơ, ĐH Y Dược Cần Thơ, ĐH Sư phạm Đồng Tháp, Phân hiệu ĐH Nha Trang tại Kiên Giang), 4 trường thuộc tỉnh quản lý (ĐH An Giang, ĐH Bạc Liêu, ĐH Tiền Giang, ĐH Trà Vinh), 3 trường dân lập, tư thục (ĐH Cửu Long, ĐH Tây Đô, ĐH Kinh tế Công nghiệp Long An).

Cụ thể:

- Thành lập Trường Đại học Kiên Giang tại thành phố Rạch Giá (năm 2005)
- Thành lập Trường Đại học Bạc Liêu (năm 2006)
- Phát triển và nâng cấp trình độ đào tạo đại học cho trường Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (hoàn thành vào năm 2010)

• Trường Đại học Miền Tây (Hậu Giang) đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho thành lập (năm 2008).

- Thành lập Trường CĐCD Cà Mau (năm 2007)
- Thành lập Trường CĐCD Sóc Trăng (năm 2006)
- Thành lập Trường CĐCD Hậu Giang (năm 2005)
- Thành lập Trường CĐCD Long An (năm 2007)
- Thành lập Trường CĐCD Bạc Liêu (năm 2010)
- Thành lập Trường CĐCD An Giang (năm 2008)
- Thành lập Trường CĐCD Cần Thơ (năm 2010)

➤ Mục tiêu Giáo dục đại học, THCN và dạy nghề

- + Đạt 120 sinh viên (ĐH và CĐ)/1 vạn dân.
- + Tăng quy mô đào tạo THCN hàng năm trên 20%.

+ 20% lao động được qua đào tạo nghề: Tăng cường cơ sở vật chất-kỹ thuật các trường dạy nghề, trường THCN và hiện đại hoá một số cơ sở dạy nghề, trường THCN và trường CĐCD (hoàn thành vào năm 2010); xây dựng hệ thống trường/ trung tâm dạy nghề quận, huyện; đầu tư xây dựng 2 trường dạy nghề chất lượng cao của vùng (trong đó có trường đào tạo Công nhân Kỹ thuật Cần Thơ thuộc dự án “Giáo dục Kỹ thuật và dạy nghề”) và thành lập các trường THCN ở những nơi có nhu cầu (hoàn thành vào năm 2008).

- + Điều chỉnh lại cơ cấu ngành nghề đào tạo.
- + Ưu tiên một số ngành nghề cấp thiết đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội.

+ Đầu tư xây dựng Trường Đại học Cần Thơ thành trường đại học trọng điểm (hoàn thành vào năm 2015).

+ Đầu tư nâng cấp Trường Đại học An Giang và Trường Đại học, Sư phạm Đồng Tháp (hoàn thành vào năm 2015)

### **3.3. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CÁC TRƯỜNG THPT Ở ĐBSCL HIỆN NAY**

❖ Việt Nam đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao trở thành một vấn đề cấp thiết hiện nay. Nghị quyết TW2 (khóa VIII) đã nêu rõ: “Muốn tiến hành công nghiệp hóa thắng lợi phải phát triển mạnh GD&ĐT, phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản phát triển nhanh và bền vững”. Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 cũng đề ra mục tiêu phát triển giáo dục phổ thông là “ở cấp THPT giúp học sinh có những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật, chú trọng hướng nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phân luồng sau THPT để học sinh vào đời hoặc chọn ngành nghề học sau khi tốt nghiệp”. Dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2009-2020, mục tiêu về giáo dục hướng nghiệp được đề cập: “Phần đầu tăng mạnh tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo đạt 70% vào năm 2020 từ trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học”.

❖ ĐBSCL là nguồn nhân lực giàu tiềm lực trí tuệ và tay nghề của con người. Đội ngũ lao động có qua đào tạo đã có sự đóng góp tạo nên sự tăng trưởng của vùng. Tuy nhiên so với nhu cầu phát triển kinh tế của vùng thì kết quả trên chưa đáp ứng được về cả quy mô và cơ cấu ngành nghề đào tạo. Phát triển KT\_XH của khu vực ĐBSCL đúng là kế hoạch đòi hỏi nguồn nhân lực phải đảm bảo cơ cấu đến năm 2010 là lao động công nghiệp- xây dựng 16%, dịch vụ 34%, nông-lâm-ngư nghiệp 50%. Muốn thế, giải pháp cho giáo dục ĐBSCL phải xác định khâu đột phá là đổi mới và phát triển giáo dục THPT, coi nâng cao hiệu quả chất lượng của giáo dục phổ thông, đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THPT là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để mở rộng quy mô nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dự trữ ĐBSCL hàng năm phải huy động 50% học sinh vào học THPT trong độ tuổi, lao động qua đào tạo 40-50% trong năm 2010 và tỷ lệ này là 70% trong năm 2020.

### **3.4 CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH THPT KHU VỰC ĐBSCL**

Hiện nay, tại hầu hết các trường THPT ở khu vực ĐBSCL, học sinh lớp 12 bao giờ cũng được nhà trường tạo mọi điều kiện để tốt nghiệp, còn khâu hướng nghiệp cho các em thì không phải trường nào cũng quan tâm đúng mức. Nhiều trường THPT có quan tâm hướng nghiệp thì chỉ thực hiện đối với học sinh cuối năm mà quên mất học sinh cũng rất cần sự định hướng, phương pháp học ngay từ đầu. Thêm vào đó, ở nhiều trường, thời gian dành cho việc hướng nghiệp thì rất ít chủ yếu vào giờ sinh hoạt chủ nhiệm hay những buổi sinh hoạt dưới cờ. Vì vậy, không thể giải đáp tất cả những thắc mắc cho học sinh. Chính vì thế, việc cần thiết là phải có sự dài hơi trong tư vấn. Nếu được định hướng nghề nghiệp sớm, học sinh sẽ tìm được con đường cho mình, tránh được sự lãng phí rất nhiều mặt cho bản thân các em, gia đình và xã hội.

Bên cạnh đó, mạng lưới trung tâm hướng nghiệp - dạy nghề có phần phát triển hơn trước nhưng chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ của mình. Nhiều học sinh học xong phổ thông lúng túng không biết chọn ngành học nào cho phù hợp. Phần lớn phụ huynh gặp khó khăn trong việc tư vấn ngành nghề cho con em mình. Vì vậy, ĐBSCL có quá nhiều trường dạy nghề, trung tâm hướng nghiệp của nhiều ngành nhưng chưa tập trung lại hình thành một hệ thống trường dạy nghề, thu hút học sinh vào học nghề hoặc kết hợp đào tạo nghề và đào tạo văn hóa. Vấn đề liên thông giữa trường phổ thông với trường nghề, cao đẳng, đại học được đặt ra và được xem là giải pháp hữu hiệu để chống tình trạng bỏ học ở trường phổ thông. Vấn đề này đã từng được Hiệp hội các trường cao đẳng cộng đồng Hoa Kỳ đề xuất đối với Cao đẳng cộng đồng Việt Nam để đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo mọi cơ hội cho những người muốn học tập và kiếm sống bằng kiến thức, kỹ năng của mình, nhưng đến nay vẫn chưa được triển khai một cách sâu rộng.

Chính vì không được định hướng ngành nghề một cách rõ ràng nên: phải đến khi đặt chân vào giảng đường các trường đại học, cao đẳng, các bạn sinh viên mới được tiếp cận với những hoạt động giúp sinh viên nhìn nhận, làm quen với công việc thực tế. Sự gắn kết giữa các trường cao đẳng, đại học với các trường THPT trong việc tư vấn chọn ngành, chọn nghề giúp học sinh vẫn còn nhiều hạn chế. Đối với học sinh THPT, thông tin về các khoa, trường đào tạo các lĩnh vực thường rất chung chung. Có những thí sinh thi đại học, thậm chí kể cả sinh viên đang theo học tại các trường cũng

chưa hề hình dung được về công việc thực tế mà mình sẽ làm sau khi ra trường. Và chỉ tới khi đi thực tập, thì họ mới biết được công việc cụ thể của chuyên ngành mình.

### **3.4. THỰC TRẠNG CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH THPT TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC**

#### **3.4.1. Thực trạng chọn trường**

Hàng năm, cả xã hội lại nóng lên khi kì thi đại học bắt đầu, nhà nhà thi, người người xách túi đi thi bất chấp cái nắng gay gắt của mùa hè. Nhà nào có sĩ tử đi thi cũng như có hội và hội họp chờ đợi, hi vọng, thấp thỏm. Nhưng có quá nhiều cái chân cùng chen vào một cánh cửa hẹp, chắc hẳn sẽ có những kẻ buộc phải bỏ cuộc. Tâm lí phải vào đại học bằng mọi giá của nhiều bậc phụ huynh vô hình chung đã đè lên vai các sĩ tử một gánh nặng và tư tưởng chỉ có một con đường “sáng sủa” duy nhất là vào đại học. Học nghề chỉ là lựa chọn cuối cùng khi không thể nào làm khác hơn. Với gia đình khá giả, con đường du học tự túc khi con em họ không có khả năng với đến cánh cửa các trường đại học trong nước luôn được nghĩ đến. Ai cũng muốn con em mình phải hơn thiên hạ ở cái bằng cấp và ít nhất là được bằng bạn bằng bè.

Tư tưởng phải vào đại học bằng mọi giá ăn sâu vào thể hệ học sinh khiến cho phần lớn các em chỉ biết học và đi theo sự mong muốn của người lớn. Nhiều người trong số họ bị choáng trước những nghề “hot”, không biết mình có năng khiếu về lĩnh vực nào và lại càng mù tịt về những ngành nghề hiện nay để biết mình hợp với loại nghề gì.

Một số trường phổ thông có điều kiện thì đưa học sinh đi tham quan các trường đại học hay tham gia vào những buổi tư vấn hướng nghiệp như: “Ngày hội hướng nghiệp” do báo tuổi trẻ kết hợp với trường đại học Cần Thơ tổ chức và có sự tham gia của đội ngũ tư vấn từ các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một chương trình rất bổ ích nhưng chỉ diễn ra có một ngày trong một không gian có hạn. Vì vậy, những trường quá xa hoặc không có điều kiện đưa học sinh đi tham dự thì thiệt thòi hơn rất nhiều. Đa phần học sinh ở tỉnh nào có trường đại học thì có thể biết được một vài tin về trường đó hoặc may mắn lắm là các bạn được đi tham quan trường Đại học Cần Thơ, chứ các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh thì chỉ có học sinh tỉnh Tiền Giang là có cơ hội được tham quan mới đáng kể. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho lượng học sinh lớp 12 ở ĐBSCL chọn trường đại học



Cần Thơ để dự thi chiếm tỷ lệ cao nhất so với các nơi khác. Vì thông tin về các trường đại học không nhiều nên các em chỉ chọn dựa vào những cái tên nổi tiếng được nhiều người biết đến như: Trường đại học Bách Khoa, Trường đại học Quốc gia TP HCM, trường Đại học Y dược TP HCM. Chính vì thế, các em đã không đậu được vào các trường này, mà đã làm giảm cơ hội được vào trường cùng ngành và vừa sức.

#### **3.4.2. Thực trạng chọn ngành**

Một số ngành được cho là “hot” trước đây là Công nghệ thông tin, Công nghệ môi trường... lại đang có xu hướng bão hoà nên nhiều thí sinh đã trở nên “thờ ơ”. Tuy nhiên, trên thực tế các ngành được cho là “hot” trong thời gian vừa qua lại đang bị “chững lại” trước sự khó khăn của nền kinh tế toàn cầu. Với sự khó khăn này có thể lại đẩy một loạt ngành khác đầy “tiềm năng” lên ngôi. Như vậy có thể nói xu hướng ngành nào “hot”, ngành nào có “tiềm lực”... sẽ do rất nhiều yếu tố khách quan can thiệp vào. Chính vì vậy, với việc chọn ngành nghề theo trào lưu của các bạn học sinh hiện nay sẽ là những lựa chọn “sai lầm” khi mà học sinh lớp 12 còn một khoảng thời gian học tập khá dài sau khi trúng tuyển. Vậy việc chọn ngành nên hình thành từ cơ sở nào để tránh việc nhầm chán khi học, đồng thời lại phát huy được thế mạnh của bản thân? Điều đó tùy thuộc vào sở thích. Sở thích luôn là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc hướng nghiệp. Nếu không yêu thích thì sẽ không có hứng thú trong công việc, từ đó khó mà có được thành công trong cái nghề của mình.

#### **🔗 Khối ngành kinh tế**

Qua nhiều năm tuyển sinh, khối các ngành Y, Dược, Sư phạm vẫn là sự lựa chọn hàng đầu của thí sinh. Tuy nhiên, vài năm trở lại đây với sự kiện Việt Nam gia nhập WTO nên đã làm rộ lên “phong trào” đăng ký thi vào khối các trường kinh tế như ngành Tài chính - Ngân hàng, Kiểm toán, Chứng khoán... Đặc biệt niên khóa 2007-2008, ngành học này được rất đông TS lựa chọn. Tại các trường ĐH có đào tạo ngành kinh tế, số TS đăng ký ngành học này có tỷ lệ cao. Do đó điểm chuẩn ngành kinh tế của các trường ĐH đều ở mức khoảng 21-24 điểm như: ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Kinh tế TP.HCM, ĐH Ngân hàng TP.HCM, Học viện Tài chính, ĐH Thương mại. Ở trường ĐH Cần Thơ, điểm chuẩn ngành kinh tế từ 16.5 đến 18.5 là số điểm khá cao so với các ngành khác.

Theo nhận định của một số chuyên gia tuyển sinh thì năm nay nhu cầu đào tạo ngành kinh tế, tài chính vẫn không thay đổi do nguồn cung hiện tại vẫn chưa đáp ứng đủ cầu, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Bộ Tài chính cho biết, dự kiến đến năm 2010, nhu cầu nhân lực cho các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán và thẩm định giá là khoảng 13.500 người. Do nhu cầu tăng, ngành học này vẫn có thể được nhiều TS lựa chọn. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng hiện có rất nhiều trường ĐH có đào tạo ngành tài chính - ngân hàng với quy mô đào tạo tăng lên nhanh chóng. Theo thống kê của Bộ GD-ĐT thì số SV theo học ngành tài chính - ngân hàng thường chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng số SV theo học ĐH, CĐ. Ví dụ: năm học 2006-2007, số SV theo học ngành này chiếm tới 27,32%. Hiện mỗi năm có khoảng 76.000 SV hệ ĐH và 48.000 SV hệ CĐ tốt nghiệp ngành này. Việc số SV tốt nghiệp ngày càng tăng cũng sẽ tạo áp lực khi tìm việc, bởi các doanh nghiệp sẽ nâng cao chất lượng tuyển dụng cũng như đưa ra những yêu cầu cao hơn.

#### **🔗 Ngành công nghệ**

Xu hướng TS chọn ngành công nghệ để dự thi thời gian qua vẫn khá phổ biến do đây là ngành học được nhận định là mũi nhọn trong thời kỳ kinh tế tri thức. Tuy nhiên, không phải cứ học công nghệ là có việc làm vì đây là một ngành học khó, yêu cầu người học phải đạt đến trình độ cao. Ví dụ: ngành công nghệ thông tin hiện đang rất thiếu nhân lực nhưng tỷ lệ SV thất nghiệp cũng khá cao do không đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Theo số liệu tổng hợp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP.HCM, từ năm 2001-2007, các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ thông tin tại TP.HCM đã đào tạo được 213.000 người, nhưng chỉ sử dụng được 20.100 người (tỷ lệ 9,4%). Trong đó, nguồn đào tạo của bậc ĐH được sử dụng nhiều nhất: 13.000/15.000 người (87%), bậc CĐ: 3.300/18.000 người (18%). Thấp nhất là các cơ sở đào tạo kỹ thuật viên: dù đào tạo 180.000 người nhưng số lượng theo nghề là 3.800, chỉ chiếm 2%!

Không chỉ có ngành công nghệ thông tin, trong khối ngành công nghệ còn có nhiều ngành khác những năm qua đã thu hút được lượng TS đăng ký vừa đông lại vừa "tinh", khiến điểm chuẩn của những ngành này rất cao như: công nghệ điện tử viễn thông, công nghệ hóa học... Có thể thấy đây là những ngành vẫn giữ được "phong độ" trong mùa tuyển sinh sắp tới.

## 🔗 **Ngành kỹ thuật**

Cũng như ngành kinh tế, đa số TS đăng ký dự thi khối A đều có xu hướng chọn các ngành kỹ thuật. Có thể kể một số tên ngành quen thuộc: điện - điện tử, cơ khí, vật lý kỹ thuật, cơ điện tử, điện công nghiệp... Có lẽ đây là những ngành mà TS thấy có triển vọng về việc làm. Thực tế đây là những ngành được đánh giá là chủ lực ở một số địa phương khi thực hiện công nghiệp hóa. Vì vậy, những năm vừa qua các ngành này có mức điểm chuẩn tương đối cao, khoảng 20 điểm.

Điểm đáng chú ý là ngành học này được đào tạo với nhiều chuyên ngành hẹp giúp TS dễ dàng cân nhắc khi khai hồ sơ đăng ký dự thi. Ví dụ ngành cơ khí, được các trường đào tạo theo nhiều hướng khác nhau như cơ khí chế tạo (trường ĐH Bách khoa - ĐH Quốc gia TP.HCM); cơ khí chế tạo máy, cơ khí động lực (trường ĐH Sư phạm kỹ thuật TP.HCM); cơ khí nông lâm, cơ khí bảo quản chế biến thực phẩm (trường ĐH Nông Lâm TP.HCM); cơ khí tàu thuyền, cơ khí điện tử (trường ĐH Thủy sản); cơ khí chuyên dùng (trường ĐH Giao thông vận tải)...

Trong nhóm ngành này có một số trường, một số ngành mà điểm chuẩn trong những năm gần đây thường thấp hơn 20 điểm như kỹ thuật địa chất, kỹ thuật nhiệt, trắc địa, vật lý kỹ thuật, kỹ thuật môi trường, kỹ thuật in, kỹ thuật công nghiệp... Theo kinh nghiệm của các nhà tuyển sinh thì năm nay số TS đăng ký khối kỹ thuật có khả năng sẽ tăng do lượng TS dự thi khối A sẽ chọn kỹ thuật thay cho kinh tế, một ngành có thể nhận định là nhu cầu đào tạo đã tương đối ổn định.

## 🔗 **Khối Nông - Lâm - Thủy sản**

Năm 2008, nhóm ngành học này đã được TS đề ý vì đây là ngành học đang thiếu nhân lực. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, mỗi năm cần phải đào tạo nghề cho 1-1,1 triệu lao động nông thôn. Trong giai đoạn từ nay đến 2015 cần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho một số ngành có lợi thế cạnh tranh ở thị trường trong nước và thế giới như: chế biến lúa gạo, rau quả, chè, cà phê, cao su, gỗ, thịt, thủy sản... Tuy nhiên, thực tế tuyển sinh những năm gần đây cho thấy ở vùng núi, nông thôn, số TS trúng tuyển ĐH, CĐ chiếm tỷ lệ cao và có xu hướng tăng dần nhưng số TS vào học các khối nông - lâm - ngư không nhiều, chỉ chiếm khoảng 4,7%.

Có lẽ do nhận thức được nhu cầu về nhân lực của ngành học này, năm vừa qua một số trường đào tạo nông - lâm - ngư đã thu hút được đông đảo lượng TS đăng ký

dự thi. Bằng chứng là tỷ lệ chọi và điểm chuẩn của những ngành thuộc nhóm này đang ngày càng tăng. Năm 2005, điểm chuẩn của ngành nuôi trồng thủy sản của ĐH Cần Thơ là 19 điểm với tỷ lệ chọi là 1/17,4, trong khi các ngành khác có điểm chuẩn thấp hơn 3-4 điểm. Năm 2008, trường ĐH Lâm nghiệp cũng bắt nờ với hơn 14.000 bộ hồ sơ đăng ký dự thi, tăng gần 6.000 bộ so với năm trước và nhiều nhất từ trước tới nay, kể cả trong thời kỳ "hoàng kim" của trường (cũng chỉ đạt 11.000 bộ). Do đó điểm chuẩn của trường cũng tăng lên đáng kể, có ngành tăng 2-3 điểm.

#### 📌 **Y-dược**

Có lẽ, những năm gần đây TS đều choáng với mức điểm chuẩn vào hai ngành y và dược. Có năm điểm chuẩn trường ĐH Y Hà Nội lấy đến 29 điểm/3 môn. Trường ĐH Dược thì thường lấy mức điểm chuẩn khoảng 26 điểm. Theo phân tích của các chuyên gia, một trong những nguyên nhân khiến cho hai ngành học này có mức điểm chuẩn cao là do đây là ngành đang được ưa chuộng và đang thiếu nhân lực trầm trọng. Bên cạnh đó còn một nguyên nhân khác là do chỉ tiêu vào hai ngành này rất ít, số trường đào tạo lại không nhiều, vì thế số TS muốn vào học phải chen chân qua một cánh cửa hẹp khiến cho điểm chuẩn cứ thế tăng cao.

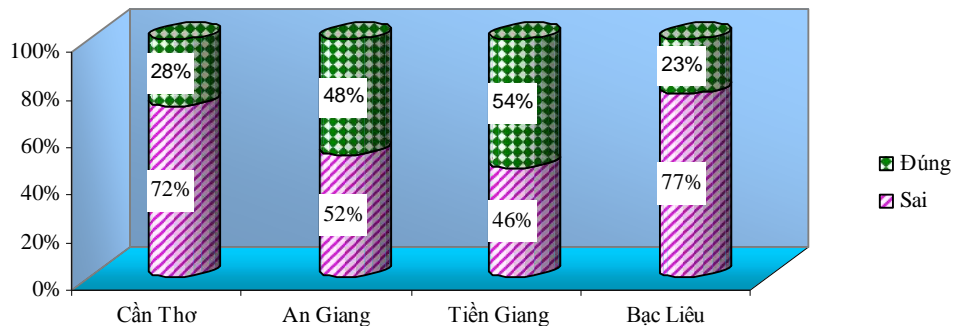
## **Chương 4**

# **PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH PTTH VÙNG ĐBSCL**

## 4.1. NHẬN THỨC VỀ VIỆC THI VÀO ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH

### 4.1.1. Quan điểm của học sinh về việc thi đại học

♦ Nhiều người trong xã hội quan niệm rằng: “Đại học là con đường duy nhất để thành công”. Ta thử tìm hiểu xem các học sinh phổ thông trung học có ý kiến như thế nào đối với quan niệm này.



**Hình 6: Quan điểm của học sinh về việc thi đại học**

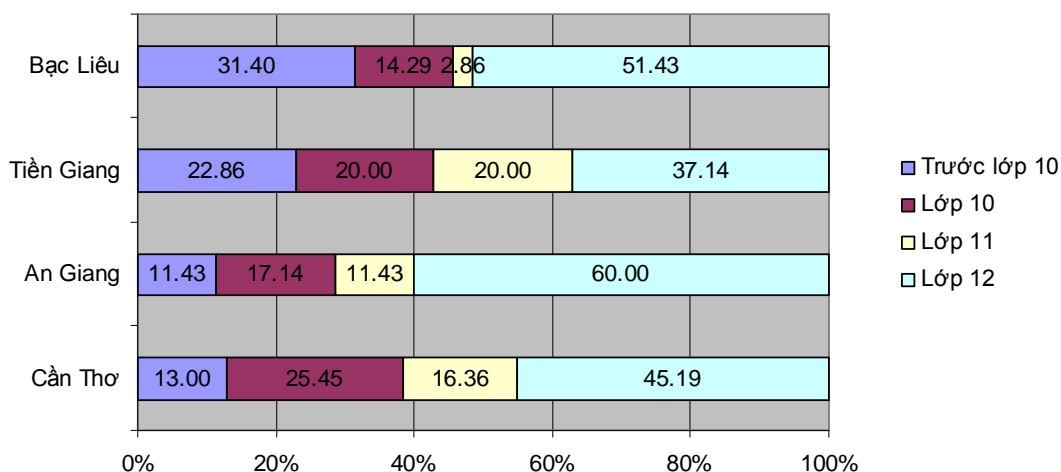
Từ biểu đồ trên ta thấy, phần lớn các em không đồng ý với quan niệm: “Thi vào đại học là con đường duy nhất để có được việc làm tốt và cơ hội thăng tiến trong tương lai”, tỷ lệ chọn này ở Cần Thơ là 72%, An Giang là 52%, và cao nhất là 77% ở Bạc Liêu. Bởi vì các bạn nghĩ rằng: tuy ai cũng muốn có trình độ cao, ai cũng muốn học đại học. Nhưng không phải ai cũng đủ điều kiện và khả năng vào đại học ngay sau khi rời trường phổ thông. Tấm bằng đại học càng không phải là mục tiêu lớn nhất của đời người. Mỗi người có một mục tiêu lớn hơn là một công việc phù hợp để lập nghiệp, đóng góp cho xã hội. Có nhiều cách đạt đến điều này bởi không phải công việc nào cũng cần tấm bằng đại học như: học ở các trường đào tạo nghề tùy theo khả năng. Bằng chứng là có nhiều người thành đạt mà chưa từng học đại học bao giờ. Và cũng có nhiều người có tấm bằng đại học nhưng do không có kỹ năng, thiếu sự nhạy bén thì cũng không làm tốt được công việc. Còn có một số khác thì cho rằng “học đại học là con đường ngắn nhất chứ không phải là con đường duy nhất”, vì không đi đường tắt được thì có thể học liên thông từ cao đẳng hoặc trung học chuyên nghiệp. Có thể bắt đầu đời mình bằng những công việc từ nhỏ đến lớn và tích lũy dần kinh nghiệm, kỹ năng.

Bên cạnh đó, còn nhiều bạn (tỷ lệ này ở Tiền Giang là 54%) nghĩ rằng chỉ có con đường đại học mới giúp họ có được việc làm tốt và cơ hội thăng tiến trong tương lai. Vì thế, những bạn này quyết tâm vào học cho bằng được, nếu không đậu năm đầu thì luyện thi lại. Đối với họ thời gian và công sức bỏ ra thì không quan trọng bằng việc có được tấm bằng đại học trong tay.

#### 4.1.2 Đại học là phương án được lựa chọn nhiều nhất

Ai cũng muốn có trình độ cao, và bằng đại học để làm hành trang vào đời. Chính vì thế thi vào đại học là con đường mà đa số các bạn học sinh nghĩ đến sau khi tốt nghiệp phổ thông (chiếm tỷ lệ cao nhất: 91.81%). Trong đó, có bạn thi với tất cả quyết tâm và sự tự tin, nhưng một số khác dù có học lực yếu không đủ khả năng đậu đại học lại chọn thi vào những ngành có điểm chuẩn rất cao vì họ quan niệm “thi cho biết”, nếu không đậu vào những ngành này thì cũng không bị mọi người chê cười. Ta thấy việc phải thi đại học cho bằng bạn bè đã ăn sâu vào nếp nghĩ của hầu hết các em học sinh.

#### 4.1.3 Thời điểm định hướng chọn ngành và chọn trường thi vào đại học



**Hình 7: Thời điểm định hướng chọn ngành và chọn trường thi vào đại học**

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 03/2009)

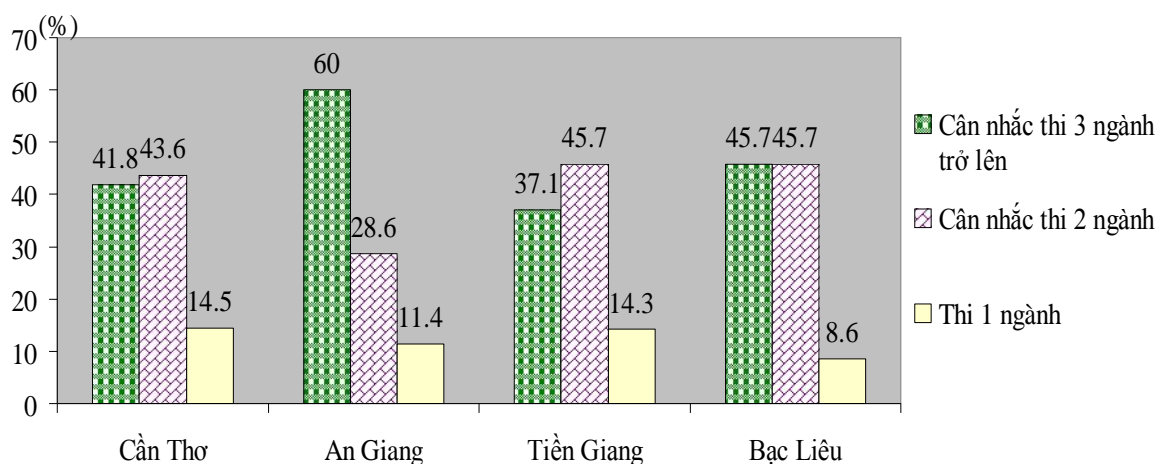
Đa số học sinh THPT ở ĐBSCL nghĩ đến ngành thi đại học vào năm học lớp 12. Trong đó, tỷ lệ này chiếm nhiều nhất đối với học sinh ở tỉnh Bạc Liêu là 51.43%. Có thể nói trong 4 tỉnh trên thì Bạc Liêu là tỉnh có vị trí địa lý tương đối xa các trung tâm văn hóa, kinh tế của khu vực. Chính vì thế, việc tiếp cận nguồn thông tin của học

sinh ở đây còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến thời gian định hướng ngành cũng tương đối trễ. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh chọn ngành cho mình từ trước năm lớp 10 chiếm tỷ lệ tương đối lớn là 31.4%. Có thể giải thích hiện tượng này là do chính bởi thiếu thốn về các nguồn thông tin liên quan đến các ngành nghề nên các em chủ yếu tham khảo ý kiến của người thân trong gia đình và nhận được sự định hướng này từ nhỏ (Theo kết quả phân tích tần số, ở Bạc Liêu có đến 68.6% học sinh chịu tác động từ phía gia đình).

Ở tỉnh Tiền Giang, tỷ lệ học sinh định hướng ngành cho mình phân bố tương đối đều ở các khối lớp so với các tỉnh khác. Tỷ lệ học sinh chọn “Lớp 12” cũng ít hơn hẳn (là 37.14 %, còn tỷ lệ chọn từ lớp 11 trở về trước chiếm đến 62.86%). Qua kết quả thống kê trên, ta thấy các em học sinh ở đây đã nhận thức về ngành học cho tương lai mình tương đối sớm. Đây là một tín hiệu đáng mừng vì có nhận thức sớm thì việc tìm hiểu và chuẩn bị thông tin mới tốt được.

Trong các tỉnh trên, thành phố Cần Thơ là tỉnh có tỷ lệ học sinh chọn “từ lớp 11 trở về trước” lớn sau Tiền Giang, chiếm đến 54.81%. Trong khi đó, ở tỉnh An Giang tỷ lệ này chỉ có 40%. Nguyên nhân tạo ra sự khác biệt đó là do ở An Giang tỷ lệ học sinh ở các vùng nông thôn, miền núi khá cao. Vì thế các chương trình hướng nghiệp không đến được đây vì thế yếu tố thông tin ở đây thiếu thốn hơn nhiều về cả chất và lượng so với thành phố Cần Thơ.

#### 4.1.3 Số ngành mà học sinh lựa chọn khi thi đại học



**Hình 8: Số ngành mà học sinh lựa chọn khi thi đại học**

(Nguồn: số liệu điều tra của tác giả, tháng 03/2009)

Khi nghĩ về ngành thi đại học các bạn học sinh 12 ở cả bốn tỉnh thường cân nhắc từ 2 ngành trở lên. Bởi xã hội ngày nay luôn tạo điều kiện phát triển cho tương lai thế hệ trẻ, các bạn học sinh lớp 12 luôn có nhiều sự lựa chọn, nhiều nguyện vọng cho nghề nghiệp cho mình sao cho cơ hội đậu đại học là cao nhất.

Tuy nhiên cũng có một số đông học sinh chỉ chọn thi một ngành duy nhất. Tỷ lệ này ở Cần Thơ là 41.8%, An Giang là 60%, Tiền Giang 37.1%, Bạc Liêu là 45.7%. Vì sao tỷ lệ học sinh ở An Giang chọn thi 1 ngành lại cao đến thế? Phải chăng năng lực học tập cao đã tác động vào tâm lý, từ đó các em cảm thấy rất tự tin vào quyết định chọn ngành của mình. Qua kết quả phân tích tần số thì có đến 48.6% học sinh là có học lực trung bình yếu (thể hiện trong hình ở trang kế bên). Điều đó phần nào cho ta thấy được sự thiếu thông tin của các em trong quyết định chọn ngành. Vì càng ít sự lựa chọn thì rủi ro không đậu vào đại học sẽ cao hơn, vì thế cơ hội trở thành sinh viên của một trường đại học nào đó sẽ thấp hơn những bạn chọn thi nhiều ngành.

## 4.2. TÌM KIẾM THÔNG TIN VỀ NGÀNH VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC

➤ **Nhận định về các nguồn thông tin ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành, trường ĐH**

**BẢNG 2: MỨC ĐỘ TIN CẬY, HỮU ÍCH, DỄ TÌM CỦA NGUỒN THÔNG TIN**

Nguồn thông tin	Tin cậy (%)	Dễ tìm (%)	Hữu ích (%)
Truyền thanh, truyền hình	20.5	14.9	5
Sách, báo chí, tạp chí	<b>23.6</b>	<b>29.8</b>	15.5
Thông tin từ internet, website của trường	11.2	17.4	11.2
Thông tin từ bạn bè xung quanh	5.6	<b>18.6</b>	11.8
Thông tin từ người thân trong gia đình	19.9	8.1	13
Thông tin tư vấn của quý thầy cô	<b>37.3</b>	7.5	<b>17.4</b>
Các chương trình giao lưu hướng nghiệp	8	4	13
Chương trình tiếp thị của Viện, Trường	12.4	5	9.3
Các tổ chức đoàn thể ở địa phương	6.2	2.5	6.2
Anh chị đi trước, người có kinh nghiệm	20.5	3.1	<b>14.9</b>
Kiến thức bản thân tự có	13	5	9.9
Nhà phân tích bút tích, nhà xem tướng	2.5	2.5	1.9
Trắc nghiệm định hướng	3.1	3.1	3.7

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 03/2009)



Hiện nay, có rất nhiều nguồn thông tin nói về ngành nghề, về vấn đề thi đại học của học sinh phổ thông hay các thông tin về trường đại học. Các thông tin đó được liệt kê cụ thể trong bảng phía trên.

#### ♦ *Tin cậy*

Qua bảng số liệu ta thấy, trong các nguồn thông tin trên, nguồn thông tin được học sinh đánh giá là đáng tin cậy nhất là từ lời tư vấn của quý thầy cô, chiếm tỷ lệ 37.3%. Bởi vì bên cạnh những người thân trong gia đình thì thầy cô là người cha, người mẹ thứ hai, luôn luôn cho ta những lời khuyên bổ ích và muốn ta trở thành những con người có ích cho xã hội. Thầy cô sẵn sàng tư vấn cũng như chia sẻ tất cả những điều mà học sinh băn khoăn, lo lắng về ngành nghề tương lai. Theo các em, thầy cô sẽ mang đến những nguồn thông tin đáng tin cậy. Kế đó, nguồn thông tin từ sách báo tạp chí. Trên thực tế, các sách báo có danh tiếng và được phép xuất bản là viết về thông tin nghề nghiệp hoặc thông tin về các trường đại học như báo tuổi trẻ, báo thanh niên, tạp chí giáo dục...đều là những nguồn thông tin đáng tin cậy.

Nguồn thông tin không được nhiều bạn lựa chọn vì có độ tin cậy rất thấp là từ nhà phân tích bút tích, nhà xem tướng chỉ chiếm 2.5 %. Ta thấy các bạn học sinh không dễ dàng tin vào những điều mê tính dị đoan và không đủ cơ sở khoa học là một điều đáng mừng.

#### ♦ *Dễ tìm*

Theo các học sinh ở cả bốn tỉnh thì nguồn thông tin từ sách báo tạp chí là dễ tìm nhất, tỷ lệ chọn chiếm 29.8%. Trên thực tế có rất nhiều sách báo viết về thông tin nghề nghiệp hoặc thông tin về các trường đại học, các bạn học sinh có thể tìm bất cứ ở nhà sách nào hoặc ở thư viện...nguồn thông tin này rất dễ tìm. Nguồn thông tin mà các bạn ít tham khảo là thông tin từ các tổ chức đoàn thể địa phương (chiếm tỷ lệ thấp nhất chỉ có 2.5%) và các chương trình tiếp thị của viện trường (5%). Bởi vì trên thực tế, các học sinh ở những vùng nông thôn muốn tìm hiểu về các ngành học hay trường đại học thì họ phải đến các thành phố lớn, chứ các tổ chức ở địa phương không chú trọng công tác hướng nghiệp cho các em.

#### ♦ *Hữu ích*

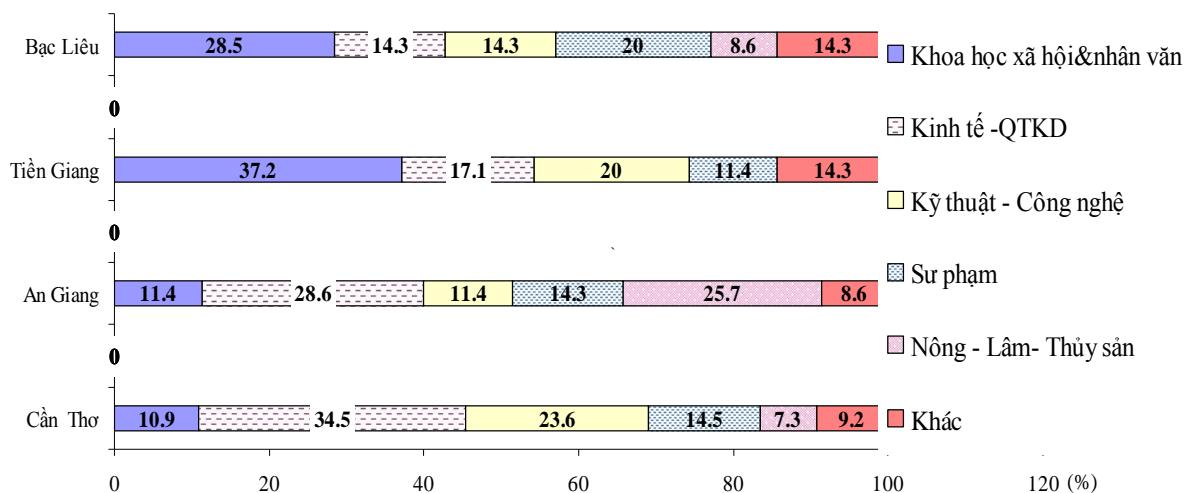
Luôn dẫn đầu trong nhóm các thông tin hữu ích nhất đối với học sinh là nguồn thông tin từ quý thầy cô với tỷ lệ lựa chọn là 17.4%. Theo các bạn học sinh lời tư vấn của quý thầy cô là vô cùng bổ ích. Những lời tư vấn này có ảnh hưởng rất lớn đến

quyết định lựa chọn ngành nghề và trường đại học. Có những bạn không biết chọn cho mình ngành học nào nhưng những lời khuyên hay ý kiến của thầy cô sẽ giúp các em dễ dàng đưa ra quyết định. Nguồn thông tin chiếm tỷ lệ cao thứ hai (14.9%) là từ lời tư vấn của những anh chị đi trước, được các bạn học sinh đánh giá là hữu ích. Vì theo các bạn, những người đi trước đã là sinh viên thì sự hiểu biết của họ cũng nhiều hơn và có thể cho lời khuyên rất thiết thực.

Nguồn thông tin nữa cũng được ít em lựa chọn đó là truyền thanh, truyền hình chỉ chiếm 5%, tỷ lệ học sinh cảm thấy nguồn thông tin này đáng tin cậy cao nhưng lại nhận thấy nó không hữu ích là vì các bạn chưa được tiếp cận với nó nhiều nên nó không ảnh hưởng nhiều đến quá trình ra quyết định của các bạn. Trên thực tế, đây là một nguồn thông tin vô cùng bổ ích cho các em. Vì hằng năm trên các kênh truyền hình khác nhau thường có các chương trình tư vấn tuyển sinh, có sự tham gia của các chuyên gia hiểu biết tường tận về các lĩnh vực ngành nghề. Ở đây có thể giải đáp tất cả các thắc mắc của các em, giúp các em có cái nhìn đúng đắn về ngành học mà mình yêu thích. Tuy nhiên vì chương trình này chưa được thực hiện thường xuyên nên chưa thu hút được sự quan tâm của số đông học sinh. Ngoài ra, hầu hết các trường đại học đã thông tin đầy đủ về các ngành học của trường trên địa chỉ website của mình. Đây là nguồn thông tin rất đáng tin cậy. Thuận lợi là thế nhưng trên thực tế, việc trang bị cơ sở vật chất để các em tiếp cận với công nghệ thông tin trong các trường THPT còn nhiều hạn chế, chỉ có những em ở các thành phố mới có cơ hội được biết đến.

### 4.3. ĐÁNH GIÁ, LỰA CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC

#### 4.3.1. Xu hướng chọn ngành của học sinh THPT vùng ĐBSCL



### **Hình 9: Xu hướng chọn ngành của học sinh THPT vùng ĐBSCL**

*(Nguồn: Kết quả phân tích tần số của tác giả)*

Ở thành phố Cần Thơ, ngành học được các bạn học sinh ở Cần Thơ lựa chọn nhiều nhất là kinh tế - QTKD, chiếm tỷ lệ 34.5%; kế đó là kỹ thuật - công nghệ (23.6%). Ngành nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ lệ rất ít (7.3%). Ở tỉnh An Giang, hai ngành được lựa chọn nhiều là kỹ thuật - công nghệ (chiếm 28.6%) gồm những ngành như: xây dựng, điện tử, cơ khí, công nghệ hóa, công nghệ thông tin; và nông - lâm - thủy sản (chiếm 25.7%) bao gồm các ngành như: thú y, trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ thực vật. Đây là tỉnh có thế mạnh về nông nghiệp, có sản lượng lúa gạo lớn nhất nước và là vùng đất đầy tiềm năng. Tuy nhiên, tỉnh vẫn còn thiếu một lượng lớn kỹ sư nông nghiệp hướng dẫn cho bà con nông dân các kỹ thuật trồng cây và nuôi cá..., có thể tỉnh mới phát triển một cách toàn diện. Nhận thức được tầm quan trọng đó nhiều bạn trẻ đã tha thiết được học ngành này để đem kiến thức của mình về phục vụ quê hương. Bên cạnh đó, y dược còn là ngành được học sinh ở An Giang lựa chọn nhiều hơn hẳn các tỉnh khác chiếm tỷ lệ 14.3%. Đối với tỉnh Tiền Giang, ngành kinh tế là ngành được lên ngôi (tỷ lệ chọn chiếm 37.1% trong số các ngành). Đây là tỉnh có vị trí địa lý gần thành phố Hồ Chí Minh nên cơ hội phát triển kinh tế ở đây cũng có nhiều triển vọng. Cơ hội việc làm cho những cử nhân kinh tế trong tương lai đã thúc đẩy các bạn chọn thi ngành này. Có một sự khác biệt ở tỉnh Tiền Giang là một số bạn ở đây thích chọn những ngành thuộc nhóm khoa học an ninh như: công an nhân dân, cảnh sát, trinh sát, quân đội... Các ngành nghề khác nhau sẽ đóng góp khác nhau cho sự phồn vinh của nước nhà vì thế tất cả các đều là ngành tốt. Nhưng đối với các bạn trẻ ngày nay, việc chọn lựa nhóm ngành thuộc khoa học an ninh thì không nhiều lắm nên quyết định chọn ngành của học sinh THPT ở tỉnh Tiền Giang là một điều đáng mừng. Ở tỉnh Bạc Liêu, học sinh có xu hướng chọn ngành thiên về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (chiếm tỷ lệ 28.6%); chủ yếu là ngành luật và ngữ văn. Ngành có tỷ lệ lựa chọn nhiều kế đó là sư phạm (chiếm 20%) gồm các ngành như: sư phạm văn, sử, giáo dục công dân, sư phạm tiểu học.

#### 4.3.2. Các tiêu chí học sinh quan tâm khi chọn ngành

**Bảng 3: CÁC TIÊU CHÍ HỌC SINH QUAN TÂM KHI CHỌN NGÀNH**

STT	Các nhân tố	Điểm trung bình			
		Cần Thơ	An Giang	Tiền Giang	Bạc Liêu
1	Có thu nhập cao khi ra trường	<b>5.17</b>	4.20	4.50	4.05
2	Có vị trí xã hội cao	3.33	4.10	4.00	3.40
3	Mức học phí phải đóng thấp	3.05	4.10	4.44	3.50
4	Phù hợp với năng lực học tập	<b>4.24</b>	<b>4.30</b>	<b>4.57</b>	<b>4.48</b>
5	Phù hợp với sở thích	4.10	4.10	4.43	4.43
6	Có khả năng trúng tuyển cao	4.08	4.20	4.43	4.35
7	Khả năng có việc làm cao	3.94	<b>4.60</b>	<b>4.59</b>	<b>4.54</b>
8	Tự hào khi học ngành đó	3.26	3.40	4.36	3.77

(Nguồn: Kết quả phân tích thống kê mô tả của tác giả)

❖ Trong các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học thì nhân tố “Khả năng có việc làm cao” được đánh giá là quan trọng nhất trong các nhân tố ở ba tỉnh. Ở An Giang nhân tố này có mức điểm trung bình là 4.60, ở Tiền Giang là 4.59, mức điểm này ở Bạc Liêu là 4.54. Kết quả chứng tỏ các em học sinh kỳ vọng nhiều vào ngành học mà mình đã chọn, các em tin rằng việc chọn ngành giúp các em chắc chắn sẽ tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường để có nguồn thu thập ổn định.

❖ Bên cạnh đó, nhân tố “Phù hợp với năng lực học tập” được các bạn học sinh ở cả bốn tỉnh lựa chọn nhiều tương ứng với các mức điểm trung bình tương đối cao là: Cần Thơ: 4.24, An Giang: 4.30, Tiền Giang: 4.57, Bạc Liêu: 4.48. Vì theo các em phải hiểu rõ thực lực của mình để chọn ngành học và trường dự thi cho phù hợp là rất quan trọng. Điều đó góp phần không nhỏ vào việc các em có thể đậu đại học hay không. Việc xác định năng lực học tập các em thường dựa vào kết quả học tập trong 3 năm ở bậc THPT hoặc thử giải đề thi tuyển sinh ĐH, cũng có khi các em tìm hiểu xem sức học của thí sinh đăng ký ở các năm trước như thế nào. Kể đó các em thường so sánh, đối chiếu về “chất lượng đầu vào” giữa các trường cũng như giữa các ngành ở những trường cùng đào tạo, qua đó lựa chọn ngành phù hợp nhất với năng lực học của mình.

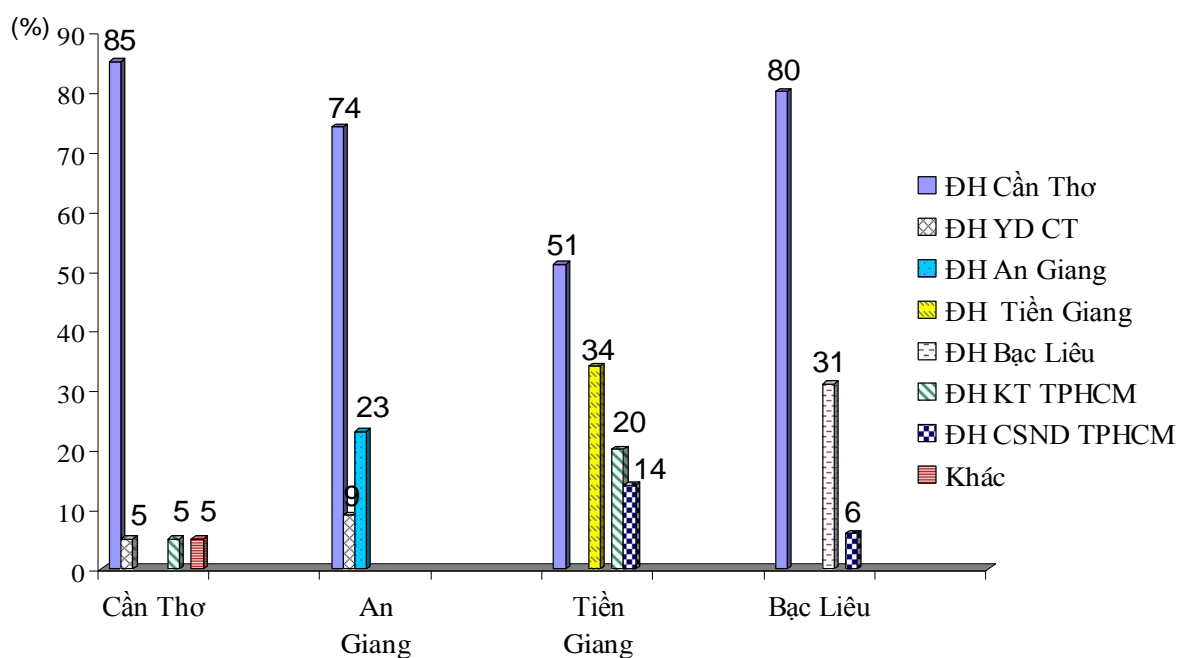
❖ Một nhân tố nữa được các bạn đánh giá là quan trọng là “*Phù hợp với sở thích*”. Nếu việc lựa chọn đối với các thí sinh có học lực trung bình, yếu là dựa trên “*năng lực học tập*” thì đối với các thí sinh có học lực khá - giỏi, “*sở thích ngành nghề*” là yếu tố quan trọng nhất trong việc theo đuổi con đường học vấn, cũng như thành công nghề nghiệp trong tương lai. Em có thể tự khám phá sở thích nghề nghiệp bằng cách thực hiện bản trắc nghiệm tự khám phá sở thích nghề nghiệp.

➤ Riêng ở thành phố Cần Thơ, nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến quyết định chọn ngành học của học sinh THPT là “*Có thu nhập cao sau khi ra trường*” với mức điểm trung bình cao nhất ở mức 5.17 vì được học sinh đánh giá là nhân tố quan trọng đối với họ. Dù trong thời đại nào, không chỉ là thời đại được gọi là “*thế kỷ của thông tin*” như ngày hôm nay, thì tất cả mọi người đều nghĩ tới học ngành gì để về sau tìm được việc làm với mức thu nhập cao để có thể đảm bảo cuộc sống của bản thân và gia đình được tốt.

Thành phố Cần thơ là trung tâm kinh tế, văn hóa và dịch vụ của ĐBSCL nên mức sống của người dân và cơ hội tìm việc làm cũng tương đối cao hơn các tỉnh khác. Chính vì thế, các em học sinh không quan tâm nhiều đến nhân tố “*Mức học phí phải đóng thấp*” và “*Khả năng có việc làm cao*”. Mà học sinh chú trọng nhiều đến vấn đề sau khi ra trường sẽ tìm được việc có thu nhập cao để nhằm nâng cao hơn nữa mức sống của bản thân và gia đình.

❖ Nhân tố có mức điểm trung bình thấp nhất ở tỉnh Tiền Giang và Bạc Liêu, nhân tố có điểm trung bình thấp nhất là “*Có vị trí xã hội cao*”. Điều này phản ánh một thực trạng chung là đa số học sinh ở hai tỉnh này ít quan tâm đến địa vị cao trong xã hội. Có lẽ vì lĩnh vực thương mại và dịch vụ chưa phát triển. Lĩnh vực kinh tế chính ở 2 tỉnh này là nông nghiệp và thủy sản. Đời sống người dân còn nhiều khó khăn nên mong muốn có cuộc sống ấm no là mong muốn hàng đầu ở đây. Còn ở Cần Thơ và An Giang, nhân tố có mức điểm trung bình thấp là “*tự hào khi học ngành đó*”. Vì theo các bạn việc tự hào về ngành học chỉ là tạm thời nhưng điều quan trọng là các bạn gắn cái đích đến với một tương lai có nghề nghiệp vững chắc phù hợp với năng lực và sở thích của mình.

### 4.3.3. Xu hướng chọn trường Đại học của học sinh THPT vùng ĐBSCL



**Hình 10: Xu hướng chọn ngành của học sinh THPT vùng ĐBSCL**

(Nguồn: Kết quả phân tích tần số của tác giả)

Nhìn chung, các bạn học sinh ở cả bốn tỉnh thích thi vào trường Đại học Cần Thơ. Tỷ lệ này chiếm rất cao, hơn hẳn những trường đại học khác (Cần Thơ: 85%, An Giang: 74%, Tiền Giang: 51.43%, Bạc Liêu: 80%). Đại học Cần Thơ là ngôi trường lớn nhất ở ĐBSCL với hơn 60 ngành học. Nơi đây đã đào tạo ra đội ngũ trí thức góp phần làm thay đổi diện mạo của ĐBSCL. Chính nhờ uy tính đó mà mong muốn trở thành sinh viên của trường là niềm mơ ước của bạn trẻ nơi đây. Kế sau trường đại học Cần Thơ, các bạn chọn thi vào các trường đại học ở địa phương như: đại học An Giang (23%), đại học Tiền Giang (34.29%), đại học Bạc Liêu (31%). Việc lựa chọn này mang lại cho các bạn nhiều thuận lợi như: tiết kiệm được thời gian và chi phí vì thế rất phù hợp với các bạn có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Trường đại học Y dược Cần Thơ cũng là mục tiêu hướng đến của một số bạn ở ba tỉnh Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu. Ngoài ra, một số học sinh ở Cần Thơ, An Giang

và Tiền Giang thích thi vào trường đại học Bách Khoa TPHCM. Đây là một trong những ngôi trường có danh tiếng ở miền Nam nhưng điểm chuẩn đầu vào khá cao so với các trường ở khu vực ĐBSCL, do đó những học sinh chọn thi vào trường là các học sinh khá -giỏi và gia đình có điều kiện về kinh tế để đủ khả năng ủng hộ cho việc học của các bạn.

#### 4.3.4. Các tiêu chí học sinh quan tâm khi chọn trường

Việc chọn trường đại học của các em phụ thuộc nhiều vào việc chọn ngành. Vì các em thường chọn ngành trước rồi chọn trường sau.

**Bảng 4: CÁC TIÊU CHÍ HỌC SINH QUAN TÂM KHI CHỌN TRƯỜNG**

STT	Các nhân tố	Điểm trung bình			
		Cần Thơ	An Giang	Tiền Giang	Bạc Liêu
1	Trường có danh tiếng	<b>3.50</b>	3.39	<b>4.11</b>	3.69
2	Trường có nhiều ngành nghề	3.41	3.47	4.00	<b>4.00</b>
3	Tỷ lệ chọi thấp	<b>3.47</b>	3.46	3.82	3.77
4	Điểm chuẩn thấp	3.35	3.54	3.82	<b>4.08</b>
5	Trường gần nhà	2.77	2.67	3.27	2.22
6	Trường bạn thích	3.58	4.05	4.21	4.00
7	Thi theo bạn bè	1.50	1.75	3.00	2.00
8	Học phí thấp	3.17	<b>3.58</b>	3.86	3.60
9	Thời gian đào tạo	3.00	3.22	3.62	3.00

(Nguồn: Kết quả phân tích thống kê mô tả của tác giả)

✱ Trong tất cả các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường, nhân tố “*Trường bạn thích*” là quan trọng nhất vì có mức điểm trung bình là cao nhất.. Ở Cần Thơ mức điểm đó là 3.58, An Giang: 4.05, Tiền Giang: 4.21, Bạc Liêu: 4.00. Điều này cho ta thấy được xu hướng chọn trường đại học của học sinh THPT ở bốn tỉnh ĐBSCL hiện nay là theo ý thích của các em. Chọn trường phù hợp với sở thích và nguyện vọng là một điều tốt nhưng xem nó như là một tiêu chí hàng đầu thì quá mạo hiểm. Vì nếu thích thi vào những trường đó mà thiếu sự cân nhắc về năng lực của mình với mức điểm chuẩn thì xác suất đậu vào là không cao.

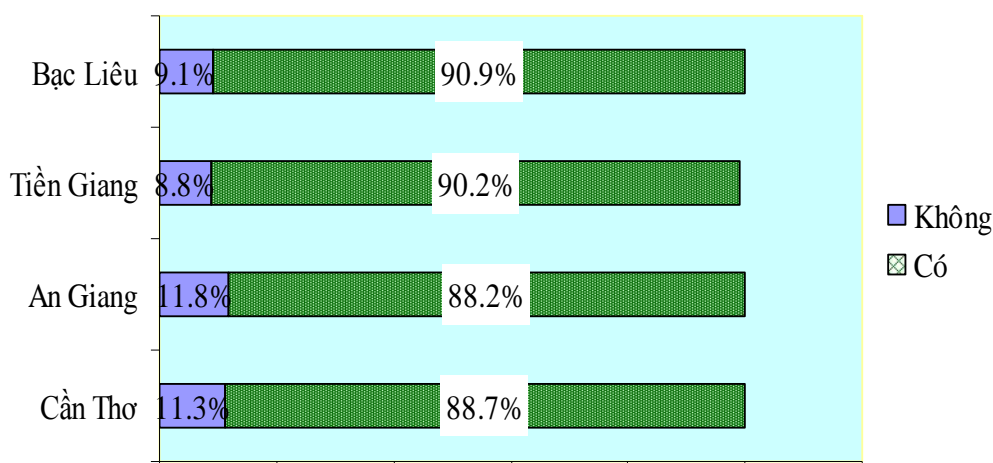
✱ Nhân tố có sức ảnh hưởng đáng kể tiếp theo là “*danh tiếng của trường*” và “*trường có nhiều ngành nghề*” . Đa số các bạn chọn theo học ở những trường nổi tiếng để sau này ra tốt nghiệp cầm tấm bằng đại học của trường đó sẽ dễ tìm việc hơn. Có thể nói đây xuất phát từ *nhu cầu được an toàn* của các em. Bên cạnh đó, *nhu cầu*

được quý trọng cũng quan trọng không kém bởi nhân tố “*danh tiếng của trường*” sẽ giúp các em cảm thấy tự tin khi tự giới thiệu về mình với những người xung quanh. Qua đó ta có thể nhận xét về tính cách của các bạn học sinh THPT hiện nay là thích đề cao danh tiếng vì vậy họ chú trọng nhiều đến nhu cầu được quý trọng. Thực tế, với trên 100 cơ sở đào tạo bậc ĐH ở phía Nam, có nhiều trường danh tiếng nhưng liệu các bạn biết đến tên của mấy trường, hướng chỉ là hiểu tường tận thông tin của từng trường danh tiếng đó.

\* Nhân tố có sự ảnh hưởng thấp nhất đến quyết định chọn trường là “*thi theo bạn bè*”. Các em học sinh đã có ý thức tốt về tương lai của chính mình là do mình quyết định, mỗi người có năng lực học tập và sở thích khác nhau vì vậy việc lựa chọn theo người khác là một việc làm không phù hợp.

#### 4.4. QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG

##### 4.4.1. Đối tượng ảnh hưởng đến quyết định



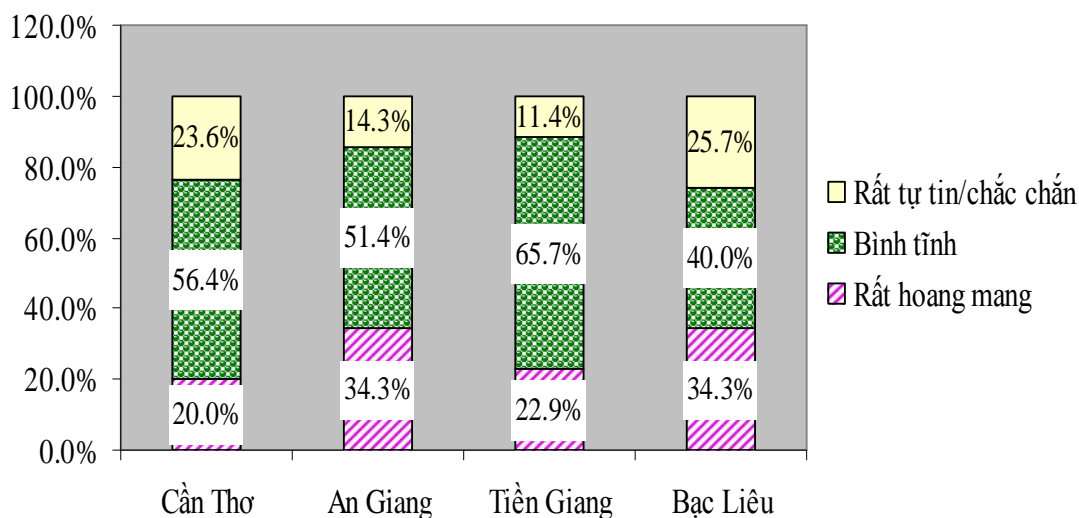
Hình 11: Quyết định chính trong việc chọn ngành, trường ĐH

Tùy theo cá tính của mình mà các em học sinh sẽ chọn một ngành học phù hợp nhất. Đa số các em trong mẫu phỏng vấn là thuộc tuýp người có cá tính chính chắn và mạnh mẽ (chiếm 89.8%). Do cá tính chính chắn và mạnh mẽ nên đa số là người ra quyết định chính khi chọn ngành cho mình. Tỷ lệ quyết định chính ở Cần Thơ là 88.7%, An Giang là 88.2%, Tiền Giang 90.2%, Bạc Liêu là 90.9%. Phần lớn các em không ỷ lại vào cha mẹ vì các em cho rằng tương lai của mình là do mình quyết định.



Rồi trường phổ thông tức là ta đã lớn, đã đến lúc tự xác định hướng đi cho cuộc đời mình. Đó là một điều đáng mừng vì xã hội đang cần những thanh niên dám ước mơ, dám quyết định, dám làm, dám chịu trách nhiệm về bản thân mình.

#### 4.4.2. Thái độ khi đưa ra quyết định chọn ngành nghề



**Hình 12: Thái độ chọn ngành nghề và trường học của học sinh THPT**

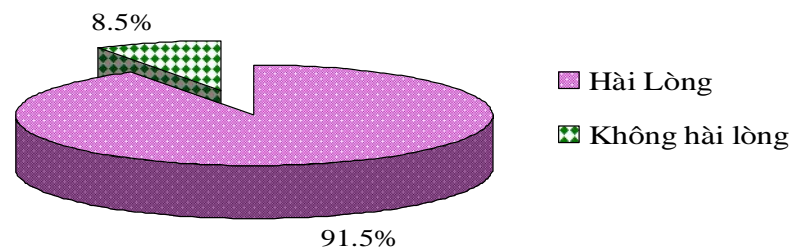
Nhìn chung phần lớn học sinh được hỏi về thái độ chọn ngành thì họ trả lời là bình tĩnh và không có gì lo lắng. Và một số khác thì cảm thấy rất tự tin, chắc chắn với quyết định của mình. Vì trong số đó có nhiều bạn đã định hướng cho mình từ năm lớp 10, 11. Tuy nhiên cũng còn những bạn mang tâm lý hoang mang và lúng túng khi phải đứng trước quyết định quan trọng trong cuộc đời. Tỷ lệ này ở Cần Thơ là 20.0%, Tiền Giang là 22.9%, và khá cao ở hai tỉnh An Giang và Bạc Liêu (là 34.3%). Đây là hai tỉnh có vị trí địa lý không thuận lợi so với hai tỉnh trên. Bạc Liêu nằm cách xa trung tâm văn hóa - kinh tế của vùng và là tỉnh có nhiều hộ nghèo ở ĐBSCL. Chính vì thế, việc tiếp cận với các nguồn thông tin của các bạn học sinh là rất hạn chế. Do đó, việc đưa ra quyết định chọn ngành và trường đối với các em gặp nhiều khó khăn dẫn đến tâm lý hoang mang là không tránh khỏi. Còn tỉnh An Giang nằm trong vùng lũ của ĐBSCL. Vì thế đời sống người dân còn nhiều khó khăn. Việc cho các em đi học đã là

một sự phân đầu lớn của gia đình và nhà trường hướng chỉ là việc tư vấn tuyển sinh thường xuyên cho các em. Thêm vào đó, dân cư phân bố rộng khắp ở vùng núi lẫn vùng nông thôn vì vậy việc tổ chức các buổi hướng nghiệp gặp nhiều khó khăn.

## 4.5 CÂN NHẮC SAU KHI QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH

### 4.5.1. Trường hợp trúng tuyển đối với ngành đã chọn

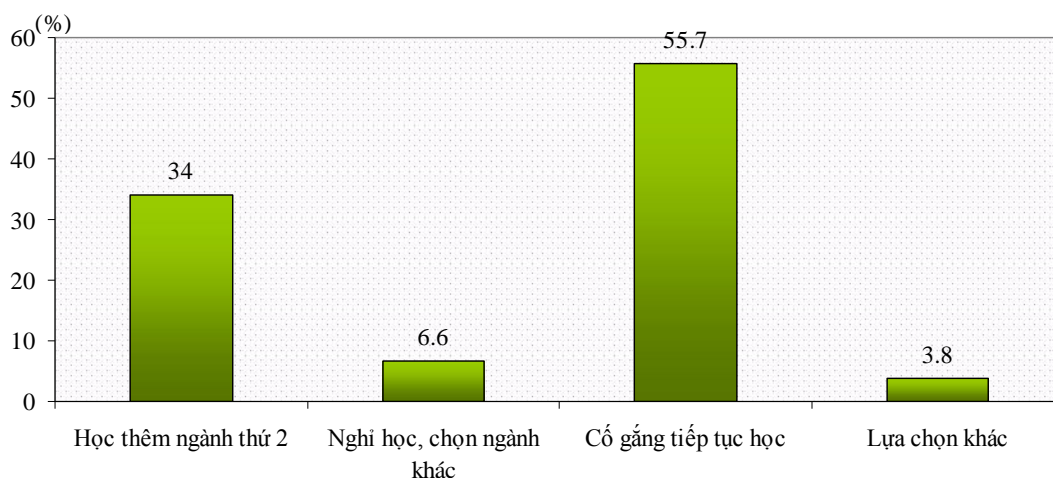
#### - Sự hài lòng với ngành đã chọn



**Hình 13: Sự hài lòng với ngành học đã chọn**

Theo kết quả phân tích tầng số, ta thấy đa số các bạn học sinh sau khi đậu đại học đều tỏ vẻ hài lòng với ngành mình đã chọn (chiếm tỷ lệ 91.5%). Chỉ một số ít học sinh tỏ vẻ không hài lòng (chiếm 8.5%). Có nhiều nguyên nhân khiến các bạn tỏ vẻ không hài lòng với ngành đã chọn là: do năng lực học tập của các bạn không theo kịp với chương trình đào tạo, ngành học không phù hợp với sở thích hoặc cơ hội có việc làm sau khi ra trường là không cao... Những nguyên nhân này chỉ là “ngọn”, còn nguyên nhân “gốc” là do các bạn thiếu sự hiểu biết về thông tin trước khi chọn ngành. Đây là điều chúng ta cần phải quan tâm tìm hiểu để từ đó đưa ra giải pháp thích hợp và hiệu quả.

#### - Giải pháp đối với trường hợp không hài lòng về ngành học

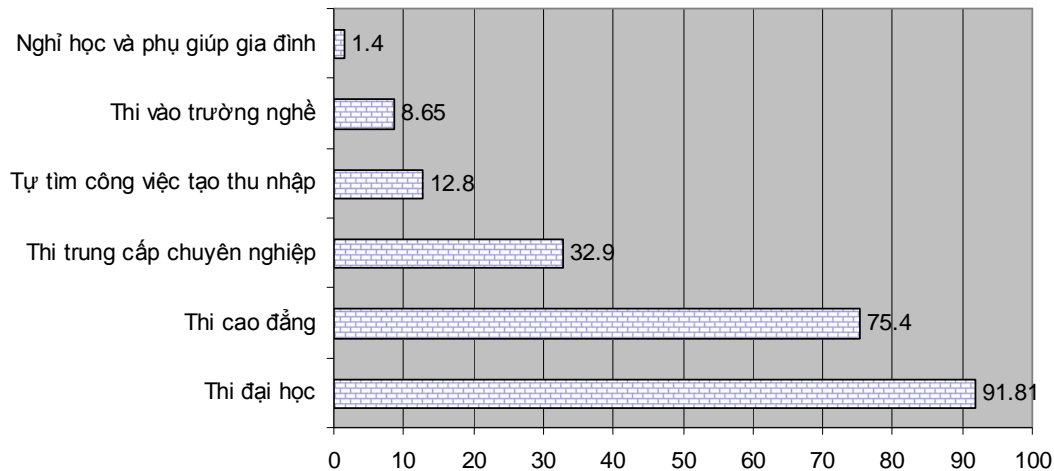


**Hình 14: Giải pháp đối với trường hợp không hài lòng về ngành học**

Qua đồ thị, ta thấy tỷ lệ lựa chọn phương án cố gắng tiếp tục học chiếm 56.7%. Lượng nghỉ học (6.6%) hay có sự lựa chọn khác (3.8%) chiếm tỷ lệ rất thấp. Từ kết quả nghiên cứu cho ta thấy, đa số các bạn cam chịu để tiếp tục việc học. Bởi vì nếu chọn học ngành hai, các bạn sẽ mất thêm nhiều thời gian và chi phí. Trong khi đó, hầu hết các bạn có hoàn cảnh kinh tế gia đình không được khá giả, mong muốn nhanh chóng được ra trường để có việc làm giúp đỡ gia đình là mong muốn chung của các bạn. Có khoảng 34% chọn cho mình phương án học ngành thứ hai song song ngành hiện tại. Phương án này có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Khó khăn ở đây là việc học ngành hai sẽ tốn nhiều thời gian và công sức của các bạn, gây ảnh hưởng đến kết quả học tập vì phải lo cùng một lúc 2 ngành và không đào sâu vào chuyên môn ngành nào được. Nhưng thuận lợi là các bạn có cơ hội tìm việc cao sau khi ra trường. Vì vậy, việc đưa ra hướng giải quyết khi không hài lòng về ngành học là không dễ dàng gì.

#### **4.5.2. Trường hợp không trúng tuyển đối với ngành nghề đã chọn**

- **Phương án lựa chọn sau khi tốt nghiệp phổ thông:**



**Hình 15: Phương án lựa chọn sau khi tốt nghiệp phổ thông**

Ai cũng muốn có trình độ cao, và bằng đại học để làm hành trang vào đời. Chính vì thế thi vào đại học là con đường mà đa số các bạn học sinh nghĩ đến sau khi tốt nghiệp phổ thông (chiếm tỷ lệ cao nhất: 91.81%). Trong đó, có bạn thi với tất cả quyết tâm và sự tự tin, nhưng một số khác dù có học lực yếu không đủ khả năng đậu đại học lại chọn thi vào những ngành có điểm chuẩn rất cao vì họ quan niệm “thi cho biết”, nếu không đậu vào những ngành này thì cũng không bị mọi người chê cười. Vì thế, một số ngành hiện nay có tỷ lệ chọi rất cao nhưng trong đó “con số ảo” cũng khá lớn. Vậy số học sinh không đậu đại học sẽ làm gì? Câu hỏi đó lại làm cho các bạn băn khoăn thêm một lần nữa và học sinh có xu hướng thay đổi theo nhiều chiều hướng khác nhau.

**- Phương án lựa chọn khi không trúng tuyển:**

Qua khảo sát các đối tượng cho ta thấy, tỷ lệ học sinh thi cao đẳng 76,7% xếp hàng thứ 2 và thi trung học chuyên nghiệp 39,7% xếp hàng thứ 3 sau thi cao đẳng và đại học. Ngày nay, với quyết định 06/ 2008 của Bộ giáo dục và đào tạo về những quy định đối với việc học liên thông đã cho các bạn học sinh nhiều cơ hội hơn bên cạnh việc lựa chọn chính thống là kỳ thi thẳng vào đại học. Sự lựa chọn vào các trường dạy nghề hay phụ giúp gia đình chỉ là sự lựa chọn cuối cùng của nhiều học sinh, tỷ lệ này chiếm khá thấp (thi vào trường nghề chỉ chiếm 8,65%, và phụ giúp gia đình chiếm 1,4%). Chọn trường nghề chỉ là giải pháp tình thế khi thi trượt đại học, cao đẳng,...đó là lý do khiến trường nghề không phải là sự lựa chọn của số đông học sinh. Ngay tại diễn đàn tư vấn hướng nghiệp, rất nhiều học sinh đặt câu hỏi, thắc mắc về ngành học thuộc hệ trường đại học, cao đẳng đang thời thượng hiện nay như: tài

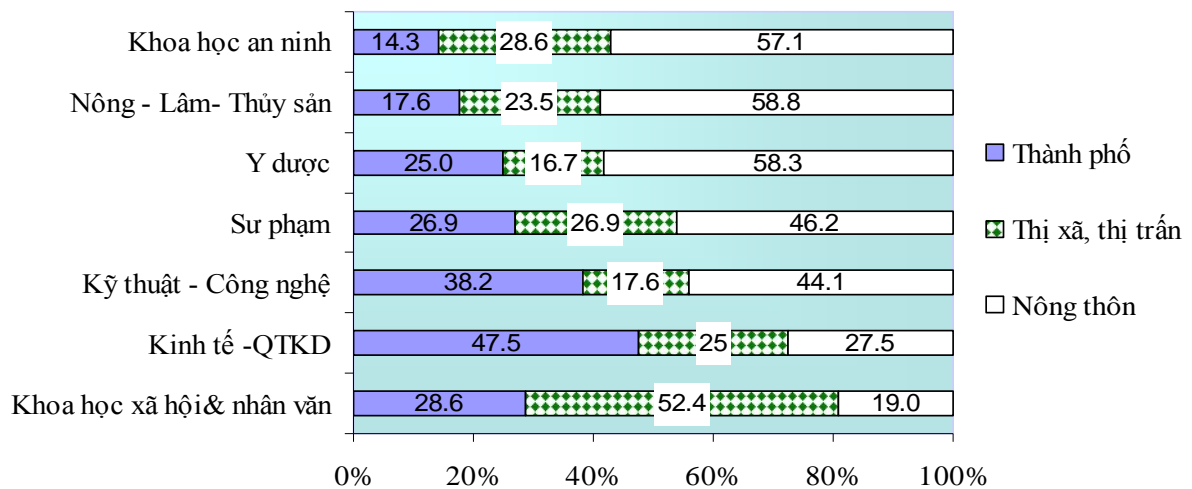
chính, ngân hàng, kinh tế... trong khi hiếm có câu hỏi nào quan tâm đến các trường nghề.

#### 4.6. PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH PTTH VÙNG ĐBSCL

##### 4.6.1 Yếu tố văn hóa

###### 👉 Văn hóa khu vực

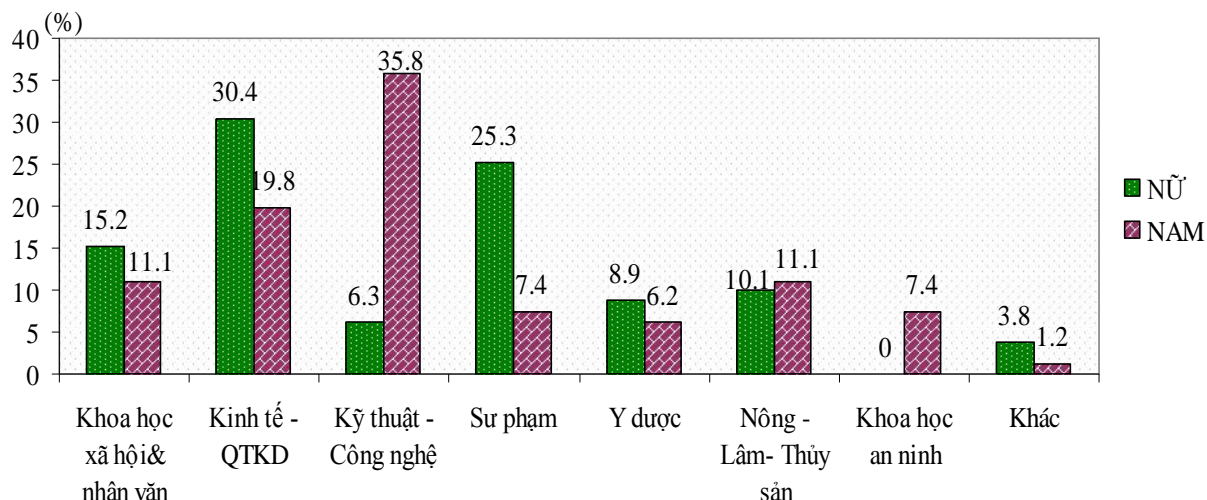
♦ Học sinh sống ở các khu vực khác nhau sẽ có những quyết định lựa chọn ngành khác nhau:



**Hình 16: Mối quan hệ giữa khu vực và quyết định chọn ngành**

Đa số các bạn học sinh ở thành phố chọn thi vào ngành kinh tế - QTKD chiếm 47.5%, vì xu hướng phát triển của khối ngành này ở thành phố cao hơn hẳn ở những khu vực khác. Đối với khu vực thị xã và thị trấn, các bạn thích thi vào khối ngành khoa học xã hội & nhân văn, tỷ lệ này chiếm 52.4%. Còn ở vùng nông thôn, hai khối ngành được lựa chọn là nông - lâm - thủy sản và y dược chiếm tỷ lệ 58.8% so với hai khu vực kia. Việc chọn ngành nông - lâm - thủy sản đã thể hiện sự cân nhắc kỹ càng của các bạn ở vùng nông thôn, nơi có sản xuất nông nghiệp chiếm chủ yếu. Vì thế, cơ hội việc làm dành cho các bạn là rất cao.

###### 👉 Văn hóa giới tính



**Hình 17: Mối quan hệ giữa giới tính và quyết định chọn ngành**

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 03/2009)

Giới tính là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành của học sinh. Qua hình vẽ, ta thấy đa số nữ chọn thi vào ngành kinh tế - QTKD, ngành này chiếm tỷ lệ cao nhất với 30.4%; kế đó là sư phạm chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 25.3%; tiếp theo là ngành khoa học xã hội & nhân văn với tỷ lệ 15.2%. So với các bạn nữ, học sinh nam có xu hướng chọn ngành kỹ thuật và công nghệ nhiều hơn, tỷ lệ chọn là 35.8%. Trong các nhóm ngành được chọn, hầu như tỷ lệ nữ chiếm nhiều hơn nam giới chỉ trừ ngành kỹ thuật – công nghệ, nông – lâm – thủy sản và khoa học an ninh. Có nhiều lý do dẫn đến sự khác biệt này; *thứ nhất* là do các bạn nữ thường rất chú trọng đến việc làm đẹp cho mình vì vậy việc lựa chọn các ngành nông - lâm - thủy sản là vấn đề được các bạn cân nhắc kỹ lưỡng. Khi chọn những ngành này thì các bạn sẽ tiếp xúc nhiều với môi trường tự nhiên để khảo sát thực tế, sẽ không thể tránh khỏi khí hậu khắc nghiệt. *Thứ hai*, do tư tưởng trọng nam hơn nữ đã ăn sâu vào nếp nghĩ của các nhà tuyển dụng lao động qua nhiều thế hệ, thành kiến cho rằng việc làm thuộc các ngành kỹ thuật – công nghệ như: công nghệ thông tin, điện tử, cơ khí xây dựng... chỉ dành cho nam giới đã trở gây không ít trở ngại cho phái nữ. Thứ ba, làm việc ngoài giờ hoặc thường xuyên bị điều đi công tác xa nhà và dài ngày, chấp nhận nắng mưa, đòi hỏi thể lực tốt đã làm accs bạn nữ không chọn cho mình ngành khoa học an ninh.

#### 4.6.2 Yếu tố xã hội

##### ↪ Các nhóm tham vấn

♦ Theo kết quả từ việc phân tích thống kê mô tả, ta thấy ở cả bốn tỉnh, nhân tố ảnh hưởng nhiều đến quyết định chọn ngành và trường đại học của học sinh là “ý kiến của gia đình”. Vì điểm trung bình của nhân tố này rất cao trong các nhân tố; cụ thể ở Cần Thơ là 3.48 điểm, Tiền Giang 3.57, An Giang là 3.71, Bạc Liêu là 4.08 điểm, đây là mức điểm cao nhất trong 4 tỉnh. Điều này rất phù hợp với nét văn hóa của người phương Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng. Bởi vì mối quan hệ gia đình rất khấn khít nên quyết định của một người trong gia đình luôn có sự đóng góp của các thành viên khác. Tuy nhiên cũng có không ít gia đình cho con cái toàn quyền quyết định tương lai của nó, họ không có ý kiến gì, chỉ có bổn phận chu cấp tài chính.

**BẢNG 5: ĐIỂM TRUNG BÌNH CỦA CÁC NHÓM THAM VẤN ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

STT	Các nhân tố ảnh hưởng	Cần Thơ	An Giang	Tiền Giang	Bạc Liêu
1	Tác động của người thân trong gia đình	<b>3.48</b>	<b>3.71</b>	<b>3.57</b>	<b>4.08</b>
2	Tác động của nhóm bạn bè	2.46	2.71	2.25	2.70
3	Tác động từ các anh chị đi trước	3.04	3.38	2.60	3.15
4	Tác động từ những lời tư vấn của thầy cô	<b>3.25</b>	<b>3.73</b>	<b>3.25</b>	<b>3.38</b>
5	Tác động của tổ chức Đoàn thể ở địa phương	2.00	2.75	2.00	2.17
6	Các chương trình giao lưu hướng nghiệp	3.14	2.71	2.00	1.90
7	Các chương trình tiếp thị của Viện/Trường	2.55	2.33	2.56	2.43
8	Truyền thống gia đình	1.91	2.63	1.33	2.17

*(Nguồn: Kết quả phân tích thống kê mô tả của tác giả)*

♦ Nhóm tham vấn có mức độ ảnh hưởng nhiều kể đó là quý thầy cô, đặc biệt ở tỉnh An Giang, đây là nhóm tư vấn có mức điểm trung bình cao nhất với 3.73 điểm. Theo các bạn học sinh lời tư vấn của quý thầy cô là vô cùng bổ ích bởi bên cạnh những người thân trong gia đình thì thầy cô là người cha, người mẹ thứ hai. Thầy cô sẵn sàng tư vấn cũng như chia sẻ tất cả những điều mà học sinh băn khoăn, lo lắng về ngành nghề tương lai. Theo các em, thầy cô sẽ mang đến những nguồn thông tin dễ tìm, hữu ích và có thể tin cậy được.

♦ Kể đó, nguồn thông tin từ những anh chị đi trước cũng được các bạn học sinh ở An Giang, Tiền Giang, Bạc Liêu đánh giá cao. Đặc biệt học sinh ở An Giang, lựa chọn nhân tố này nhiều nhất với số điểm trung bình 3.38. Vì theo các bạn những người đi trước đã là sinh viên thì sự hiểu biết của họ cũng nhiều hơn và có thể cho lời khuyên rất

thiết thực. Còn ở thành phố Cần Thơ, các nhà tư vấn trong những chương trình giao lưu hướng nghiệp có mức độ ảnh hưởng xếp hạng ba trong các nhóm tham vấn vì Cần Thơ có điều kiện tổ chức các chương trình này. Hằng năm, vào khoảng tháng ba, các bạn học sinh ở đây lại phần khởi rũ nhau tham gia vào những buổi tư vấn hướng nghiệp như: “Ngày hội hướng nghiệp” do báo tuổi trẻ kết hợp với trường đại học Cần Thơ tổ chức và có sự tham gia của đội ngũ tư vấn từ các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một chương trình rất bổ ích nhưng chỉ diễn ra có một ngày trong một không gian có hạn. Vì vậy, những trường quá xa hoặc không có điều kiện đưa học sinh đi tham dự thì thiệt thòi hơn rất nhiều.

➤ **Tác động của các hình thức hướng nghiệp đến mức độ hiểu biết ngành nghề của học sinh**

**BẢNG 6: HÌNH THỨC ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

□vt: %

	<b>Chưa được định hướng</b>	<b>Được định hướng vào buổi chào cờ</b>	<b>Tổ chức một buổi định hướng</b>	<b>Giáo viên chủ nhiệm định hướng</b>	<b>Đưa đi tham quan trường đại học</b>
Cần Thơ	11	27	76	36	33
An Giang	9	23	51	40	9
Tiền Giang	63	11	17	6	3
Bạc Liêu	11	46	37	51	11

(Nguồn: Kết quả phân tích tần số của tác giả)

Việc tư vấn hướng nghiệp là vô cùng cần thiết đối với các học sinh THPT, chỉ khi được tư vấn tốt thì các em mới có được những quyết định lựa chọn đúng đắn. Tuy nhiên, lượng học sinh chưa được định hướng gì cả cũng chiếm tỷ lệ lớn, đặc biệt ở tỉnh Tiền Giang tỷ lệ này là 63%. Trong khi đó, một số khác khi được hỏi về thời điểm định hướng ngành thì đa số các em chọn phương án trả lời là “chỉ được tham gia vào một buổi tư vấn hướng nghiệp do nhà trường tổ chức”, tỷ lệ này cao nhất ở những học sinh thuộc thành phố Cần Thơ là 76%, kế đó là tỉnh An Giang: 51%. Một số em khác thì may mắn hơn, được đưa đi tham quan ở các trường đại học nhưng tỷ lệ này không nhiều (An Giang: 9%, Tiền Giang: 3%, Bạc Liêu: 11%), chỉ trừ Cần Thơ (33%) là tỉnh có lượng học sinh được tham quan trường cao nhất. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc các bạn học

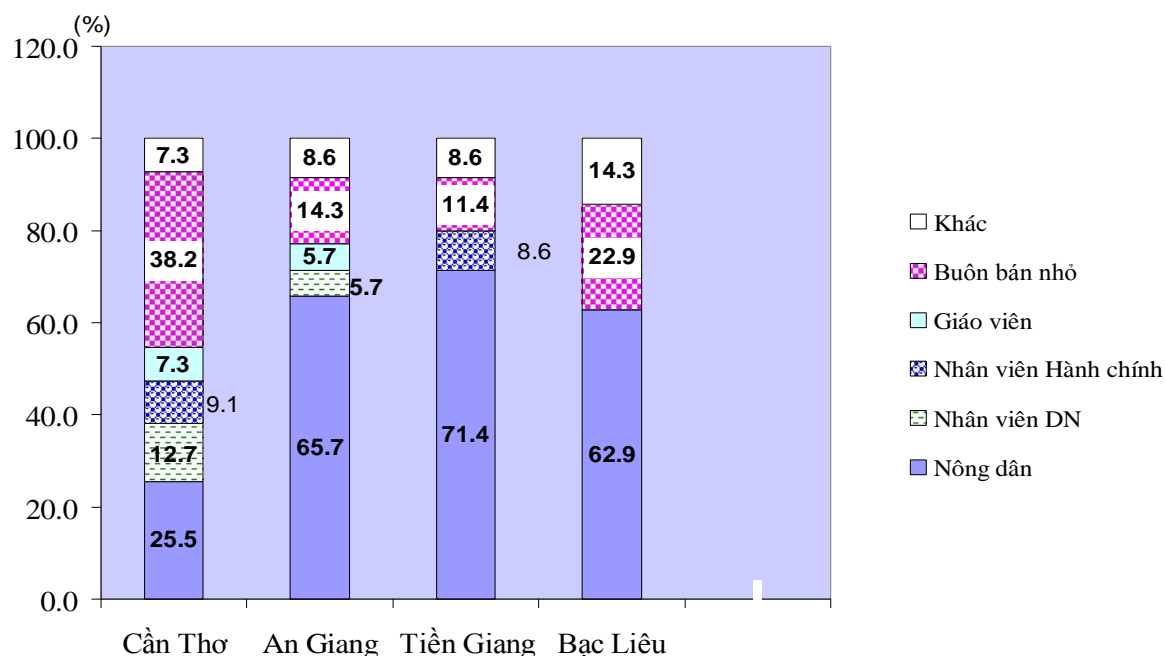


sinh ở đây “nghèo nàn” về thông tin hướng nghiệp nhất trong 4 tỉnh. Điều này ảnh hưởng không tốt đến quyết định lựa chọn của các em.

Qua kết quả phân tích, ta ta thấy được rằng công tác hướng nghiệp ở các trường phổ thông trung học chưa đảm bảo đúng yêu cầu chất lượng của mục tiêu đào tạo, chưa giải đáp một cách thoả đáng mọi thắc mắc có liên quan đến nghề nghiệp của học sinh. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc đa số các học sinh ở đây “nghèo nàn” về nguồn thông tin hướng nghiệp. Điều này ảnh hưởng không tốt đến quyết định lựa chọn của các em.

### 🔗 Thành phần kinh tế

Trước khi phân tích sự ảnh hưởng của nghề nghiệp gia đình đến quyết định chọn ngành của học sinh, chúng ta tìm hiểu về cơ cấu về nghề nghiệp của gia đình họ.



**Hình 18: Cơ cấu nghề nghiệp của gia đình học sinh**

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, tháng 03/2009)

Qua khảo sát, ta thấy đa số các học sinh trong mẫu phỏng vấn có gia đình làm nghề nông, điều này rất phù hợp với đặc điểm kinh tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long: sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, đặc biệt là ở ba tỉnh An Giang, Tiền Giang, Bạc Liêu. Riêng ở thành phố Cần Thơ, người dân sống bằng nghề buôn bán chiếm tỷ lệ cao nhất trong bốn tỉnh: 38.2% vì đây là trung tâm văn hóa và thương mại của

ĐBSCL nên cơ cấu ngành nghề rất phong phú, đặc biệt là lĩnh vực mua bán là lĩnh vực mang lại mức thu nhập tương đối khá.

◆ Học sinh thuộc gia đình có *nghe nghiệp* khác nhau sẽ có những quyết định lựa chọn ngành, trường đại học cũng khác nhau.

**Bảng 7: TỶ LỆ CHỌN NGÀNH HỌC THEO NGHỀ NGHIỆP GIA ĐÌNH**

VT: (%)

<div>Nghề nghiệp</div> <div>Khả năng học</div>	Nông dân	Công nhân	Nhân viên doanh nghiệp	Nhân viên Hành chính	Giáo viên	Buôn bán nhỏ
Khoa học xã hội & nhân văn	17.9	-	9.1	11.1	12.5	7.9
Kinh tế - QTKD	19.0	33.3	36.4	44.4	12.5	34.2
Kỹ thuật - Công nghệ	16.7	50.0	18.2	22.2	25	26.3
Sport	23.8	-	18.2	11.1	12.5	5.3
Y dược	6.0	9.1	9.1	25	5.3	
Nghề nông: Những bạn có gia đình theo nghề nông chọn thi đại học theo ngành kinh tế - QTKD, khoa học xã hội và nhân văn. Chỉ số chọn ngành nghề khác để mong sao có cuộc sống đỡ vất vả hơn cha mẹ của họ.						
Nông lâm thủy sản	9.5	16.7	9.1	12.5	13.2	

có một số ít bạn (khoảng 9.5%) chọn ngành thuộc lĩnh vực nông-lâm-thủy sản. Nghề nông là một trong những ngành nghề quan trọng nhất, vì nó tạo ra lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội. Tuy nhiên, người nông dân cũng lắm vất vả, cần cù chăm chỉ là thế nhưng đời sống phần lớn người dân vẫn còn nghèo. Bởi cái vòng lẩn quẩn: “được mùa thì mất giá còn được giá thì lại bị mất mùa”. Vì thế, các em học sinh muốn chọn cho mình một ngành nghề khác để mong sao có cuộc sống đỡ vất vả hơn cha mẹ của họ.

☞ Công nhân: Các bạn có gia đình là công nhân chủ yếu chọn các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật - công nghệ (50%). Có thể nói nghề nghiệp của gia đình có sức ảnh hưởng lớn đến quyết định chọn ngành của các em. Khi có người thân làm ở các nhà máy xí nghiệp, hằng ngày tiếp xúc với các dây chuyền công nghệ, giúp cho các em có được sự hiểu biết và lòng ham thích được tham gia vào các ngành thuộc lĩnh vực này.

↪ Nhân viên doanh nghiệp, buôn bán nhỏ: các học sinh có gia đình theo 2 ngành nghề này chọn thi vào ngành kinh tế -QTKD chiếm tỷ lệ lớn (36.4% đối với gia đình là nhân viên doanh nghiệp, 34.2% đối với gia đình buôn bán nhỏ). Trong các ngành nghề thì gia đình nào theo ngành này sẽ có lòng đam mê kinh doanh là rất lớn. Chính điều đó đã thôi thúc thế hệ sau mạnh chân tiến bước trên con đường này.

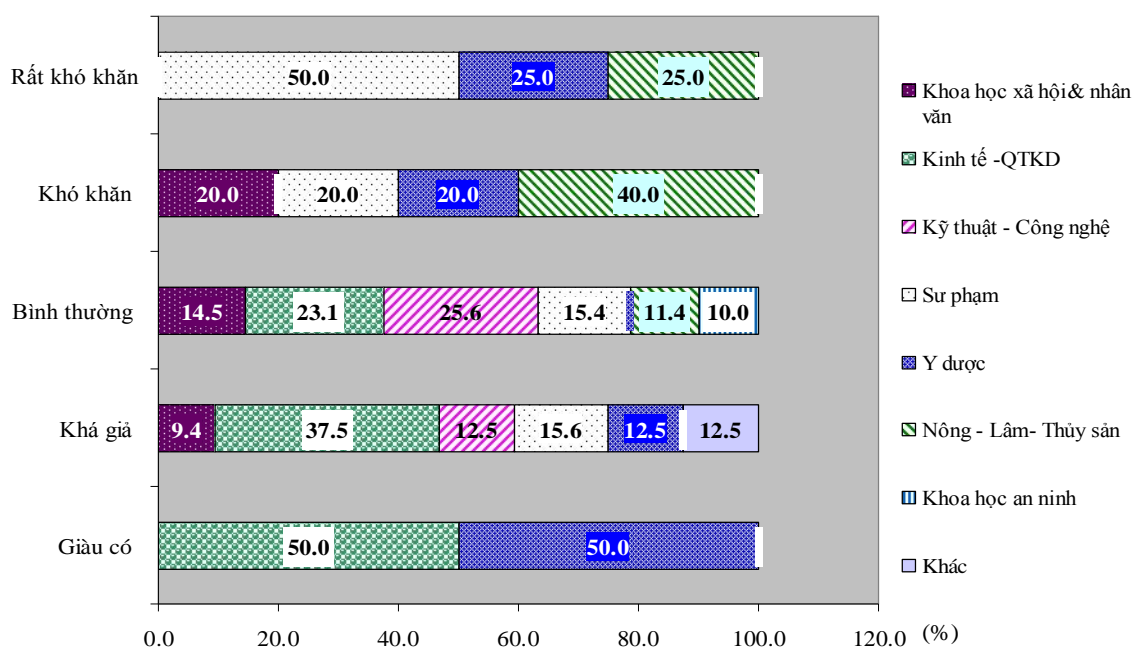
↪ Nhân viên hành chính: các bạn có gia đình hoạt động trong lĩnh vực hành chính chọn thi vào ngành kinh tế -QTKD chiếm tỷ lệ đông nhất là 44.4%. Có thể nói những đối tượng có gia đình làm trong lĩnh vực này thường có thông tin về ngành nghề rất tốt, nắm bắt được xu thế phát triển hiện nay là tập trung vào các ngành kinh tế. Họ thấy được những lợi ích mà kinh tế sẽ mang lại cho bản thân, gia đình và đất nước, nhất là từ sự kiện Việt Nam gia nhập WTO.

↪ Giáo viên: Với những bạn được sinh ra trong gia đình theo nghề giáo, thường rất được quan tâm trong việc học hành do đó học lực của các bạn cũng khá tốt. Vì thế hai nhóm ngành được các bạn lựa chọn nhiều là kỹ thuật công nghệ và y dược, hai nhóm ngành đặc trưng của hai khối A và B.

➔ Tóm lại, phân phân tích trên cho ta thấy được sự ảnh hưởng của nghề nghiệp gia đình đến quyết định lựa chọn ngành học của học sinh THPT vùng ĐBSCL là khá lớn.

#### **4.6.3 Yếu tố cá nhân**

↪ **Hoàn cảnh kinh tế**



**Hình 19: Mối quan hệ giữa hoàn cảnh kinh tế gia đình và quyết định chọn ngành**

\* Gia đình giàu có học sinh chọn ngành y dược (chiếm 50%) và kinh tế -QTKD (chiếm 50%). Hai ngành này cần chi phí tương đối cao cho việc học tập, đặc biệt là ngành y dược có số năm đào tạo từ 5 năm trở lên nên cũng làm chi phí tăng lên rất nhiều so với các ngành khác. Vì thế, các bạn có hoàn cảnh gia đình khó khăn gặp nhiều thách thức nếu chọn học các ngành này.

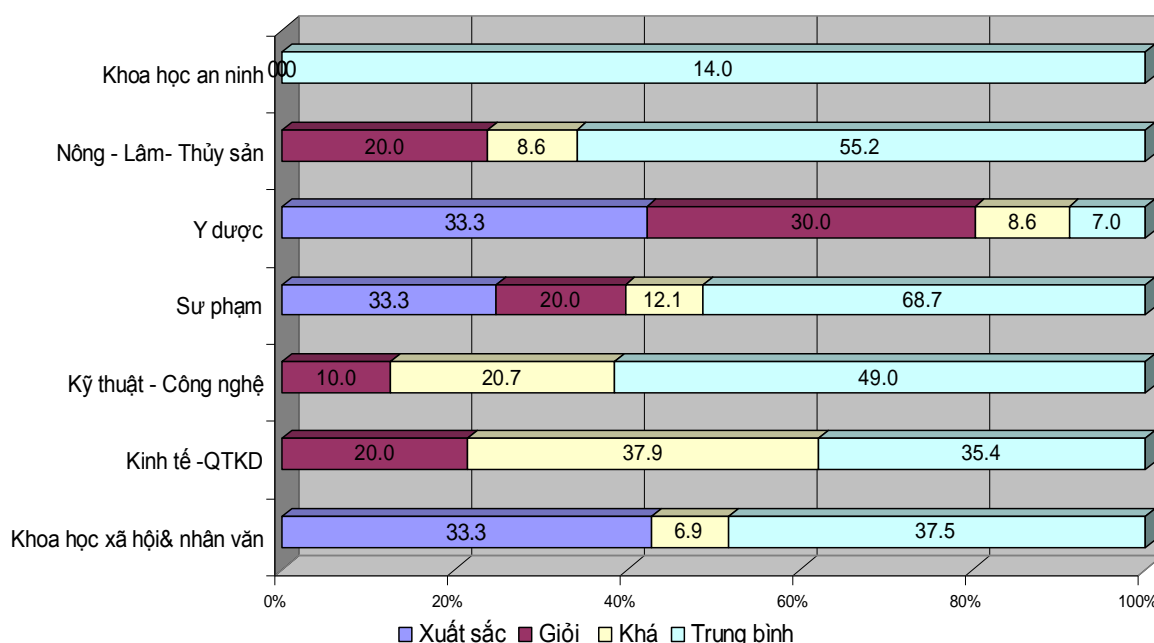
\* Gia đình khá giả: Các bạn học sinh thuộc các gia đình này chọn ngành đa dạng hơn, hầu như các bạn tham gia vào các ngành nghề khác nhau chỉ trừ nông - lâm - thủy sản; trong đó, chiếm tỷ lệ nhiều nhất là ngành kinh tế - QTKD (37.5%). Còn các ngành học kia được các bạn chọn với tỷ lệ tương đối đồng đều.

\* Gia đình bình thường: Các bạn học sinh thuộc các gia đình này chọn ngành đa dạng hơn, hầu như các bạn tham gia vào các ngành nghề khác nhau chỉ trừ y dược; trong đó, chiếm tỷ lệ nhiều nhất là ngành kỹ thuật – công nghệ (25.6%), kế đó là kinh tế chiếm 23.1%. Còn các ngành học kia được các bạn chọn với tỷ lệ tương đối đồng đều.

\* Gia đình khó khăn và gia đình rất khó khăn: Các bạn tương đối thận trọng trong việc chọn ngành. Chọn học ngành nào vừa có chi phí học tập tương đối thấp để các bạn có thể đeo đuổi đến cùng và vừa đáp ứng được nhu cầu lao động của xã hội là một điều khó đối với các bạn học sinh. Qua kết quả phân tích ta thấy ngành sư phạm được

các bạn có hoàn cảnh gia đình khó khăn chọn nhiều nhất chiếm 50% là sư phạm. Bởi vì khi học ngành này thì sinh viên được miễn hoàn toàn học phí, góp phần tiết kiệm cho các bạn một số tiền không nhỏ thay vì chọn ngành khác. Ngành học được lựa chọn tiếp là nông - lâm - thủy sản (chiếm 40% đối với gia đình khó khăn, chiếm 25% đối với gia đình rất khó khăn).

### ➤ Ảnh hưởng của kết quả học tập



**Hình 20: Ảnh hưởng của kết quả học tập đến việc chọn ngành**

➤ **Y dược:** Đa số các bạn thi Y dược là những bạn có học lực xuất sắc, giỏi và khá. Đây là ngành học luôn được xem là “ngành thượng” trong mọi thời đại. Tuy nhiên, ngày nay các bạn trẻ đã biết cân nhắc khả năng của mình, sở thích chỉ thành hiện thực khi được nó được kết hợp với năng lực. Vì thế, tỷ lệ các bạn có học lực trung bình, ở ĐBSCL chọn thi y dược chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ là 7%)

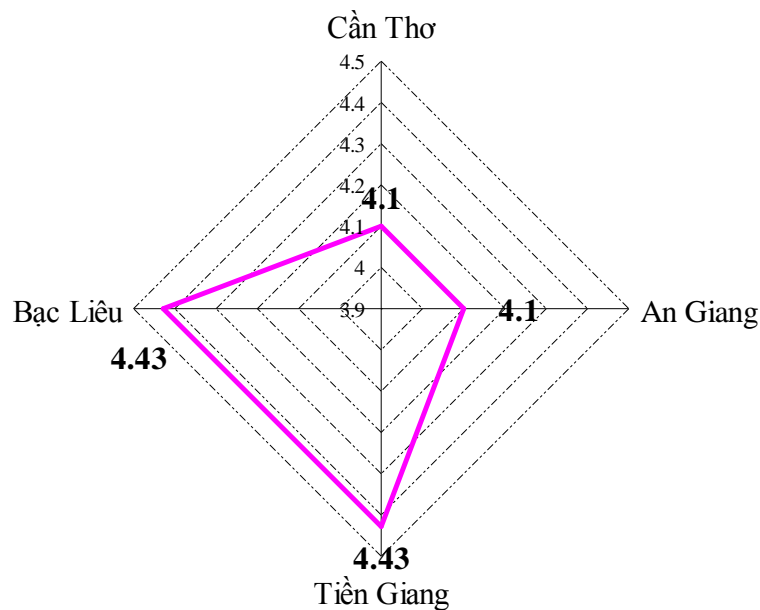
➤ **Sư phạm:** Là ngành được đa số các bạn học sinh yêu thích, tỷ lệ chọn ngành này phân bố ở hầu hết các loại học lực: xuất sắc (33.3%), giỏi (20%), khá (12.1%), trung bình (68.78%). Trong đó, những bạn có học lực giỏi, khá chọn thi vào các ngành sư phạm toán, lý, hóa, anh văn; còn những bạn có học lực trung bình, thì chọn ngành

sư phạm sử, địa, ngữ văn, giáo dục công dân vì những ngành này thường có điểm chuẩn thấp.

➤ **Kỹ thuật – Công nghệ:** Nhóm ngành học này được các bạn có học lực khá (20.7%), trung bình (49%) chọn nhiều. Mức điểm chuẩn của một số ngành thuộc nhóm này hằng năm ở các trường đại học khu vực ĐBSCL không cao lắm chỉ trừ ngành công nghệ hóa. Vì thế, các bạn hy vọng khả năng thi đậu vào đại học của mình sẽ cao.

➤ **Nông – Lâm – Thủy sản:** Các bạn học sinh ở các mức học lực giỏi, khá, trung bình đều có chọn ngành này. Trong đó, tỷ lệ học sinh có học lực trung bình chiếm cao nhất (55.2%).

### 🔗 Năng lực, sở trường cá nhân



Hình

**h 21: Mức độ quan trọng của yếu tố sở thích, sở trường cá nhân**

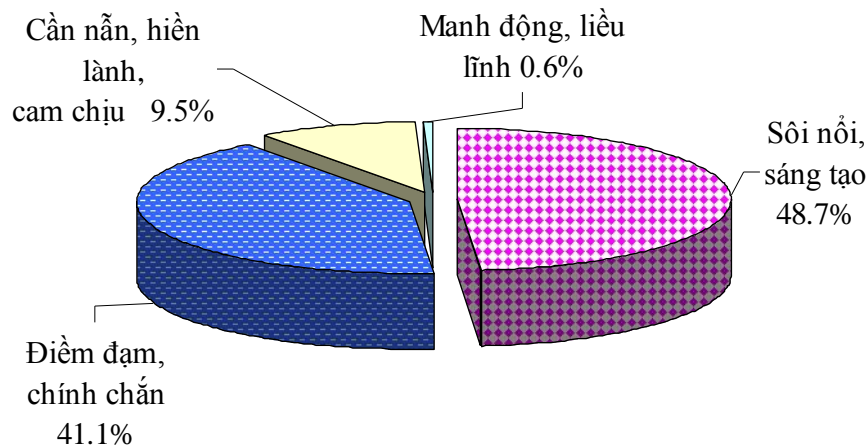
(Nguồn : Số liệu điều tra của tác giả, 03/2009)

Một nhân tố nữa được các bạn đánh giá cao là “Phù hợp với sở thích, sở trường cá nhân”.. Qua hình vẽ ta thấy, mức độ ảnh hưởng của nhân tố này đến quyết định lựa chọn ngành của học sinh ở bốn tỉnh có phần khác nhau. Trong các mức điểm từ 1 đến 5 (biểu thị cho mức độ quan trọng của yếu tố này giảm dần) thì ở hai tỉnh Bạc Liêu và Tiền Giang, các bạn học sinh đánh giá ở mức điểm trung bình là 4.43, tức là nhân tố “Phù hợp với sở thích, sở trường cá nhân” được các bạn đánh

giá là rất quan trọng trong quá trình chọn ngành và trường đại học. Còn ở Cần Thơ và An Giang mức điểm này là 4.1, điều đó chứng tỏ: nhân tố trên là một nhân tố quan trọng theo các bạn, tuy nhiên mức độ quan trọng này thấp hơn Bạc Liêu và Tiền Giang. Nếu việc lựa chọn đối với đa số các thí sinh có học lực trung bình, yếu là dựa trên “năng lực học tập” thì đối với các thí sinh có học lực khá - giỏi, “sở thích ngành nghề” là yếu tố quan trọng nhất trong việc theo đuổi con đường học vấn, cũng như thành công nghề nghiệp trong tương lai. Em có thể tự khám phá sở thích nghề nghiệp bằng cách thực hiện bản trắc nghiệm tự khám phá sở thích nghề nghiệp

#### 4.6.4 Yếu tố tâm lý

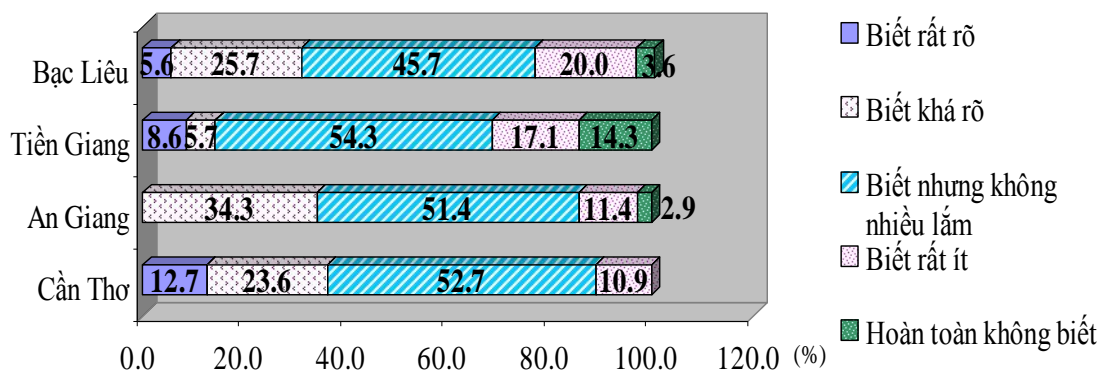
##### 🔗 Tính cách (cá tính) của học sinh



**Hình 22: Cá tính của học sinh trong môi trường nghiên cứu**

Các bạn học sinh trong mẫu điều tra thuộc nhóm người “Sôi nổi, sáng tạo, thích khám phá” nhiều nhất chiếm tỷ lệ 48.7%; kế đó là nhóm người “Điềm đạm, chín chắn” chiếm tỷ lệ 41.1%. Theo các nhà nghiên cứu, các bạn thuộc nhóm người sôi nổi, sáng tạo, thích khám phá phù hợp với các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật – công nghệ và khoa học tự nhiên, các bạn thuộc nhóm người điềm đạm, chín chắn phù hợp với các ngành kinh tế - QTKD và nông – lâm – thủy sản.

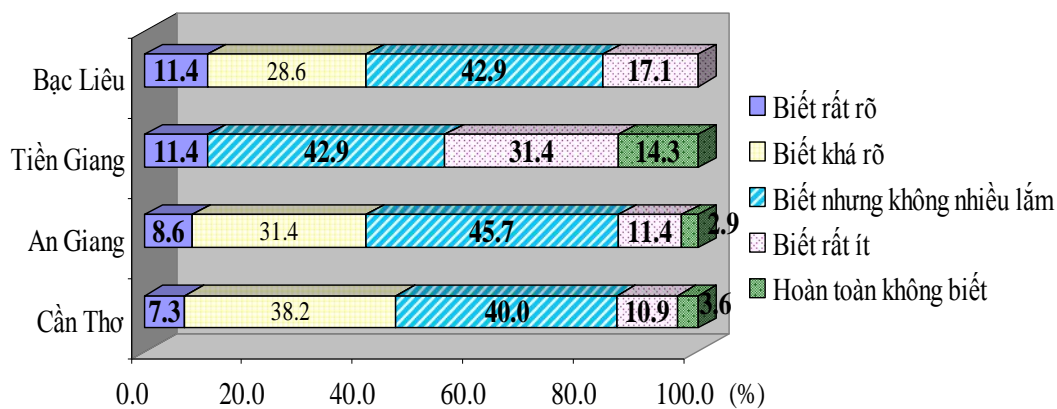
### 👉 Sự hiểu biết của học sinh về ngành và trường đại học



**Hình 23: Sự hiểu biết của học sinh về ngành**

(Nguồn: Số liệu khảo sát thực địa, 03/2009)

Nhìn chung, tỷ lệ học sinh biết rõ thông tin về ngành học chiếm tỷ lệ ít (Cần Thơ: 36.3%, An Giang: 34.3%, Tiền Giang: 14.3%, Bạc Liêu: 31.1%). Số còn lại là không biết hoặc biết ít thông tin. Hầu như các em chỉ có được thông tin hướng nghiệp qua ý kiến của gia đình hay lời tư vấn của thầy cô. Trên thực tế, có rất nhiều sách báo viết về các ngành và giới thiệu về các trường đại học khác nhau. Nhưng hình như nguồn thông tin này chưa đến được với các em học sinh ở ĐBSCL.



**Hình 24: Sự hiểu biết của học sinh về trường đại học**

Nhìn chung, tỷ lệ học sinh biết rõ thông tin về các trường đại học chiếm tỷ lệ ít. Trong đó, cao nhất là học sinh ở Cần Thơ: 45.5%, An Giang: 40%, Bạc Liêu: 40%, và ít nhất là học sinh ở Tiền Giang, chỉ chiếm 11%, số còn lại là không biết hoặc biết ít thông tin.



→ **Nhận xét chung:** Mức độ hiểu biết thông tin của học sinh về trường đại học có phần nhiều hơn sự hiểu biết về ngành (trừ tỉnh Tiền Giang). Vì các em có thể tìm kiếm thông tin về trường dễ dàng hơn từ những người xung quanh hay từ các phương tiện truyền thông. Nhưng nhìn chung, lượng thông tin các em có được là không nhiều bởi vì đa số đều chỉ được tham gia vào một buổi tư vấn hướng nghiệp do nhà trường tổ chức. Một số em khác thì may mắn hơn, được đưa đi tham quan ở các trường đại học nhưng tỷ lệ này không nhiều (An Giang: 9%, Tiền Giang: 3%, Bạc Liêu: 11%), chỉ trừ Cần Thơ (33%) là tỉnh có lượng học sinh được tham quan trường cao nhất. Ở Tiền Giang, lượng học sinh chưa được định hướng gì cả chiếm tỷ lệ rất cao là 63%. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc các bạn học sinh ở đây “nghèo nàn” về thông tin hướng nghiệp nhất trong 4 tỉnh. Điều này ảnh hưởng không tốt đến quyết định lựa chọn của các em.

## Chương 5

### GIẢI PHÁP ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG VÙNG ĐBSCL

#### 5.1. TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

##### 5.1.1 Tồn tại

###### ➤ Nhận thức về việc thi ĐH và tìm kiếm thông tin

♦ *Nhiều trường THPT chưa quan tâm đúng mức đến việc định hướng ngành và trường đại học cho học sinh*

- Ở cả bốn tỉnh, học sinh nhận thức về ngành học cho tương lai mình tương đối sớm, tỷ lệ học sinh chọn ngành từ lớp 11 trở về trước chiếm tỷ lệ cao nhưng lượng học sinh chưa được định hướng gì cả cũng chiếm tỷ lệ lớn, đặc biệt ở tỉnh Tiền Giang tỷ lệ này là 63%. Trong khi đó, một số khác khi được hỏi về thời điểm định hướng ngành thì đa số các em chọn phương án trả lời là “chỉ được tham gia vào một buổi tư vấn hướng nghiệp do nhà trường tổ chức”. Công tác hướng nghiệp ở các trường phổ thông trung học chưa đảm bảo đúng yêu cầu chất lượng của mục tiêu đào tạo, chưa giải đáp một cách thỏa đáng mọi thắc mắc có liên quan đến nghề nghiệp của học sinh. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc đa số các học sinh ở đây “nghèo nàn” về nguồn thông tin hướng nghiệp. Điều này ảnh hưởng không tốt đến quyết định lựa chọn của các em.

♦ *Còn nhiều học sinh chưa được tiếp cận với những nguồn thông tin bổ ích.*

- Nguồn thông tin được ít em lựa chọn đó là *truyền thanh, truyền hình* và từ *Internet, Website của trường*. Đây là các nguồn thông tin vô cùng bổ ích cho các em. Vì hằng năm trên các kênh truyền hình khác nhau thường có các chương trình tư vấn tuyển sinh, có sự tham gia của các chuyên gia hiểu biết tường tận về các lĩnh vực ngành nghề. Ở đây có thể giải đáp tất cả các thắc mắc của các em, giúp các em có cái nhìn đúng đắn về ngành học mà mình yêu thích. Tuy nhiên vì chương trình này chưa được thực hiện thường xuyên nên chưa thu hút được sự quan tâm của số đông học sinh. Ngoài ra, hầu hết các trường đại học đã thông tin đầy đủ về các ngành học của trường trên địa chỉ website của mình. Đây là nguồn thông tin rất đáng tin cậy. Thuận lợi là thế nhưng trên thực tế, việc trang bị cơ sở vật chất để các em tiếp cận với công

nghệ thông tin trong các trường THPT còn nhiều hạn chế, chỉ có những em ở các thành phố mới có cơ hội được biết đến.

♦ *Tâm lý hoang mang, lúng túng ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành và chọn trường của các bạn.*

- Đa số đối tượng nghiên cứu mang tâm lý hoang mang và lúng túng khi phải đứng trước quyết định quan trọng trong cuộc đời. Đặc biệt, tỷ lệ này khá cao ở hai tỉnh An Giang và Bạc Liêu. Đây là hai tỉnh có vị trí địa lý không thuận lợi so với hai tỉnh trên. Bạc Liêu nằm cách xa trung tâm văn hóa - kinh tế của vùng và là tỉnh có nhiều hộ nghèo ở ĐBSCL. Chính vì thế, việc tiếp cận với các nguồn thông tin của các bạn học sinh là rất hạn chế. Do đó, việc đưa ra quyết định chọn ngành và trường đối với các em gặp nhiều khó khăn dẫn đến tâm lý hoang mang là không tránh khỏi. Còn tỉnh An Giang nằm trong vùng lũ của ĐBSCL. Vì thế đời sống người dân còn nhiều khó khăn. Việc cho các em đi học đã là một sự phấn đấu lớn của gia đình và nhà trường huống chi là việc tư vấn tuyển sinh thường xuyên cho các em. Thêm vào đó, dân cư phân bố rộng khắp ở vùng núi lẫn vùng nông thôn vì vậy việc tổ chức các buổi hướng nghiệp gặp nhiều khó khăn. Vì thế, khi hướng nghiệp, các chuyên gia tư vấn nên quan tâm nhiều hơn đến các đối tượng này ở hai tỉnh An Giang và Bạc Liêu để giúp các em trở nên tự tin để có được sự lựa chọn sáng suốt.

### **5.1.2 NGUYÊN NHÂN**

♦ *Nhiều trường THPT chưa quan tâm đúng mức đến việc định hướng ngành và trường đại học cho học sinh*

Tại hầu hết các trường THPT hiện nay, học sinh lớp 12 bao giờ cũng được nhà trường tạo mọi điều kiện để tốt nghiệp, còn khâu hướng nghiệp cho các em thì không phải trường nào cũng quan tâm đúng mức. 100% ý kiến của Ban giám hiệu và giáo viên các trường đều cho rằng định hướng nghề nghiệp là yếu tố quan trọng, là một nội dung giáo dục không thể thiếu được trong nhà trường phổ thông để hình thành nhận thức và quan hệ tích cực của các em đối với việc chọn ngành nghề, chọn trường thi vào đại học. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện hướng nghiệp ở các trường chưa được quan tâm đúng mức nên chỉ có số ít trường phối hợp với các trường đại học tổ chức hội thảo tìm hiểu thêm về ngành nghề đào tạo để giới thiệu cho học sinh biết. Một số trường hướng nghiệp cho học sinh chủ yếu chỉ dựa vào giáo trình, chưa kết hợp được

lý thuyết với nhu cầu lao động của xã hội. Còn đa số các trường còn lại thì chỉ hướng nghiệp chung chung và thời gian cũng rất ngắn, chưa có sự gắn kết giữa các trường cao đẳng, đại học với các trường THPT trong việc tư vấn. Chính vì thế, phải đến khi đặt chân vào giảng đường các trường đại học, cao đẳng, các bạn mới được tiếp cận với những hoạt động giúp sinh viên nhìn nhận, làm quen với công việc thực tế.

Công tác hướng nghiệp chưa phát huy tác dụng ở nhiều trường THPT là do các thầy cô chưa được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ một cách bài bản. Để định hướng nghề nghiệp hiệu quả, đòi hỏi giáo viên phải có năng khiếu lẫn kỹ năng, hiểu biết sâu về công tác hướng nghiệp. Nhiều giáo viên phụ trách GDHN rất lúng túng khi triển khai hoạt động giảng dạy, vì các hình thức dạy môn học này khác xa với các tiết dạy văn hoá bình thường và không phải giáo viên nào cũng có kỹ năng tổ chức tiết học hiệu quả. Về phần học sinh, do giáo viên xem các môn học hướng nghiệp chỉ là môn học ngoại khóa, không tính điểm, nên các em cũng xem như là “cuối ngựa xem hoa”, chứ không nhận thức được tầm quan trọng của môn học này.

♦ *Nguyên nhân của thực trạng nhiều học sinh lúng túng trong việc chọn trường, chọn ngành học* để đăng ký dự thi vào đại học là do các em chưa được trang bị những thông tin cần thiết nên trước hàng trăm ngành học và trường đại học khác nhau, thì việc lựa chọn là một bài toán khó, khiến cho nhiều em trăn trở. Giáo dục hướng nghiệp và tư vấn học đường là một nhu cầu không thể thiếu của học sinh. Thế nhưng cho đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn chưa đưa ra được khung chính sách cho vấn đề này. Hơn nữa, xã hội, nhà trường và gia đình cũng chưa thực sự quan tâm đến việc hướng nghiệp cho con em mình ngay từ khi còn ở các cấp học phổ thông. Thực trạng này dẫn đến việc rất. Rất nhiều sinh viên học đến năm thứ hai, thứ ba, thì đã cảm thấy thất vọng trước quyết định ban đầu của mình. Vì vậy, theo một khảo sát mới đây nhất, thì đa số học sinh bày tỏ nỗi khát khao được tư vấn, hướng nghiệp để các em vững tin khi lựa chọn ngành và trường đại học cho mình.

Sở dĩ nhiều trường hiện đang rất thiếu lực lượng tư vấn chuyên nghiệp. Tại các trường phổ thông, hầu hết giáo viên chủ nhiệm làm công tác tư vấn nhưng lại không được đào tạo chuyên nghiệp. Các trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp có nhiệm vụ hướng nghiệp cho học sinh nhưng lại hoạt động chắp vá, lực lượng tư vấn vừa yếu lại vừa thiếu.

## **5.2 GIẢI PHÁP**

### ***→ Tăng cường nguồn thông tin hướng nghiệp***

Ngành giáo dục nói riêng và toàn xã hội nói chung, cần quan tâm nhiều hơn đến công tác hướng nghiệp học đường, nhằm giúp cho học sinh có đầy đủ thông tin trước ngã rẽ cuộc đời. Các em cần được giới thiệu về các ngành nghề khác nhau trong xã hội ngay từ những năm đầu học phổ thông, đặc biệt là những nghề có vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân, những nghề cần thiết phải phát triển ở ngay địa phương mình. Từ sự làm quen này, sẽ giúp cho các bạn trẻ trả lời câu hỏi: Trong giai đoạn hiện nay, những nghề nào đang cần phát triển nhất, thái độ đối với nghề như thế nào là đúng, v.v.. Đồng thời, học sinh còn phải biết những yêu cầu tâm sinh lý mà nghề đặt ra, những điều kiện vào học nghề v.v... Để các em tiếp thu tốt trong những buổi hướng nghiệp, các chuyên gia tư vấn nên phát triển hứng thú nghề nghiệp cho các em. Trong quá trình tìm hiểu nghề, ở học sinh sẽ xuất hiện và phát triển hứng thú nghề nghiệp. Có những học sinh thích nông nghiệp, em khác thích công nghiệp, có em lại chỉ chú ý đến nghệ thuật, v.v.. Người làm hướng nghiệp cần hướng dẫn sự phát triển hứng thú của các em trên cơ sở phân tích những đặc điểm, những điều kiện, những hoàn cảnh riêng của từng em một để từ đó, học sinh có thể tìm một nghề phù hợp nhất với những khả năng của cá nhân và thỏa mãn nhu cầu nhân lực cho tất cả các lĩnh vực nghề nghiệp (thị trường lao động). Cá nhân cần được thông tin đầy đủ về những yêu cầu, những sự thỏa mãn, những khó khăn của mỗi một ngành mà người đó đang quan tâm bằng các cách khác nhau: tham quan địa điểm và môi trường lao động nghề nghiệp, nghiên cứu các tài liệu có liên quan tới ngành, tạo cơ hội để làm quen, có thể mô phỏng ngành nghề và dự báo sự thành đạt trong lĩnh vực nghề đó nếu họ sẽ tham gia vào ngành nghề.

### ***→ Nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn cho cán bộ hướng nghiệp***

Muốn làm tốt những vấn đề nêu trên thì điều quan trọng nhất hiện nay là đào tạo giáo viên chuyên về hướng nghiệp, cần sắp xếp lại đội ngũ giáo viên, bồi dưỡng kiến thức về hướng nghiệp, hoặc có thể đào tạo giáo viên vừa dạy văn hóa vừa làm công tác hướng nghiệp. Mỗi trường nên thành lập một ban tư vấn. Ban này chịu trách nhiệm cập nhật những thông tin về tuyển sinh để giới thiệu cho học sinh.

***→ Phối hợp với các trường đại học tổ chức giao lưu hướng nghiệp***

Bên cạnh đó, nhà trường phải kết hợp với Đoàn, hội phụ huynh...tổ chức những diễn đàn, hội nghị trong nhà trường về vấn đề hướng nghiệp. Những buổi như vậy, phụ huynh sẽ biết được nguyện vọng của các em, từ đó giúp các em trong việc chọn ngành nghề. Hoặc các trường đại học thường tổ chức những đợt giao lưu hướng nghiệp cho học sinh ở những vùng xa. Những chuyến đi đó sẽ giúp các em thiếu thông tin sẽ có cái nhìn đúng đắn về các nhóm ngành học ở các trường đại học hiện nay; để các em không còn lúng túng và mơ hồ trong việc lựa chọn ngành học, cấp học phù hợp. Ngoài các thầy cô giáo mang lại cho các em thông tin về các ngành nghề đào tạo, điều quan trọng hơn là các em cần cung cấp cái nhìn đúng về tầm quan trọng của việc học đại học - cao đẳng - trung học chuyên nghiệp; ý thức sự khác biệt giữa ba bậc học ấy và xác định cấp học nào phù hợp với mình.

## Chương 6

### KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### 6.1. KẾT LUẬN

##### ⇒ *Các nhân tố ảnh hưởng*

- Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành và trường đại học của học sinh như: *khu vực sống, nghề nghiệp của gia đình, học lực, và các yếu tố tâm lý*. Trong đó, các bạn ở khu vực thành phố chọn thi vào *ngành kinh tế - QTKD*, những bạn ở thị xã và thị trấn lại thích thi vào khối ngành *khoa học xã hội & nhân văn*. Còn ở vùng nông thôn, hai khối ngành được lựa chọn nhiều là *nông - lâm - thủy sản và y dược*. Học sinh có *nghề nghiệp của người thân* trong gia đình khác nhau sẽ có những quyết định lựa chọn ngành, trường đại học cũng khác nhau. Nhìn chung, các bạn có gia đình làm nghề buôn bán hoặc là nhân viên doanh nghiệp và nhân viên hành chính thích thi vào ngành kinh tế-QTKD. Bởi vì lòng đam mê kinh doanh của gia đình đã thôi thúc thế hệ như các bạn mạnh chân tiến bước trên con đường này.

- Phần lớn học sinh không ỷ lại vào cha mẹ vì các em cho rằng tương lai của mình là do mình quyết định. Rồi trường phổ thông tức là ta đã lớn, đã đến lúc tự xác định hướng đi cho cuộc đời mình. Đó là một điều đáng mừng vì xã hội đang cần những thanh niên dám ước mơ, dám quyết định, dám làm, dám chịu trách nhiệm về bản thân mình.

- Trong các nhân tố thì nhân tố tâm lý ảnh hưởng đáng kể nhất đến quyết định chọn ngành và trường đại học của học sinh. Những yếu tố tâm lý bên trong con người như: nhu cầu, nhận thức, thái độ,...đặc biệt là “động cơ” có ảnh hưởng quan trọng đến quyết định chọn ngành của học sinh. Vì thế, các quyết định của người này không thể giống quyết định của người khác. ***Khi chọn ngành***, động cơ thúc đẩy học sinh ra quyết định phải kể đến là “*Khả năng có việc làm cao*”, “*Phù hợp với năng lực học tập*” . Theo đối tượng nghiên cứu thì nhân tố này được đánh giá là quan trọng nhất vì các em

kỳ vọng nhiều vào ngành học mà mình đã chọn, các em tin rằng việc chọn ngành giúp họ chắc chắn sẽ tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường để có nguồn thu thập ổn định đảm bảo cho những nhu cầu cơ bản của con người. Một yếu tố thuộc động cơ chọn ngành cũng không kém phần quan trọng là “sở thích ngành nghề”. Nếu việc lựa chọn đối với các thí sinh có học lực trung bình, là dựa trên “năng lực học tập” thì đối với các thí sinh có học lực khá - giỏi, là yếu tố quan trọng nhất trong việc theo đuổi con đường học vấn, cũng như thành công nghề nghiệp trong tương lai. **Khi chọn trường đại học dự thi**, động cơ thúc đẩy học sinh ra quyết định là nhân tố “*Trường bạn thích*”, “*trường có nhiều ngành nghề*”. Theo đối tượng nghiên cứu thì hai nhân tố này được đánh giá là quan trọng nhất. Qua đó, ta có thể kết luận về tính cách của các bạn học sinh THPT hiện nay là thích đề cao danh tiếng vì vậy họ chú trọng nhiều đến nhu cầu được quý trọng. Nhân tố có sự ảnh hưởng thấp nhất đến quyết định chọn trường là “*thi theo bạn bè*”.

#### ⇒ **Quyết định chọn ngành**

Ở thành phố Cần Thơ và tỉnh Tiền Giang, ngành học được các bạn học sinh lựa chọn nhiều nhất là kinh tế - QTKD. Đây là hai tỉnh có vị trí địa lý gần thành phố Hồ Chí Minh nên cơ hội phát triển kinh tế ở đây cũng có nhiều triển vọng. Ở tỉnh An Giang, hai ngành được lên ngôi là kỹ thuật - công nghệ. Ở tỉnh Bạc Liêu, học sinh có xu hướng chọn ngành thiên về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn chủ yếu là ngành luật và ngữ văn.

#### ⇒ **Quyết định chọn trường đại học**

Nhìn chung, các bạn học sinh ở cả bốn tỉnh thích thi vào trường Đại học Cần Thơ. Bởi vì đại học Cần Thơ là ngôi trường lớn nhất ở ĐBSCL với hơn 60 ngành học. Nơi đây đã đào tạo ra đội ngũ trí thức góp phần làm thay đổi diện mạo của ĐBSCL. Chính nhờ uy tín đó mà mong muốn trở thành sinh viên của trường là niềm mơ ước của bạn trẻ nơi đây. Kế sau trường đại học Cần Thơ, các bạn chọn thi vào các trường đại học ở địa phương như: đại học An Giang, đại học Tiền Giang, đại học Bạc Liêu.

→ Nhìn chung, tuy thiếu những thông tin cần thiết về ngành và trường đại học nhưng khi ra quyết định chọn ngành học sinh THPT có sự đắn đo cẩn thận không chạy theo bạn bè, đây là một điều đáng mừng. Những nhân tố được các em đánh giá là quan trọng đều là những nhân tố hợp lý. Các em chọn ngành có cơ sở chứ không liều lĩnh



chọn lựa theo phong trào hay theo cảm tính. Còn việc chọn trường cũng phù hợp với khả năng và điều kiện kinh tế gia đình. Đa số các bạn chọn thi vào những trường ở khu vực ĐBSCL để tiết kiệm thời gian và chi phí, chỉ có một số ít chọn thi ở thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, có những bạn có điều kiện kinh tế và học lực khá giỏi nhưng còn e dè trong việc quyết định chọn thi ở các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh vì biết rõ những thông tin về trường. Vì thế, những đối tượng này nói riêng và học sinh THPT ở ĐBSCL nói chung đang rất cần sự quan tâm tư vấn tuyển sinh của nhà trường, gia đình và xã hội để các em vững tin hơn trước quyết định quan trọng của cuộc đời, để có nhiều nụ cười sẽ nở trên môi của những người thành công trên bước đường sự nghiệp, hài lòng với nghề mình đã chọn.

## **6.2 KIẾN NGHỊ**

### ***➤ Ban giám hiệu các trường THPT***

*⇒ Thứ nhất, thăm dò nguyện vọng của học sinh*

Bằng phương pháp đánh dấu vào những biểu mẫu thăm dò đã được soạn sẵn, các em học sinh sẽ bày tỏ nguyện vọng, khả năng học vấn và ước mơ trong tương lai của mình. Kết quả của việc thăm dò này sẽ trở thành căn cứ để giáo viên chủ nhiệm cùng thảo luận với phụ huynh để lựa chọn ngành nghề phù hợp khả năng và nhu cầu. Hằng tháng, tại các lớp học, cần có những tiết dạy hướng nghiệp định kỳ theo mô hình hội thảo với những chủ đề hấp dẫn, lôi cuốn các em từ những tên gọi như "Kế hoạch nghề nghiệp của em", "Cách chọn nghề của em", "Kế hoạch cuộc đời em"...

*⇒ Thứ hai, phối hợp với các trường cao đẳng, đại học*

Nhà trường cần tổ chức tư vấn tuyển sinh tại trường có sự tham dự của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trong tỉnh cũng như ở các tỉnh khác. Nếu trường nào có học sinh chủ yếu thi vào đại học thì trường nhận tư vấn của các trường đại học nhiều hơn, còn lại thì nhận tờ rơi để phát cho học sinh tham khảo thêm. Thầy cô chủ nhiệm hướng dẫn cho học sinh nghiên cứu “Những điều cần biết về tuyển sinh” và cung cấp cho các em học sinh lớp 12 các thông tin về tỷ lệ chọi, điểm sàn... của các trường ĐH, CĐ những năm học trước.

Đưa học sinh đi tham quan các trường đại học, để các em có thể hình dung được phần nào những kiến thức mà các em sẽ được học khi đậu vào trường, giúp các em biết được ngành học đó có phù hợp với khả năng cũng như sở thích của mình hay

không. Nếu có cơ hội, nhà trường - hội phụ huynh - địa phương kết hợp với các cơ quan, doanh nghiệp đưa một nhóm học sinh đến tìm hiểu trực tiếp về công việc.

⇒ *Tạo hứng thú cho học sinh trong những buổi hướng nghiệp*

Giáo viên hướng dẫn nên tạo các em thấy được tầm quan trọng của việc tham gia vào những buổi học hướng nghiệp. Bên việc cung cấp những thông tin về các nghề nghiệp khác nhau, từ nghề phổ thông nhất đến đặc biệt nhất, từ nghề cổ xưa nhất đến nghề hiện đại nhất, các thầy cô nên đưa hình ảnh về các ngành nghề để làm cho buổi hướng nghiệp trở nên sinh động. Khi trả lời câu hỏi, giáo viên nên giải thích cho các em thấy được sự cần thiết của một nghề nào đó, nơi đào tạo, cơ hội tìm việc, khả năng phát triển trong nghề, những phẩm chất cần có của người theo nghề, những niềm vui và sự hy sinh cho nghề.

🦋 ***Các trung tâm tư vấn hướng nghiệp***

- Các trung tâm hướng nghiệp - dạy nghề cũng là một bộ phận trong giáo dục - đào tạo, nhưng chủ yếu chỉ tập trung ở thành phố. Vì thế, các trung tâm này nên mở rộng về các vùng nông thôn, nơi học sinh đang cần những người tư vấn chuyên nghiệp. Các trung tâm hướng nghiệp nên phát huy hơn nữa vai trò của mình. Vì thực chất sự tồn tại của các trung tâm chưa có sự gắn kết nhiều với trường học và mang tính dịch vụ, chưa tìm đến nhu cầu của học sinh.

- Các trung tâm hướng nghiệp nên phối hợp với đài phát thanh, truyền hình tổ chức những buổi tư vấn trực tiếp cho học sinh vào những ngày cố định nào đó trong tuần (có thể là ngày chủ nhật) để các em tiện theo dõi.

🦋 ***Học sinh THPT***

⇒ Học sinh phải xem mình cần học ngành học nào sau đó mới chọn trường. Việc chọn ngành học phải thỏa mãn những yêu cầu như khả năng bản thân, năng khiếu, yêu cầu nghề nghiệp và nhu cầu xã hội hoặc phù hợp với thể mạnh của quê mình. Ngoài ra, các em cũng nên đăng ký vào các ngành nghề nước ta đang rất cần. Tuy nhiên, dù đặt bút chọn ngành nào đi nữa thì thí sinh phải tự lượng sức mình, nghiên cứu kỹ sách “Những điều cần biết về tuyển sinh”, tham khảo ý kiến thầy cô, gia đình, anh chị khóa trước và tham gia các buổi tư vấn tuyển sinh. Học sinh có thể lựa chọn ngành nghề mà

mình yêu thích nhưng phải xem xét năng lực học và đặc biệt là tố chất của em đó có phù hợp với ngành nghề đó hay không. Nếu học sinh không có sở trường về ngành đã chọn thì khi vào học sẽ dễ chán nản, không hiệu quả. Bên cạnh đó, các bạn có thể tham khảo các nghiên cứu(\*) về những ngành nghề nào phù hợp với những loại cá tính nào, đánh giá xem mình thuộc nhóm người nào để chọn ngành phù hợp.

⇒ Còn đối với những bạn không đậu đại học thì cũng không nên quá buồn vì hằng năm, chỉ có 15 đến 20% trong số hơn 1,5 triệu thí sinh dự thi được vào đại học, cao đẳng. *Chọn học một nghề* phù hợp với sở trường, tính cách, hoàn cảnh gia đình là một điều cần thiết. Hiện nay, thị trường lao động Việt Nam đang thiếu rất nhiều thợ giỏi. Nếu học tốt, ra trường các em sẽ rất dễ kiếm việc làm. Khi đã trở thành thợ lành nghề, bạn sẽ có cơ hội có thu nhập cao không kém so với những người tốt nghiệp đại học.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lưu Thanh Đức Hải (2007): Marketing ứng dụng, NXB Giáo dục
2. Lưu Thanh Đức Hải (2002): Nghiên cứu Marketing, NXB Thống kê
3. Nguyễn Quốc Nghi (2008): Bài giảng Hành vi khách hàng
4. Cẩm nang tư vấn toàn cảnh mùa thi 2009, NXB Thanh niên./
5. La Hồng Huy. (2001). Thực trạng và giải pháp về công tác hướng nghiệp ở một số trường trung học phổ thông tỉnh An Giang.
6. Nguyễn Phi Yến (2006). Hành vi lựa chọn ngành thi đại học của học sinh lớp 12.
7. Minh Trường (2007). Nhiều thay đổi trong lựa chọn ngành nghề.
8. Dương Diệu Hoa (2006). Giáo dục lao động và hướng nghiệp trong vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông.

### **Danh sách các website tham khảo**

1. <http://www.ueh.edu.vn/tcptkt/ptkt2005/thang09-05/daocongtien.htm>
2. [http://vbqpp1.moj.gov.vn/law/vi/sub\\_search\\_results?dk\\_sort](http://vbqpp1.moj.gov.vn/law/vi/sub_search_results?dk_sort)
3. <http://www.vnmedia.vn/NewsDetail.asp?>

## PHỤ LỤC 1

### BẢNG CÂU HỎI PHÒNG VẤN

#### PHIẾU KHẢO SÁT HÀNH VI LỰA CHỌN NGÀNH HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HỌC SINH PHỔ THÔNG KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học, trường đại học và đề xuất các giải pháp định hướng ngành nghề phù hợp cho học sinh trung học phổ thông khu vực ĐBSCL. Cuộc phỏng vấn trực tiếp này rất quan trọng của nghiên cứu. Do đó, bằng cách trả lời một số câu hỏi dưới đây, bạn đã góp phần vào sự thành công của đề tài. Vì vậy, tôi rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các bạn. Chúng tôi rất hoan nghênh sự cộng tác của bạn và hãy yên tâm rằng những câu trả lời của bạn sẽ được giữ bí mật tuyệt đối.

#### 1. PHẦN QUẢN LÝ

Tên đáp viên: ..... Số điện thoại: ..... Giới tính: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ Tuổi: .....	Tên phỏng vấn viên: ..... Ngày phỏng vấn: ..... Kiểm tra viên: ..... Kết luận: .....
---	---

#### 2. PHẦN NỘI DUNG

Q1. Dự tính của bạn sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học là ?

Q2. Trong đó bạn ưu tiên chọn phương án nào ?

	Trả lời câu Q1 (Bạn có nhiều lựa chọn)	Trả lời câu Q2 (Bạn chỉ có một lựa chọn)	
- Thi vào trường đại học	1	1	Tiếp tục PV
- Thi vào trường cao đẳng	2	2	Ngừng PV
- Thi vào trường trung học chuyên nghiệp	3	3	Ngừng PV
- Thi vào trường đào tạo nghề	4	4	Ngừng PV
- Không tiếp tục học để phụ giúp gia đình	5	5	Ngừng PV
- Tự tìm công việc để tạo thu nhập cho bản thân	6	6	Ngừng PV

- Khác: .....	7	7	Ngừng PV
---------------	---	---	----------

Q3. Bạn có nghĩ việc thi vào các trường đại học là con đường duy nhất để có được việc làm tốt và thăng tiến nhanh trong tương lai hay không ?

1. Đúng

2. Sai

Ý kiến khác:

.....  
 .....

Q4. Bạn đã có định hướng chọn ngành học và trường đại học từ khi nào ? (*Bạn chỉ có một lựa chọn*)

Khi nào	Trước lớp 10	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Khác: .....
Ngành học	1	2	3	4	5
Trường ĐH	1	2	3	4	5

Q5. Khi chọn một ngành học và trường đại học để dự thi, mức độ biết thông tin về ngành và trường bạn chọn như thế nào ? (*Bạn chỉ có một lựa chọn*)

Mức độ	Biết rất rõ	Biết khá rõ	Biết nhưng không nhiều lắm	Biết rất ít	Hoàn toàn không biết
Ngành học	1	2	3	4	5
Trường ĐH	1	2	3	4	5

Q6. Định hướng sắp tới của bạn là sẽ thi ngành nào và thuộc trường nào? (*Bạn có nhiều lựa chọn*)

NGÀNH	TRƯỜNG	TỈNH/THÀNH PHỐ
Ví dụ: Quản trị kinh doanh	Đại học Cần Thơ	Cần Thơ
1.		
2.		
3.		
Trong đó bạn ưu tiên chọn ngành nào? .....		

Q7. Bạn đã từng tìm hiểu những thông tin về ngành và trường ĐH từ đâu? Bạn có nhận định gì đối với thông tin mà bạn đã chọn? (*Bạn có nhiều lựa chọn*)

Nguồn thông tin		Chọn	Nhận định		
			Tin cậy	Dễ tìm	Hữu ích
1.	Truyền thanh, truyền hình	<input type="radio"/>	1	2	3
2.	Sách, Báo chí, tạp chí	<input type="radio"/>	1	2	3
3.	Thông tin từ internet/website của trường	<input type="radio"/>	1	2	3



11.	Có khả năng trúng tuyển cao	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
12.	Có Viện/Trường gần nhà	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
13.	Nguồn lực tài chính của gia đình	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
14.	Phù hợp với năng lực học tập	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
15.	Phù hợp với sở thích, sở trường cá nhân	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
16.	Tự hào khi học ngành đó	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
17.	Tính thời thượng của ngành nghề	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
18.	Theo truyền thống gia đình	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
19.	Khác: .....	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5

Q11. Khi **chọn ngành học** bạn thường quan tâm đến vấn đề gì ? (Bạn có nhiều lựa chọn)

Vấn đề bạn quan tâm		Chọn	Rất không quan trọng	Không quan trọng	Khá quan trọng	Quan trọng	Rất quan trọng
1.	Có thu nhập cao khi ra trường	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
2.	Có vị trí xã hội cao	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
3.	Mức học phí phải đóng thấp	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
4.	Phù hợp với năng lực học tập	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
5.	Phù hợp với sở thích	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
6.	Có khả năng trúng tuyển cao	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
7.	Khả năng có việc làm cao	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
8.	Tự hào khi học ngành đó	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
9.	Khác: .....	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5

Q12. Khi **chọn trường ĐH**, bạn thường quan tâm đến vấn đề gì ? (Bạn có nhiều lựa chọn)

Vấn đề bạn quan tâm		Chọn	Rất không quan trọng	Không quan trọng	Khá quan trọng	Quan trọng	Rất quan trọng
1.	Trường có danh tiếng	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
2.	Trường có nhiều ngành nghề	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
3.	Tỷ lệ chọi thấp	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
4.	Điểm chuẩn thấp	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
5.	Trường gần nhà	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
6.	Trường bạn thích	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5



7.	Thi theo bạn bè	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
8.	Học phí thấp	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
9.	Thời gian đào tạo	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5
10.	Khác: .....	<input type="radio"/>	1	2	3	4	5

Q13. Thái độ của bạn khi đưa ra quyết định chọn ngành và trường ĐH như thế nào ?  
(*Bạn chỉ có một lựa chọn*)

Thái độ		Chọn
1.	Rất hoang mang/lúng túng	<input type="radio"/>
2.	Bình tĩnh/không có gì để lo lắng	<input type="radio"/>
3.	Rất tự tin/chắc chắn	<input type="radio"/>

Q14. Bạn vui lòng cho biết, định hướng của mình nếu không trúng tuyển ĐH đã chọn ?  
(*Bạn chỉ có một lựa chọn*)

Giải pháp		Chọn
1.	Chưa từng nghĩ đến	<input type="radio"/>
2.	Tiếp tục luyện thi đại học	<input type="radio"/>
3.	Thi vào trường cao đẳng	<input type="radio"/>
4.	Thi vào trường trung học chuyên nghiệp	<input type="radio"/>
5.	Thi vào trường đào tạo nghề	<input type="radio"/>
6.	Không tiếp tục học để phụ giúp gia đình	<input type="radio"/>
7.	Tự tìm công việc để tạo thu nhập cho bản thân	<input type="radio"/>
8.	Khác: .....	<input type="radio"/>

### Cuối cùng xin bạn vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân

Câu 15: Bạn thuộc tuýp người nào sau đây ? Hãy khoanh tròn vào chữ cái phía trên ô có chứa những đặc điểm gần giống với tính cách của bạn nhất. (*Bạn chỉ có một lựa chọn*)

<p style="text-align: center;"><b>A</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tính tình sôi nổi.</li> <li>* Nhạy cảm, thông thái.</li> <li>* Thích khám phá, sáng tạo.</li> <li>* Thường không vừa lòng với thực tại, thích cải tiến, đổi mới.</li> <li>* Dễ đam mê hứng khởi nhưng cũng dễ chán.</li> <li>* Thích làm việc độc lập.</li> <li>* Ở đỉnh cao thường khó hòa nhập với mọi người.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>B</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tính tình điềm đạm, chín chắn.</li> <li>* Biết lắng nghe ý kiến người khác.</li> <li>* Dễ hòa nhập vào quần chúng.</li> <li>* Dễ bằng lòng với cuộc sống, công việc.</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>C</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tính tình cần mẫn, hiền lành.</li> <li>* Bằng lòng với cuộc sống, cam chịu.</li> <li>* Trung thành với cấp trên.</li> <li>* Thích công việc ổn định, ngại đổi mới.</li> <li>* Thích lao động chân tay hơn là lao động trí óc.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>D</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đặc điểm tính cách của những người này là:</li> <li>* Không chín chắn.</li> <li>* Dễ mất động lực, liều lĩnh, không thích tuân theo kỷ luật.</li> <li>* Không yên tâm với công việc và cuộc sống.</li> <li>* Hay xung khắc với mọi người.</li> </ul>

Q16. Bạn đang học ở trường:..... Huyện: .....  
Tỉnh: .....

Q17. Bạn thích học môn nào? (Bạn có nhiều lựa chọn)

Toán	Văn	Sinh	Lý	Hóa	Sử	Địa	Ngoại ngữ	Kỹ thuật	Thể dục
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Q18. Kết quả xếp loại học tập của bạn ? (Bạn chỉ có một lựa chọn)

Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB Khá	Trung bình	Yếu	Kém
1	2	3	4	5	6	7

Q19. Vui lòng cho biết bạn thuộc thành phần tôn giáo nào dưới đây ? (Bạn chỉ có một lựa chọn)

Phật giáo	Thiên chúa	Hòa hảo	Cao đài	Tin lành	Không tôn giáo	Khác:..
1	2	3	4	5	6	7

Q20. Hiện tại, bạn đang sống ở khu vực nào dưới đây ? (Bạn chỉ có một lựa chọn)

Thành phố	Thị trấn, thị xã	Nông thôn
-----------	------------------	-----------

1	2	3
---	---	---

Q21. Nghề nghiệp chính của gia đình bạn: *(Bạn chỉ có một lựa chọn)*

Nông dân	Công nhân	NV doanh nghiệp <sup>1</sup>	NV hành chính <sup>2</sup>	Giáo viên	Buôn bán nhỏ	Ngành nghề bán thời gian	Khác: .....	Khác: .....
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Q22. Hoàn cảnh kinh tế gia đình bạn thuộc loại nào? *(Bạn chỉ có một lựa chọn)*

Giàu có	Khá giả	Bình thường	Khó khăn	Rất khó khăn
1	2	3	4	5

**Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các bạn, chúc các bạn thành công trong học tập và có được một ngành nghề như ý muốn!**

---

<sup>1</sup> Nhân viên thuộc các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, các loại hình doanh nghiệp khác.

<sup>2</sup> Nhân viên trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể, đảng, các hiệp hội, .....